

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỎ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Tòa-soạn : 233, đường Phạm Ngũ-Lão Sài-gòn — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ V ★ SỐ 80 ★ 15-5-1962

1.— Phổ-Thông đổi mới	Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Phép ăn chay tại các chùa ở Nhật — Tòa đại sứ Nhật		10 — 12
3.— Kannilverstan (chuyện ngắn ngoại quốc)	Phạm Công Thiện	13 — 15
4.— Nhân vật Xuân thu	Thiếu-Sơn	16 — 22
5.— Bức thư Paris	Nguyễn văn Cồn	23 — 25
6.— Thuật trình về Đại-hội P.G.T.G.	Thích trí Chơn	26 — 34
7.— Niềm vui chân lý (thơ)	Nguyễn văn Thanh	35
8.— Áo tết (truyện ngắn)	Mỹ Khanh	36 — 39
9.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	40 — 46
10.— Những bước đi thăm (thơ)	Hoài Khanh	47
11.— Đời sống của Đức Thánh Thái trên đảo La Réunion	Phạm trường Lưu	48 — 53
12.— Gió loạn thời gian (truyện dài rút ngắn) Phụng Chi		54 — 60

13.— Minh vi / Thuật « hiện-sinh » của J. P. Sartre	Diệu Huyền	61 — 70
14.— Những người chết không mồ	J. P. Sartre	71 — 76
15.— Mãi còn (thơ)	Duy Uyên	77
16.— Ký giả thuở trước	Té Xuyên	78 — 82
17.— Một giấc mơ hoa	Duyên Hồng	83 — 88
18.— Chuyện lạ cổ kim	Điền Sơn	89 — 93
19.— Phê bình sách mới	Nguyễn Vỹ	94 — 100
20.— Chung quanh một bài thuyết-trình ở Đại-học Văn-khoa	Quốc-Sĩ	101 — 105
21.— Y-học Phổ-Thông : ăn chay	B.s. Ngô quang Lý	106 — 112
22.— Mồ hôi nước mắt	Nguyễn Vỹ	113 — 118
23.— Nhắn tin riêng	Diệu Huyền	119 — 130

- ★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

PHỎ THÔNG

IN TOÀN CHỮ MỚI

THÊM NHIỀU MỤC MỚI

P

HỒ-THÔNG đã phổ-thông khắp các tầng lớp trí-thức và bình-dân. Mỗi kỳ đều có in thêm, gửi bán vẫn thiếu luôn ở các tỉnh, các quận. *Phổ-Thông* cũng được phổ-biến khá rộng rãi ở ngoại quốc, nhất là ở các nơi có Sinh-viên và kiều-bào Việt-nam: Paris, Marseille, London, Suisse, Hamburg, Bangkok, Pnompenh, Vientiane Philippines, Taipei, Tokyo, India, Indonesia... Độc giả của *Phổ-Thông* là người Việt, người Anh, người Pháp, người Mỹ, người Nhật. Độc-giả của *Phổ-Thông* là tín-đồ Phật-giáo, Gia-tô-giáo, Hồi-giáo...

H

Ả NG cố gắng làm cho tạp-chí *Phổ-Thông* không đến nỗi thua kém lắm đối với các tạp-chí Văn hóa quốc-tế, chúng tôi đã đặc biệt chú trọng đến giá trị và uy tín của nó về phẩm cũng như về lượng. Cho nên chúng tôi vẫn lo cải thiện mãi-mãi tạp chí *Phổ-Thông* theo những nhu cầu mới, và theo số độc giả mỗi ngày mỗi tăng. Bạn đọc càng nhiều, *Phổ-Thông* càng cố gắng cho đẹp hơn, cho đầy đủ và bổ ích hơn. Mục phiếu vĩnh viễn của *Phổ-Thông* là **cố gắng**.

O

N-định, được tinh thần và vật chất sau mấy năm kinh-nghiệm với những sai lầm vô-ý-thức, những điều nản chí, những thử thách đau thương, ngày nay *Phổ-Thông* đã rút được một vài bài học quý báu trong việc cải-thiện nội-dung và hình-thức, cho càng thích hợp hơn nữa với đại đa-số bạn đọc thân yêu đã đặt nhiều tin-tưởng nơi nó và đã mẫn chuộng nó.

T

RINH-độ văn-hóa của độc-giả *Phổ-Thông*, — Chúng tôi chỉ nói đến số bạn đọc thường xuyên và trung-thành, — từ bậc cao như các cấp Đại-học trong nước và Hải-ngoại, lan rộng ra khắp các giới Trí-thức, Công-chức, Phụ-nữ, Sinh-viên, Quân-đội, Nông-dân, Lao-động, cho nên nhu-cầu biên-soạn và kỹ-thuật của tạp-chí cũng cứ phải tăng-gia mãi. Đến nỗi tạp-chí *Phổ-Thông* ngày nay không còn là tạp báo hoàn toàn của chúng tôi nữa, mà nó đã trở thành cơ-quan văn-hóa chung của đa-số người Việt-Nam, và nó cần phải thích ứng với trình-độ học hiểu của tất cả các tầng lớp độc-giả.

H

ÒA-hợp các nhu-cầu và ý nguyên của đại đa-số, chúng tôi đã mở thêm nhiều mục mới để cung-cấp tạm đầy-đủ được phần nào những đề-tài thiết yếu, hoặc tổng quát thường thức, hoặc chuyên môn. Đại-khái những mục: *Tân Y-học*, *Bức thư Paris*, *Khoa-học hiện-dại*, *Tem thư quốc-tế*, *Phê-bình sách mới*, v.v... đều được mở thêm, để hưởng ứng các thư yêu-cầu của một số đông Bạn đọc trung-thành. Chỉ

có thêm chứ không có bớt, vì không có mục nào mà bạn đọc đề nghị bãi bỏ. Nhưng, muốn thay đổi luôn luôn phong-độ hấp dẫn của *Phồ-Thông*, và đề tránh sự khô khan nặng nề mà đa số bạn đọc chán ghét, chúng tôi thấy cần phải sắp xếp các mục thường-xuyên cách khoảng một vài kỳ, hoặc một vài tháng, nhưng không bao giờ bỏ hẳn.

O

N lại các số cũ từ bốn năm nay, nhiều bạn yêu-cầu chúng tôi giữ nguyên hết các mục bỏ ích, đừng bỏ mục nào. Nhưng làm sao giữ lại hết các mục cũ trong khi nhiều bạn khác tha-thiết đề-nghị mở thêm nhiều mục mới? Vì thế, chúng tôi phải sắp xếp cho cách khoảng. Thí dụ như « *Danh nhân thế giới* », « *Những người dân bà lừng danh* », « *Cuộc đời tình ái các văn nghệ sĩ* », v.v... đã và sẽ tiếp tục đăng vài ba kỳ, rồi tạm gác lại vài ba kỳ để thay-thế vào đây các mục « *Tân y học* », « *Tem thư quốc tế* », « *Câu chuyện lạ kim cổ* » v.v... Hầu hết các mục kia sẽ luân-chuyển thay thế kế-tiếp, đăng vài ba kỳ rồi tạm nghỉ vài ba kỳ, như thế để gây một làn gió văn-hóa luôn luôn đổi mới và luôn luôn mát-mẻ trong tinh-thần bạn đọc. Những loạt bài được bạn đọc đặc biệt chú ý và theo-rõi với rất nhiều cảm tình như « *mình ơi* », « *đáp bạn bốn phương* », « *Thơ lên ruột* » v.v... chúng tôi sẽ đăng liên tục, cố gắng không để thiếu kỳ nào. Đó cũng là ý muốn chung của đại đa-số anh chị em độc-giả. Mỗi kỳ chúng tôi sẽ tiếp-tục dịch một truyện ngắn quốc-tế lựa chọn do những cây bút có nhiều kinh nghiệm và nhiều khả-năng ngoại ngữ (Anh, Đức, Pháp, Ý, Espagnol, Tàu, Nhật, Indonesia, Ấn-độ...) và một chuyện ngắn sáng tác của Việt-nam. Trái lại, chúng tôi sẽ bãi bỏ « *chuyện dài rút ngắn* » nhường chỗ cho các bài khác mới lạ và lợi ích hơn.

N

Ê N nói rõ đề các bạn thông-cảm: trên thế-giới ít có tờ báo nào, hay tạp-chí nào, tránh được hẳn các sai-lầm.

Tạp-chí *Phồ-Thông* thỉnh-thoảng cũng có phạm một đôi lầm-lỗi vì sơ-sốt, vội-vàng, vô-ý, nhưng luôn luôn chúng tôi kịp thời đính-chính ngay trong một vài số sau, hoặc nhờ bạn đọc chỉ bảo cho. Chúng tôi luôn luôn phục-thiện, vì trên đời này có gì là hoàn-toàn được đâu, có ai là tài giỏi cả đâu. Luôn luôn chúng tôi cảm ơn các bạn đọc chỉ cho chúng tôi những lỗi-lầm mà chúng tôi không thấy.

Trái lại, các lỗi về ấn-loát chúng tôi sẽ cố gắng sửa chữa thận-trọng hơn, và kỹ-càng hơn. Từ nay, Tạp-chí *Phồ-Thông* in toàn bằng chữ mới thì chắc chắn là các lỗi về ấn-loát và kỹ-thuật sẽ tránh được nhiều. Trước kia vì chữ cũ và mòn, in lem-luốc, cho nên chúng tôi sửa bài hay bị lầm-lẫn. Từ nay, chúng tôi hy-vọng tạp-chí *Phồ-Thông* của các bạn sẽ hoàn-hảo hơn nhiều về phương diện kỹ-thuật và ấn-loát.

G

LỜ đây, *PHỒ-THÔNG* đổi mới lại ngẫu-nhiên trúng vào số Đặc-biệt Phật-Đản! Chúng tôi không sắp đặt trước, nhưng sự tình-cờ đây ý-nghĩa ấy có lẽ là một triệu-chúng tốt đẹp khuyến-khích chúng tôi thêm tin-tưởng vào ý-chí phục-vụ chẳng?

Con đường xây dựng Văn-hóa nhân-dân còn lâu dài. Chúng tôi mới đi được một vài bước đầu. Chúng tôi sẽ cố gắng tiến bộ, để còn đi mãi, còn đi mãi...

Chào lưu-luyến

PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ

★ TÒA ĐẠI SỨ NHẬT

SHOJIN- RYORI

hay
là

PHÉP ĂN CHAY

*Nhân lễ Phật-Dân, chúng tôi
có nhận bài sau đây do Tòa Đại-
sứ Nhật-bản ở Sài-gòn có nhâ-y
gởi đăng.*

*Chúng tôi xin thành thật cảm
ơn Tòa Đại-sứ Bạn.*

● P. T.

SHOJIN-RYORI là một phép
ăn chay đặc-biệt của Nhật-Bản.
« *Shojin* » nghĩa là kiêng thịt,
và « *ryori* » nghĩa là thức ăn làm
sẵn. Do đó « *Shojin-ryori* » có
nghĩa là món ăn làm sẵn bằng
rau không thịt.

Nguyên-thủy chữ Shojin-Ryo-
ri là do 2 chữ Saint Shinran,
tên một vị sáng lập phái Phật-
Học mà dân chúng thường gọi
là « *Shin-Shu* ».

Cũng như Martin Luther bên
đạo Thiên-Chúa, Shinran xưa
kia là một nhà cải-cách nổi
tiếng về Phật-Giáo Nhật-Bản.
Sau nhiều năm kinh-nghiệm bản
thân, Shinran đã tin tưởng rằng
cách tu-hành khổ-hạnh của Đạo
Phật không thể áp-dụng tại Nhật
Bản và đã bất-mãn với lối sống
đạo-đức giả của phần lớn các
nhà sư thời đó. Ông bèn nhân-
tính-hóa đạo Phật bằng cách
cho lấy vợ lấy chồng và sống
một cuộc đời lâu dài mà thức
ăn hàng ngày có cả thịt.

PHÉP ĂN CHAY

Tuy việc dùng thịt làm thức
ăn được công-nhận, nhưng Shin-
ran lại đặt ra một điều-kiện.
Ông bảo rằng mỗi người nên
kiêng thịt vào những ngày mà
thân-nhân gia-đình mình hay
những vị thần-thánh đã qua đời.
Người ta gọi ngày này là « *Sho-
jin-Bi* » nghĩa là một ngày
kiêng-cử, và thức ăn sửa soạn
vào dịp này được gọi : « *Shojin-
Ryori* ».

Ý-nghĩa làm nền tảng cho
việc đặt ra ngày « *Shojin-Bi* » là
cốt để mọi người tưởng-niệm
đến những linh-hồn quá-cổ bằng
cách thực-hành điều răn của
Phật là « không sát sinh » vào
những ngày kỷ-niệm các thân-
nhân trong gia-đình hay các vị
thần-thánh đã qua đời. Và đây
là một mẩu chuyện đã dọi sáng
một phần rất thích-đáng về thái-
độ của ông Shinran thường tự
cho mình không phải là nhà tu-
hành hoặc người không đạo
(hisoh-hizoku).

Các tín-đồ Phật - Giáo theo
học các trường « Phật - Giáo
Zen » (Thiền-Định) khác nhau
vẫn ăn chay thường-xuyên hơn
những tín-đồ của ông Shinran.

nhất là các nhà tu-hành tại các
trường đó, và các chú tiểu thụ-
giáo tại những tịnh-xá Zen. Nơi
đây, họ chẳng những phải ăn
chay hàng ngày mà còn phải
trồng tất cả các thứ rau cần
dùng trong đất nông trại của
tịnh-xá. Nhà sáng-lập ra Môn-
Phái Zen « *Soto-Shu* » là ông
Saint Dogen đã theo Đạo Zen
tại Trung-Hoa, ông được coi
như vị hướng-đạo đầu tiên trong
phép ăn chay thường-xuyên của
người Nhật vì đã cố gắng thích
ứng phép ăn chay của dân
Trung - Hoa với sở - thích của
dân-chúng Nhật-Bản.

Nhờ môn ăn chay này người
ta được mạnh khỏe và sống lâu,
đó là một sự-kiện rõ ràng.
Những đặc-tính của các giáo-sư
Môn Phái Zen là kiên-nhẫn chịu
đựng sự giảng dạy khắc-khổ
trong nhiều năm, đạt tới sự
thông-suốt và bền-chí tham-thiền
nhập-định, các đặc-tính đó sẽ
không thể có nếu họ không nhất
quyết ăn chay. Hầu hết những
người nóng nảy sống theo lối
mới, không biết đến những tật
bệnh thông thường do sự ăn
thịt gây ra như bệnh ung-thư,
sưng dạ-dầy, bệnh ngưng động

mạch, cùng nhiều tật bệnh khác nữa. Khoa-học đã chứng tỏ rằng sinh-tổ và khoáng-chất lấy ở trong thảo-mộc ra tốt hơn những được-phẩm nhân-tạo. Chất bồ thảo-mộc như lấy trong đậu nành chẳng hạn, có thể nói là tốt hơn hay ít ra cũng tinh-khiết hơn chất bồ trong thịt súc-vật đã chết nhiễm đầy chất độc.

Điều đáng chú-ý là ta thấy loài vật ăn cỏ như chim bồ-câu, sóc, thỏ, cừu, bò, voi, hay những súc-vật tương-tự, thường hiền lành hơn và như vậy dễ mến hơn là hổ, báo, và những thú-dữ khác chuyên ăn thịt. Thú dữ ăn thịt có vài đặc-tính mà

loài người không có, nhất là nhanh-vượt của chúng được nảy nở đề sẽ miếng mỗi sống-giả dụ vậy — như thế đủ chứng tỏ rằng từ nguyên-thủy loài người đã được sinh ra như một loài ăn cỏ. Vậy mà loài người lại ăn rất nhiều thịt, và hiện nay đang ăn thịt quá nhiều.

Tuy một số người thừa nhận giá-trị của thức ăn thảo-mộc nhưng vẫn hoài-nghi rằng làm sao thức ăn thảo-mộc lại ngon được như những thức ăn mà họ thường dùng quen từ trước tới nay. Nghi-ngờ này sẽ tiêu tan nếu họ thử ăn chay tại các tịnh-xá Zen hoặc tại các quán cơm chay.

★ BIẾT VÀ KHÔNG BIẾT

- Kẻ nào không biết, và không biết rằng mình không biết, là một kẻ điên : anh nên tránh nó.
- Kẻ nào không biết, và biết rằng mình không biết, là một đứa trẻ nít : anh nên dạy nó.
- Kẻ nào biết, và không biết rằng mình biết, là một người mê ngủ : anh nên đánh thức hắn dậy.
- Kẻ nào biết, và biết rằng mình biết, là một người khôn : anh nên theo hắn.

Tục-ngữ BA-TU

VĂN CHƯƠNG ĐỨC

kannitverstan

truyện ngắn

★ Johann Peter Hebel

● PHẠM CÔNG-THIỆN dịch

HÃNG ngày, có thể nói rằng người ta đều có dịp đề suy-tư về sự vô thường của vạn sự ở thế-gian này và có dịp đề học cách tự mãn với số phận mình ; dù rằng cuộc đời thực chẳng có gì dễ-dãi tươi đẹp. Một anh thợ người Đức kia ở Amsterdam lại lãnh hội được chân lý này nhờ sự lầm lỗi của anh và do một đường lối loanh-quanh kỳ cục nhưt.

Giữa thị-tứ sầm-uất phồn thịnh, nhà cửa tráng-lệ chen nhau san-sát, tàu bè nhấp-nhô, thiên-hạ nhộn-nhip, đôi mắt ngỡ-ngờ của anh lại hướng về một

ngôi nhà xinh đẹp to lớn, xinh đẹp hơn tất cả những ngôi nhà mà anh đã từng thấy từ trước đến giờ, từ Tuttlingen đến Amsterdam. Anh đứng nhìn mãi-miết, anh nhìn tỉ-mỉ, từ sáu ống khói trên mái nhà và những đường viền xinh đẹp cho đến những cửa sổ cao rộng, mỗi cửa sổ đều lớn hơn cánh cửa trước ở ngôi nhà của cha anh. Nhìn mê-mạn đã rồi, khó cầm lòng lại, anh liền xông lại hỏi một người đi đường : « Ông bạn thân mến, ông vui-lòng cho tôi được biết tên người chủ của ngôi nhà xinh đẹp này ».

Không biết tiếng Đức, lại mắc bận việc đi gấp, người đi đường ấy cầu nhau: « Kannitverstan » rồi bỏ đi nhanh. Kannitverstan là một tiếng Hòa-lan, có nghĩa là « Tôi không thể hiểu anh được ». Thế mà, trái lại, anh thợ người Đức lại tưởng đó là tên của người chủ ngôi nhà trống lẹ kia (anh không biết tiếng Hòa-lan). Vừa bước đi, anh vừa tự nhủ: « ông Kannitverstan chắc giàu ghê lắm đấy ».

Bước lang thang vào những con đường hẹp, rồi anh lại thả lần đến cửa sông. Nơi đây tàu bè đậu san sát bên nhau. Anh bờ ngõ sung sướng muốn thu tất cả những hình ảnh xinh đẹp vào đôi mắt anh, nhất là lúc anh nhìn thấy một chiếc tàu thương nghiệp vừa ở đảo Ấn-ti về đến bến; người ta lố nhố chất hàng lý xuống. Trên bến tàu lù lù nào bao, bó, thùng, nằm thành từng đống từng hàng, ôi thôi nào là thùng đường, cà-phê, lúa, tiêu và — xin lỗi — có cả cứt chuột nữa...

Ngắm nhìn những cảnh tượng này thực lâu, rồi anh hỏi một người phu khuân vác; anh hỏi cho biết tên của người chủ, con

người tốt phúc đã được nhận những kiện hàng này từ xa xôi miên viễn đưa về. Người phu ấy trả lời: « Kannitverstan ». Anh liền nghĩ thầm: « Lạ này, biển còn đem về cho ông ta những của cải như vậy thì ta cũng không lấy gì làm lạ khi ông xây cất được một ngôi nhà xinh đẹp trống lẹ như thế kia ».

Rồi anh lại lủi thủi bước đi, đau lòng xót dạ nghĩ đến số phận hẩm hiu của mình, một kẻ nghèo khổ sống lạc lõng giữa bao nhiêu kẻ giàu sang phú quý trên trần gian này. « Ước chi rồi đây tôi cũng được giàu sang như ông Kannitverstan ». Đang lúc anh nghĩ mông lung như vậy, anh đi vòng qua góc phố và bỗng gặp một đám ma đồ-sộ. Bốn con ngựa phủ vải đen kéo một cỗ xe đen, đi chậm rãi và thăm đạm cơ-hồ như những con ngựa ấy cũng biết rằng chúng nó đang đưa một người mệnh bạc đến chốn an nghỉ cuối cùng. Cả một đoàn bạn bè thân sơ của kẻ xấu số lẻo đẻo theo sau đám táng, họ đi từng cặp thành hàng dài. Tiếng chuông lẻ loi ngân lên xa-xôi. Anh bạn người Đức của chúng ta bỗng nhiên cảm

thấy buồn vô hạn, nỗi buồn mà không ai có lòng lại có thể dẫn lại được khi nhìn thấy đám táng đi qua. Thế rồi, chàng thắp theo sau người tiễn đưa cuối cùng (người này đang nghĩ đến chuyện thu lời lãi về bông gòn khi giá kiện hàng được tăng lên), chàng kéo lấy áo của ông ta, xin lỗi một cách hồn nhiên, rồi nói: « ông tiễn đưa theo sau quan-tài một cách áo não và lặng buồn như vậy, người xấu số này chắc là bạn thân của ông lắm nhỉ? » Ông ấy trả lời: « Kannitverstan ».

Đôi dòng lệ chan chứa bỗng lăn dài từ đôi mắt của anh thợ da cảm này. Anh cảm thấy buồn man-mác, nhưng đồng thời lại cảm thấy nguôi ngoai liền. Anh than thở: « Ông Kannitverstan đáng thương ơ, giờ đây, những của cải giàu sang kia, ông có còn lại gì chẳng? Rồi đây tôi cũng sẽ chết, ông rất giống tôi, mặc dù tôi nghèo, nghĩa là rút cục lại ông và tôi cũng chỉ: một

cái khăn liệm cả bao nhiêu đóa hoa hương sắc ở nơi cửa sổ nhà ông kia, giờ đây có lẽ chỉ vài đóa hoa thường được đặt trên buồng ngực lạnh lẽo của ông ». Nghĩ miên man như thế, chàng bước theo đoàn người tiễn đưa cho tới phần mộ và nhìn « ông Kannitverstan » được mai táng tại nơi an nghỉ nghìn thu. Chàng xúc động hơn bao giờ cả.

Cùng với những kẻ tiễn đưa khác, chàng từ giả người chết và bước đi về, nhẹ nhàng trong tâm-tư. Nơi một quán cơm có người hiểu tiếng Đức, chàng ăn uống sung-sướng thoải-mái lắm. Sau này, mỗi lúc nào tâm hồn buồn khổ chiu nặng vì ở đời này bao nhiêu người quá giàu, còn chàng lại quá nghèo, lúc ấy, chàng chỉ nhớ lại ông Kannitverstan ở Amsterdam và chàng cảm thấy nguôi ngoai nhẹ nhàng liền: Chàng nghĩ đến ngôi nhà to lớn, chiếc tàu đồ-sộ và ngôi mộ chật hẹp của ông ta.



NHÂN VẬT



Xuân Thu

TẦN-VĂN-CÔNG nhờ có nhiều hào-khiết giúp đỡ đã trở nên bá-chủ thiên-hạ và truyền bá-nghệp lại cho con là Tần-Tương-Công.

Tương-Công có đức-độ và chí lớn đã giữ vững được sự

ngiệp của cha. Nhưng người kẻ-nghệp cho Tương-Công lại là một hôn-quân vô-đạo.

Khi Tương-Công chết Thề-Tử Di-Cao còn là một đứa con nít.

Tướng-quốc Triệu-Thuần muốn phế Di-Cao mà lập một Công-tử khác lên nối nghiệp. Ông sợ một đứa con nít chưa đủ trí khôn để giữ nước.

Phu-nhơn Mục-Doanh âm thề-tử Di Cao khóc than thảm-thiết gây áp-lực cho Triệu-Thuần phải tuân theo di-chiều của Tương-Vương mà lập Di-Cao lên làm Vua lấy hiệu là Tần-Linh-Công.

TẦN

LINH CÔNG

★ THIẾU - SƠN

NHÂN VẬT XUÂN THU

Quan tướng-quốc đời ý là gây xáo-trộn trong triều-dinh vì những cuộc tranh-chấp giữa các bè phái không thể nào tránh khỏi.

Nhưng rồi những mầm loạn nhỏ cũng dấy yên và Linh-Công được âm lên ngai vàng để ngồi làm bù-nhìn cho Tướng-quốc.

Thời gian qua, Linh-Công một ngày một lớn, không muốn làm bù-nhìn nữa thành nên bạo-chúa.

Trong triều có một quan đại-phu khéo nịnh là Đổ Ngạn-Giả.

Ngạn-Giả nói gì Linh-Công cũng nghe. Ngạn-Giả tâu xin lập một vườn hoa trong kinh-thành để cho nhà vua thường-ngoạn. Vua y tâu và cho Ngạn-Giả trông coi về việc đó. Ngạn-Giả tìm những danh-hoa dị-thảo đem về trồng trong vườn hoa, nhiều như là hoa đào nên cánh vườn được gọi là Đào-Viên. Trong Đào Viên lại có xây một cái đài cao ba tầng, khoảng giữa có lập một cái lầu gọi là Giáng Tiên lầu, cột vẽ hoành-sơn, gạch hoa, ngói đỏ, đứng

trên đó mà trông xuống thì phở xá, thành quách đều như ở trước mắt cả. Tần-Linh-Công rất đẹp ý, thường lên lầu cùng với Đổ-Ngạn-Giả thì nhau bắn chim, uống rượu làm vui. Một hôm, Tần-Linh-Công truyền cho phường hát múa hát ở trên đài, nhân-dân xúm quanh ở ngoài vườn để coi. Tần-Linh-Công chợt cao hứng bảo Đổ-Ngạn-Giả:

— Bắn chim sao bằng bắn người. Ta cùng nhà ngươi hãy thử chơi: Ai bắn trúng mắt thì được giải nhưt, bắn trúng vai và cánh tay thì tha không kể. Nếu bắn không trúng thì phạt một đấu rượu thiệt to.

Tần-Linh-Công bắn về phía hữu. Đổ-Ngạn-Giả bắn về phía tả. Quân chúng ở ngoài vườn kẻ bị tên trúng mang tai, người bị trúng cạnh sườn, nhón nháo bỏ chạy và kêu ầm lên:

— Ai bắn như vậy?

Tần-Linh-Công cả giận, truyền cho quân-sĩ cùng bắn, tên ra như mưa. Nhân-dân: người vỡ đầu, kẻ lũng trán, người lòi mắt, kẻ gãy răng.

tiếng khóc nổi lên rất là thê thảm. Tần-Linh-Công đứng ở trên đài trông thấy cảnh tượng đó ném cả cung xuống đất mà cười ha-ha. Ông nói với Đồ-Ngạn-Giả :

— Ta chơi ở đài này, chưa bữa nào vui như hôm nay.

Từ ngày đó, dân nước Tần không ai dám đi qua Đào Viên. Nhà Châu đem biều Linh-Công một con chó quý tên gọi Linh-Ngao, mình cao ba thước, sắc như than đỏ mà lại tinh khôn lắm, biết theo ý người. Người nào có lỗi Linh-Công thường gọi Linh-Ngao sai căn. Linh-Ngao chồm lên, cắn vào tận mặt, kỳ chết mới thôi. Linh-Công cắt một người nuôi Linh-Ngao, mỗi ngày cho ăn mấy cân thịt dê. Linh-Ngao cũng biết chiều ý người nuôi, bảo sao được vậy. Người nuôi Linh-Ngao gọi là Ngao-Nô, được ăn lộc theo hàng trung-đại-phu. Tần-Linh-Công thiết triều tại nội-cung. Mỗi ấn thiết triều hoặc đi chơi đầu Ngao-nô vẫn dắt con Linh-ngao hầu ở cạnh vua, ai trông thấy cũng phải khiếp sợ. Bọn Triệu-Thuân thường khuyên

Linh-Công nên dùng người hiền, xa kẻ nịnh và chăm nom việc chính-trị trong nước. Nhưng Linh-Công cứ như điếc, chẳng để lời khuyên vào tai, lại có ý nghi kỵ.



Một hôm, tan triều, các quan đại phu đều lui về cả chỉ có Triệu-Thuân và Sĩ-Hội còn đứng ở cửa cung. Hai người đều là bậc trung thần, than thở với nhau về việc nước. Thành-linh họ thấy hai người nội-thị khiêng một cái giỏ tre ở trong đi ra. Triệu-Thuân nói : « Sao lại có cái giỏ tre ở trong cung ra như vậy ? » Rồi ông gọi hai người nội-thị lại.

Hai người nầy cứ cầm đầu đi thẳng, không nói gì cả.

Triệu-Thuân hỏi tiếp :

— Trong giỏ tre đựng cái gì đây ?

Nội thị có vẻ sợ hãi thưa rằng :

— Ngài là quan tướng quốc, nếu ngài muốn xem thì đến mà xem chứ chúng tôi không dám nói.

Triệu Thuân càng nghi, rú Sĩ-Hội cùng đến xem thì thấy một cánh tay người thò ra

ngoài giỏ. Hai người liền nắm giỏ tre lại để khám xét thì thấy một thân người chết. Triệu Thuân tra hỏi, dọa chém đầu. Bọn nội thị mới chịu khai như sau :

« Người nầy là một tên đầu bếp. Chúa Công sai nấu món thịt gầu, nấu mãi không xong. Chúa Công giục hai ba lần mới chịu đem lên nhưng món ăn chưa chín. Chúa Công giận, đánh chết tên đầu bếp, chém làm mấy khúc rồi sai chúng tôi khiêng bỏ ra ngoài đồng. Chúa Công hẹn thời khắc cho mà đi, nếu về chậm thì có tội ».

Triệu Thuân cho bọn nội thị khiêng đi rồi quay lại nói với Sĩ Hội :

— Chúa Công bạo ngược quá ! Coi mạng người như cỏ rác. Nước nhà chẳng bao lâu sẽ đến ngày nguy vong.

Hai người bàn nhau chia phiên vào can vua. Sĩ Hội vào trước. Linh-Công vừa thấy mặt liền hỏi :

— Quan đại-phu khỏi can nói. Ta đã biết lỗi rồi. Đề ta sửa chữa.

Sĩ Hội xụp lạy mà tâu rằng :

— Người ta ai khỏi làm lỗi. Có lỗi mà không biết lỗi là người ngu. Công chúa biết lỗi mà quyết tâm sửa chữa thật là đại phúc cho nước nhà.

Nói xong, Sĩ-Hội lui ra thuật chuyện lại với Triệu-Thuân. Triệu-Thuân nói : « Nếu Chúa Công có lòng đổi lỗi thì trong nội ngày nay chắc có chánh-linh khác ».

Qua ngày hôm sau, Tần-Linh-Công lại truyền sắp xa-giá ra chơi Đào - Viên như thường-lệ.

Triệu-Thuân liền tới trước Đào-Viên để đợi xa-giá Linh-Công đến thì xông ra yết-kiến.

Linh-Công tỏ vẻ ngạc-nhiên mà hỏi rằng :

— Ta chưa hề có triệu nhà người bao giờ, sao nhà người lại đến đây ?

Triệu-Thuân xụp lạy mà tâu rằng :

— Tôi nghe nói đầu ông vua vô đạo đến đâu cũng chưa ai lấy việc giết người làm vui bao giờ. Nay Chúa-công nuôi chó

đề cần người, bản cung đề hại người, lại vì một điều lỗi nhỏ mà xã thấy tên đầu bếp. Mạng người là trọng mà Chúa-công coi rẻ như vậy thì sao cho giữ yên được nước nhà. Nếu tôi không nói thì không ai dám nói nữa. Xin Chúa-công quay xe về triều, sửa chữa lỗi trước, khiến cho nước nhà khỏi biến-loạn thì tôi đầu chết cũng thỏa lòng.

Tần-Linh-Công có ý thẹn, lấy vật áo che mặt mà nói :

— Nhà người hãy lui về, để cho ta chơi một hôm nay nữa, từ mai trở đi ta xin theo lời.

Triệu Thuần đứng chặn cửa vườn, không cho Linh-Công vào. Đổ - Ngạn - Giả ở bên cạnh liền nói :

— Quan Tướng - Quốc khuyên can Chúa-Công thế là phải lắm. Nhưng xa-giã đã đến đây rồi, chẳng lẽ quay trở về liền khiến cho người ta chê cười. Ấu là quan Tướng Quốc hãy lui về, đến buổi Triều sáng mai sẽ thương nghị.

Tần Linh-Công cũng nói :

— Buổi triều sáng mai ta sẽ triệu nhà người.

Triệu Thuần bắt đắc dĩ phải đứng tránh ra một bên để cho Linh-Công đi, rồi trừng mắt nhìn Đổ-Ngạn-Giả mà mắng rằng :

— Làm cho nước nhà suy-vong là bởi lũ này !

Nói xong, Triệu-Thuần còn hầm hầm tức giận. Đổ-Ngạn-Giả theo Tần-Linh Công vào vườn. Linh-Công đang vui cười, Ngạn-Giả bỗng thở dài mà nói :

— Tiếc thay cuộc vui này chỉ còn lần này là lần chót.

Linh Công hỏi :

— Sao quan đại phu lại nói như vậy ?

Ngạn-Giả thưa :

— Tôi chắc rằng sáng mai Triệu-Tướng-Quốc lại nói lời thôi không để Chúa công bước đến đây nữa.

Tần Linh-Công nổi giận mà rằng :

— Từ xưa đến nay chỉ có bề tôi bị vua kiểm chế, chưa nghe thầy vua bị bề tôi kiểm-chế bao giờ. Lão này còn sống thật không tiện cho ta chút nào. Ta

biết dùng kẻ chi mà trừ cho được ?

★

Cờ nhiên là Đổ Ngạn-Giả hiện kẻ trừ Triệu Thuần. Nhưng mạng họ Triệu lớn lắm. Lần thứ nhứt Đổ Ngạn-Giả sai người thích khách, người thích khách kiêu oai Triệu Thuần không nỡ xuống tay và đập đầu tự sát. Lần thứ hai, Linh Công cho quân mai phục rồi mời Triệu Thuần vào cung uống rượu để hạ sát, nhưng Triệu Thuần cũng thoát khỏi mà trốn đi. Rốt cuộc cháu Triệu Thuần là Triệu-Xuyên đã gạt được Linh-Công và giết chết ngay tại Đào-Viên, kết-liếu được một hôn-quân vô-đạo, một bạo-chúa của Tần-quốc.

Lịch-sử Trung-Hoa có rất nhiều bạo-chúa. Vua Kiệt, vua Trụ thường được nhắc tới nhiều vì hai ông ở ngôi thiên-tử. Nước Tần chỉ là một nước chư-hầu nên Linh-Công ít được người nhắc đến. Nhưng so-sánh tội ác thì Linh-Công có thể chiếm giải quán-quân.

Ta đã thấy Tề-Y-Công chặt chẻ người chết, cướp vợ người sống nhưng Y-Công có

thù với người chết và quá yêu vợ người sống nên mới có những hành-dộng nói trên.

Còn Tần-Linh-Công không thù oán gì nhơn-dân nước Tần mà nỡ bắn vào đám đông để vui đùa thỏa-thích thì con người đó hết còn là con người. Con người đó là tâm-hồn bình-hoạn lại được cái hoàn-cảnh và sự giáo-dục của triều đình làm hư thân.

Một ông vua khai-quốc phải nhờ vào lực-lượng của nhân-dân.

Một ông vua soán-ngịch cũng phải mị-dân để gây hậu-thuần.

Nhưng một ông vua tọa-hưởng kỳ-thành mà lại được nổi ngôi ngay từ hồi còn măng sữa thì chẳng hề biết có dân.

Sống trong cung vàng, điện ngọc, được cha mẹ nuông chiều, được kẻ bần, người thừa, ngay từ hồi còn trứng nước nó đã xa nhân-dân, xa thực-tế, quen thói khinh-bạc tự-tôn và coi mình như rún của vũ-trụ. Chính những kẻ được cất-cử ra dạy nó cũng chỉ

dạy cách làm vua chứ không dạy cách làm người và lại còn khuyển-khích nó buông-lung và ích-kỷ.

Sống trong một hoàn-cảnh như thế nó chỉ mong sớm được nối ngôi cha để thêm quyền-hành mà làm bậy.

Khi đã nắm trọn quyền-hành trong tay nó lại thêm người nịnh bợ để kiếm miếng dinh-chung và nó lại càng gây nên nhiều tội-ác.

Thê-Tử Di-Cao chính là ở trường hợp nói trên. Chàng chỉ thấy cái thê-lực của một ông vua mà lại làm bá-chủ thiên-hạ. Chàng đâu có thấy những nỗi khổ-cực của ông, của cha đã gây nên cái sự-nghiệp để lại cho chàng.

Chàng đâu có biết nhân-dân nước-Tần đã đổ bao xương máu để tạo nên cái sự-nghiệp đó.

Và bởi thế nên khi đã trưởng thành và chễm-chệ ngôi trên đầu thiên-hạ, Tần Linh-Công mới coi dân-chúng như cầm thú và bán vào bọn cầm-thú này để mua vui.

Triệu-Thuân khuyên ông :

« Dẫu ông vua vô-đạo đến đâu cũng chưa ai lấy việc giết người làm vui bao giờ ».

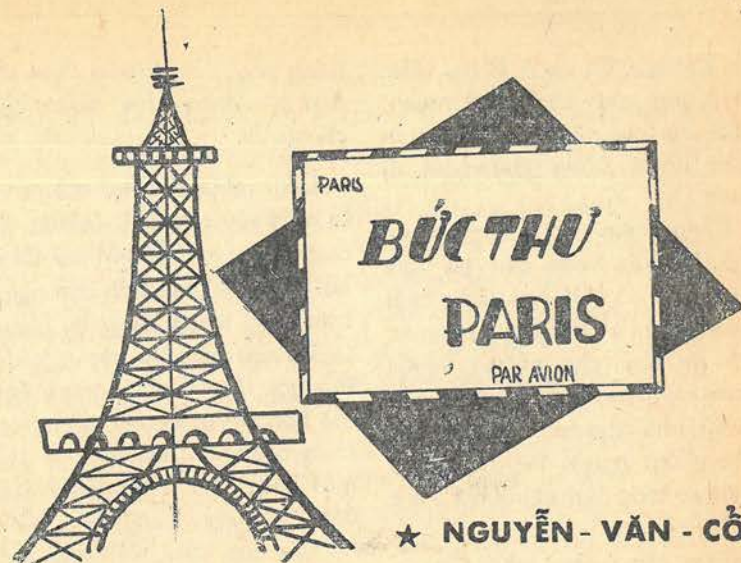
Nhưng ông chưa được ai dạy cho biết con người là gì và cho biết những tương-quan giữa vua với dân, giữa người với người, giữa đồng-bào cùng máu-mũ. Người ta chỉ dạy ông làm vua nên ông mới coi rẻ mạng sống của con người.

Hơn nữa, ông còn bị bọn gian nịnh độc-xúi và khuyển-khích những bản-năng thú-vật của ông nên ông càng ngày càng đi sâu vào tội-lỗi.

Một người sáng-suốt như Tể-Hoàn-Công mà còn ư a nịnh huông chi là một kẻ hôn-quân. Chính hôn-quân đã mở miệng nói rằng :

« Từ xưa đến nay chỉ có bề-tôi bị vua kiểm-chế, chứ chưa nghe vua bị bề-tôi kiểm-chế bao giờ ».

Đúng là cái giáo-dục phong-kiến đã tạo nên một quái-vật như Tần-Linh-Công. Những kẻ làm cha mẹ nên lấy đó làm gương, nhứt là khi mình có tiền nhiều và đôi chút quyền thế.



★ NGUYỄN - VĂN - CỎN

Paris, ngày 1-4-1962

Bạn thân mến,

TRONG « Bức thư » đầu tiên của tôi, tôi đã hứa sẽ nói với bạn về những hoạt động của kiều bào tại Pháp. Mấy lần trước, tôi đã nói qua về việc học của sinh viên. Lần này tôi nói với bạn những nỗi buồn khổ của những kẻ lữ-thứ tha-hương.

Trong đời, tưởng không gì buồn thảm hơn cái chết của con người, nhứt là khi người ấy mình quen biết, mến yêu. Nhưng

thưa bạn, cái chết của một người quen tại đất khách quê người lại càng buồn thảm hơn nhiều.

Ngày 31 tháng Mars, tại Paris, chúng tôi, một nhóm kiều bào, đưa đám một người bạn thân, chị Hồ-thị-T...

Chị T... qua đây từ năm 1948. Chị mở một tiệm cơm Việt-Nam ở xóm La-tinh, chịu khó làm lụng để nuôi ba con mọn đi học, (người gái lớn nay đã 22 tuổi và đỗ bằng Nữ-hộ-sinh tại Paris và tại trường thuốc Luân-đôn, hai người con trai còn đang đi học). Chúng tôi vừa mới gặp chị T... trong đêm Dạ-Hội Tết Việt-nam

tại Palais d'Orsay ở Paris. Hôm ấy trông chị còn khoẻ mạnh, tươi trẻ (chị năm nay 49, tuổi Dần ! Phải chăng chúng tôi dị đoan ?).

Bỗng hôm 27 tháng Mars, anh Lại-Văn-Xuân cho tôi hay tin là chị đã trút hơi thở cuối cùng tại nhà thương Laennec. Tin ấy làm cho những người quen chị bàng hoàng, sững sốt. ... Từ nhà thương, chúng tôi, một nhóm người Việt-nam theo chiếc xe tang đến nghĩa địa Père Lachaise.

Giữa các đường phố đầy xe cộ, bên hè đường người qua lại đông đảo, chiếc xe tang và chúng tôi, người Việt-Nam, đang đi giữa những người Âu-phương, những người khác xứ, cách biệt chúng tôi bởi hình-thức và quan-niệm tôn-giáo. Chúng tôi, một đoàn lữ-thứ, đang đưa đám một đồng bào nơi quê người xa lạ, tưởng đâu như những cánh bèo trôi trên dòng nước lạnh lùng, thờ-ơ. Nhìn ba người con chị, vịn vào chiếc xe tang, sụt-sùi khóc mẹ, chúng tôi bù-ngui, không ngăn nước mắt. Trời mưa phùn, nhìn những giọt mưa từ mái xe nhỏ xuống, hay động trên các

tràng hoa, tôi tưởng đâu như trời đất đang chia buồn cùng chúng tôi.

Đến nghĩa-địa, nơi mà người ta sẽ thiêu xác chị, (giống như tang lễ tại xứ Cao-Miên) tất cả nỗi buồn khổ của kiếp con người tràn ngập trong lòng tôi. Người ta khiêng quan tài vào một đền thờ gọi là « Colombarium (nơi mà hồn người ta như những con chim bồ-câu trắng bay về thế-giới khác). Bốn người khiêng đặt áo quan trong miếu nhỏ ; họ kéo cửa sắt, rồi đóng chặt hai cánh cửa ngoài bịt bùng, kín mít, như một cái lò lớn. Luồng điện mạnh chạy qua những chất hỏa-thủy (liquide inflammable). Người đưa đám, ngồi hai hàng như trong nhà thờ.

Tôi nhắm mắt lại, cố ngăn cản trí óc không suy nghĩ gì cả. Trong tối tăm của người tôi, tôi nghe tiếng sụt sùi, tiếng khóc nức nở... Những hình ảnh đau thương dôi-dạt trong óc tôi. Thế là thân hình dịu-dàng của chị, mặt hoa tươi đẹp, đôi mắt thông minh, miệng cười hiền lành, lòng đầy bác-ái đang ngùn-ngụt hóa thành tro tàn. Hỡi Đức Phật Từ

Bi, xin hãy cứu vớt những linh hồn thoát trần-gian khổ hải !

Mặc dầu ở đất khách quê người, tôi vẫn là người Việt-Nam với tất cả những tin-tưởng của giống nòi từ nghìn xưa để lại.

Tôi sức nghĩ đến linh hồn của chị lưu lạc, chơi vơi ở xứ lạ, xa nơi chôn rau cắt rốn. Không biết đêm này hồn chị sẽ về đâu ? Nghĩa-địa đây là nghĩa-địa Tây-phương, hồn ma ở đây toàn là hồn ma khác nòi khác giống. Trời ơi ! Hồn ma nào quen chị, hồn ma nào thân mến che chở chị giữa nơi tối tăm hải hùong ? Chiều hôm nay, nén hương của con chị thắp trên bàn thờ phải chăng là ánh sáng đưa đường

chỉ nẻo về chị về gần gũi các con ? Và rồi sau này, khi các con chị về xứ, đem theo chút tro tàn, tôi mong hồn chị sẽ về theo « đê hương thơm lửa sáng » và đê kẻ chết người sống vẫn còn gần gũi nhau. . .

Chúng tôi từ giả nghĩa-địa, từ giả chị. Bóng chiều sương đã bao phủ dãy cây trên bãi tha-ma, tưởng đâu như bức màn ngăn âm dương hai ngả. Lòng chúng tôi nặng nề như những bước đi trên đường ước ất, lầy lội. Quay cổ lại, thì đã kẻ khuất n-ười còn. Trời vẫn mưa, chúng tôi lấy khăn lau những giọt nước chảy trên mặt.

NGUYỄN-VĂN-CỒN



★ DANH NGÔN

• Một cách hay nhất để thành công trong đời là khởi sự làm những gì mình thường khuyên kẻ khác.

A. LINCOLN

• Cách báo thù hay hơn hết là đừng bao giờ làm giống kẻ thù.

MARC AURÈLE

ĐẠI - HỘI PHẬT - GIÁO THẾ - GIỚI

Nhân dịp Phật-Đản Rằm tháng Tư Phật-lịch 2506, chúng tôi xin phỏng dịch dưới đây bài Thuyết trình của Ngài U-Chan-Htoon, Chủ tịch Hội Phật-giáo Thế-giới, đọc trước Đại-hội Phật-giáo Thế-giới kỳ 6 tại Nam-Vang (Cam-Bốt) tháng 11 năm 1961 vừa qua, đề cống hiến quý độc giả Phồ-Thông và toàn thể Phật-tử.

N HÂN danh chủ tịch Hội Phật-giáo Thế-giới, thật tôi hân hạnh đứng thuyết trình trước quý Vị hôm nay, tại Vương-quốc Cao-mên cổ-kính và tiếng tăm, một quốc gia từ lâu đã phụng-sự cho giáo-pháp của đấng giác ngộ Vô Thượng. Chúng ta họp mặt ở đây, những quan khách của Thủ-tướng chính-phủ và dân-tộc Cao-mên, sung-sướng được sự đón tiếp nồng-nhiệt tại nơi đã có một lịch-sử lâu

★ THÍCH - TRÍ - CHƠN (HUỆ)

đời về Phật-giáo. Bằng vào những công trình khảo-cổ, nghệ-thuật cũng như lịch-sử ghi chép của xứ sở, chứng tỏ rằng Phật-giáo đã ảnh hưởng sâu xa đến văn-hóa dân-tộc Cao-mên từ ngàn xưa. Trong địa hạt mỹ-thuật và kiến-trúc Phật-giáo, người ta có thể nhận thấy Cao-mên cổ kính đã đạt đến một trình độ tuyệt luân qua những công-trình kiến-trúc vi-

đại còn lại của dân-tộc họ — Đề Thiên Đề Thích là một vinh-dự cho Cao-mên và là lâu đài rực-rỡ của Phật-giáo. Giữa Cao-mên và những nước Phật-giáo lân cận, kể cả Miền-điện có nhiều dây liên lạc chặt chẽ — lịch-sử, chủng-tộc, văn-hóa — đã chung nhau góp phần vào mọi di sản tôn-giáo, tập quán, phong-tục, văn-chương — những ảnh hưởng này (phát sinh từ Phật-giáo) đã đem lại nhiều lợi ích cho đời sống các dân-tộc Đông-Nam-Á. Thêm vào đó, giờ đây chúng ta lại cùng nhau góp phần vào nguyện vọng chung là kiện-toàn thêm tinh-thần phục hồi Phật-giáo, phát triển đạo hòa-bình, mong thấp một ngọn đuốc soi đường cho thế giới. Chính nguyện vọng, mục đích họp nhất này, khiến cuộc họp mặt hôm nay của chúng ta, những nhân vật đại diện cho toàn thể Phật-tử thế-giới thêm nhiều ý nghĩa cao quý. Từ năm 1950 đến nay, nhiều hội-nghị Phật giáo Thế giới đã tổ-chức tại Tích-lan, Nhật-bản, Miền-điện, Ấn-độ,

Thái-lan và nhờ ở nhiệt-tâm hợp tác của quý vị lãnh đạo Phật-giáo các quốc gia trên thế giới mà Hội đã gây được giữa các đoàn thể và dân-tộc Phật giáo một tinh-thần đoàn kết chặt chẽ hơn trước. Nhờ Hội, chúng ta đã hiểu biết, thông cảm, thương yêu nhau, và tôi hy vọng sau này niềm thân ái đó không riêng đối với các dân-tộc Phật-giáo Á-châu mà còn lan khắp cả thế-giới.

Thật vậy, vì mưu cầu lợi ích chung, quý vị Đại-biểu từ những nước xa xôi như Hoa-kỳ, Anh, Đức, Hòa-lan, Sweden, và nhiều quốc gia Tây phương khác đã đến họp mặt với quý đạo hữu đại biểu các nước Trung-hoa, Nhật-bản và Đông Nam Á, khiến tôi thấy rõ tính chất quốc-tê của đại hội Phật-giáo hôm nay. Thật là quang đại và đầy ý-nghĩa cao đẹp, bởi hội-nghị đã hứa hẹn đem lại bao mầm an lạc và hy vọng mới cho nhân-lợi.

Lực-lượng tinh thần mạnh-mẽ này, đang hoạt-động hướng đến mục tiêu cùng cò

các đoàn thể và dân tộc Phật giáo, là một lực lượng vượt ngoài những quyền lợi, cạnh tranh chính trị của quốc gia. Nó không hạn cuộc trong những điều đó, vì kỳ-vọng của nó nhắm đến một mục đích cao cả hơn. Nó nói lên sự cần thiết chung sống hòa bình của toàn thể nhân loại, sự cùng nhau xây dựng để cải thiện cuộc sống con người, mong tìm cho cá nhân và tất cả một con đường giải thoát mà chỉ có thể thực hiện được qua mọi hành động sáng suốt và lợi tha. Những phương pháp thực hành giúp nhân loại đạt được cứu cánh trên, dĩ nhiên là không thể giống nhau, tùy theo nhu cầu và hoàn cảnh đặc biệt của mỗi nước. Như chúng ta đã thấy có biết bao nhiêu phương thức tổ chức chính phủ, xã-hội và kế-hoạch quốc-gia sai khác nhau trong các nước Phật giáo. Có nhiều người trong chúng ta thuộc quốc gia đã lấy đạo Phật làm quốc giáo, nhiều người thuộc các quốc gia mà nơi đó mọi tôn giáo sai biệt đều được công nhận,

trong khi quý vị đại biểu khác lại đại diện cho thiểu số Phật tử ở những nước với phần đông dân chúng không biết gì đến đạo Phật. Tôi nghĩ, có thể nói rằng, tham dự hội-nghị hôm nay, trong chúng ta gồm đủ các đại biểu thuộc mọi chính thể quốc-gia hiện có trên thế giới, Đông cũng như Tây-Phương. Hội nghị này bao hàm một ý nghĩa trọng đại vì đây là cơ hội duy nhất giúp chúng ta bành trướng ảnh-hưởng Phật-giáo khắp mọi dân-tộc, quốc-gia nhân-loại.

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn nguy ngập nhất của lịch-sử nhân loại, thời kỳ mà điều thiện và ác xuất hiện chênh lệch, chống đối nhau chưa từng thấy. Và càng đen tối hơn, khi chúng ta phải sống trong tình trạng khủng khiếp trước đe dọa của một cuộc thế chiến nguyên-tử.

Ngày nay, ai cũng nhận thấy rằng, cuộc chiến tranh đó, sẽ đem lại sự phá hủy toàn diện và nhân loại ít hy vọng được sống còn. Khi biến cố xung đột xảy ra, nếu con người

không phải chết liền ngay lúc nguyên tử nổ, thì thân thể cũng không tránh khỏi bị hành hạ đau đớn để chết mòn dần vì nhiễm độc phóng xạ trên mặt đất...

... Như tôi đã nói, những người sáng suốt, ai cũng đều thấy rõ mối đe dọa hiểm nguy đó của thế giới. Nhưng có điều chúng ta không biết là thế giới ngày nay đang bị đe dọa là nguyên nhân bởi đâu. Nếu không tìm được nguyên nhân làm sao chúng ta có thể tu sửa kịp thời để cứu nhân loại khỏi con đường tự diệt? Duy nhất có Phật giáo mới chỉ bày cho chúng ta thấy những căn nguyên của mối hiểm họa ấy. Đó là do ở ý nghĩ, lời nói và hành động xấu xa hoặc 3 độc tánh Tham, Sân, Si của chúng ta. Dẫu ít hay nhiều, những ác tính này vẫn luôn luôn xuất hiện trên thế giới, nhưng chưa bao giờ chúng lại có năng lực hoành-hành phá hoại mãnh liệt đến cuộc sống chúng ta như hiện nay. Kỹ-thuật khoa-học đã làm tăng-trưởng vượt mức khả-năng phá hoại của con người,

hơn là làm cho tâm con người sáng suốt để có thể ngự trị được quyền năng gây họa đó. Bởi thế, ngày nay chúng ta như đang sống trong một tâm thảm kịch, vì mọi phát minh khoa học đều hướng về chủ đích phá hoại, thay vì góp phần vào sự tiến-bộ giúp ích nhân sinh. Hiện thế giới chúng ta đang có những vấn đề không thể kiểm soát được đó là: «Khoa học phụng sự cho Tham», «Khoa học phụng sự cho Sân», «Khoa học phụng sự cho Si Mê». Và, chính bởi cái danh từ «khoa học» này, hiện đang bao trùm mọi hoạt động của nhân loại, mà con người ngày nay đã phải bị chết chóc nhiều hơn. Nhưng, điều chúng ta thấy mâu thuẫn đáng buồn nhất là «Khoa học phụng sự cho Si Mê», vì thật ra, khoa học đúng nghĩa của nó là phương tiện giúp con người hiểu biết, thoát khỏi sự dốt nát mê lầm. Tuy nhiên, cả đến khoa-học vật chất vẫn không giúp chúng ta giải quyết được tình trạng trên. Và hình như cũng không một tôn giáo nhất thần nào

có thể cứu vãn được, vì con người ngày nay đã chán không còn tin tưởng vào quyền năng ban phước giáng họa của đấng Tồi cao nữa. Trong tất cả những vị giáo chủ, qua các thời đại, duy nhất có đức Phật mới dạy chúng ta những khoa học không phụng sự cho Tham Lam, Sân hận và Si mê. Chính Ngài đã dạy chúng ta nhiều phương pháp tâm-lý, đó là những môn khoa học đích thật, giúp chúng ta tận diệt được Vô-minh và 3 độc hại Tham, Sân, Si. Chỉ đức Phật, Ngài đã chỉ cho chúng ta con đường cải thiện những tánh xấu đó bằng cách thực hành theo những đức tánh lợi tha, giải thoát như Từ-Bi, Hỷ-xã và Trí-tuệ.

Chúng ta, các dân tộc Phật giáo, là những phần-tử thừa hưởng và duy trì nền giáo-lý cao quý này, một học thuyết duy nhất không bao giờ có thể đưa chúng sanh đến cứu cánh mê lầm đau khổ. Bởi thế cho nên, có hai trách nhiệm lớn lao đang đòi hỏi chúng ta. Đó là học và thực hành Phật-giáo. Để chu toàn

trách nhiệm thứ nhất, bốn phận chúng ta là phải học hiểu thấu đáo giáo lý, duy trì chánh pháp và dùng mọi phương tiện chân chánh để phát triển đạo Phật. Trách nhiệm thứ hai, không kém phần quan hệ là chúng ta cần thực hiện giáo lý đó qua hành động. Chúng ta phải chứng tỏ được rằng, trong cuộc sống, quốc gia cũng như cá nhân, những ân phước vô lượng mà Phật-giáo đã dâng hiến cho bất cứ nơi nào con người biết tin thành hướng về ánh sáng Như-Lai, đó là sự an-lạc, hạnh-phúc và hòa-bình. Những điều này chúng ta có thể đạt được, nếu chúng ta biết cùng nhau hoạt động với một đường lối hợp-nhất. Đã đến lúc, tất cả chúng ta đều phải nỗ lực phát triển và giúp cho nhân loại khắp thế giới nhận thức được những giáo-lý căn bản của đạo Phật, vì chưa bao giờ thế giới khảm thiết cần đến Phật-giáo bằng lúc này. Nhưng chỉ khi nào chúng ta biết ứng dụng đạo Phật trong cá nhân cũng như đoàn thể, biết sống cuộc đời đạo đức và cao-

thượng, thì mọi âm mưu toan tính chinh phục kẻ khác của thiên hạ lúc ấy mới không còn. Nếu chúng ta không tự tu sửa, nêu gương tốt trước khi thuyết giáo cho mọi kẻ khác thì chắc chúng ta sẽ thất bại đau đớn trong việc làm đó...

... Nếu chúng ta không thực hành được như thế mà chúng ta lại ra sức khuyến khích những kẻ khác sống đúng lời Phật dạy, tức chúng ta đã làm giảm mất giá trị Phật giáo và chính chúng ta cũng trở thành những con người đạo đức giả. Với tình trạng hiện nay, sự chuộng lý thuyết suông là một đại họa của thế-giới. Thật vậy, chính điều ngôn hành bất nhất đó còn gây thảm họa hơn chiến tranh nguyên tử. Là nạn nhân của chiến tranh, chúng ta có thể bị tiêu diệt đã đành, nhưng trong khi chiến đấu để nêu cao ngọn cờ Chánh-Pháp, sanh mạng những Phật tử chúng ta chắc gì đã được an toàn. Tuy vậy, chân lý của Như-lai nhờ sự hy sinh đó của chúng ta mà sẽ được duy trì phần nào. Trái lại,

nếu chúng ta phản bội Phật-pháp, thì nhân loại thế giới chúng ta hiện nay lẫn ngày mai thấy đều vô phương cứu thoát. Nhưng hôm nay, tại đây với sự hiện diện của quý đại biểu trong đại gia đình Phật tử thế giới, giúp tôi tin rằng điều đó sẽ không xảy ra. Thật vậy, vì duy nhất có đường lối của chúng ta mới đủ sức chống lại lực lượng Tham Sân Si đang tàn công nhân loại. Như thế giới đã biết, Phật giáo là học thuyết bao hàm nhiều tư tưởng văn minh nhất, và đang còn ảnh hưởng lớn trong thời hiện đại. Giúp cho đạo Phật hiệu nghiệm trong công việc phục vụ lợi ích nhân sinh, đó là việc làm cấp bách đòi hỏi chúng ta có thể gặp nhiều thử thách, khi phải sống theo lý tưởng cao siêu của Phật-đà, nhưng đó chính là tấm gương sáng cho mọi cá nhân cũng như các quốc gia. Bằng thực hành, chúng ta phải tự dẫn mình vào công cuộc khó khăn này, với mọi cố gắng tổ chức về mọi phương diện của chúng ta. Chúng ta phải chứng thực lý tưởng

hướng đến hòa bình và lẽ thiện của chúng ta bằng những việc làm lợi ích cụ thể. Phật-giáo là tôn giáo đã vượt ngoài thời gian, luôn luôn mới, vì nó xuất hiện như một chân lý bất diệt, một học thuyết không bao giờ có thể trở nên quá cũ hay lỗi thời. Nếu nhân loại được hướng dẫn quay về với Phật giáo thì những thành công vĩ đại mới nhất gần đây của khoa-học sẽ trở nên vô nghĩa. Như tôi đã trình bày ở trên là thế-giới chúng ta ngày nay vẫn còn nhiều lạc quan. Đó là do ở điều chúng ta không bao giờ biết thất vọng, mặc dầu có phải gặp nhiều thất bại. Có thể rằng, một ngày kia, chính khoa-học và những người xử dụng nó sẽ không còn nô-lệ cho 3 ác-tính Tham, Sân, Si nữa. Trong khi thế giới cần Phật giáo hơn bao giờ hết, chính là lúc đạo Phật được chấn hưng và nhân-loại chú ý hướng về hơn bao giờ hết. Thử nhìn lui lại tình trạng Phật-giáo thế giới trong mấy thế kỷ trước đây, đủ cho chúng ta thấy rõ điều này...

...Có nhiều lý do khiến chúng ta hy vọng đạo Phật sẽ thành công trong việc đó, chúng ta chỉ cần biết áp dụng kịp thời theo những pháp môn Phật đã dạy là được. Nhờ giáo-dục và sự tiến triển chung của nền học văn, một con người tầm thường ngày nay, đã có trình độ hiểu biết khá cao về cá nhân cũng như vai trò của họ trong xã hội. Họ có đủ lý trí để giải quyết mọi vấn đề nhân sinh mà các thế hệ xưa, khả năng này chỉ dành riêng cho một số người. Con người ngày nay đã thoát khỏi tình trạng cả tin, dị-đoan mê-tin mà những thế kỷ trước đây được con người xem đó như là một tôn giáo. Con người không còn bằng lòng với lời tin mù quáng cổ thời nữa, mà con người thích được hiểu biết. Nhưng trong khi dâng hiến cho con người một mô-kiến-thức, nền giáo dục ngày nay đã phạm một khuyết điểm trầm trọng, bởi nó không gì hơn là phương tiện duy nhất giúp con người có một căn bản học thức mà thôi. Nó chỉ đem

lại cho con người sự hiểu biết về thế giới vật chất bên ngoài cũng như mọi phương-cách để khai thác xử dụng thế giới đó. Nó không giúp con người tìm lại được ý-nghĩa thiết-yếu về nhân sinh đã mất. Ngày nay, mặc dầu những ý-niệm về giá-trị luân-lý vẫn được con người duy-trì, nhưng, như tuyết tan dưới nắng hè, những lời giáo huấn đạo đức đó chẳng còn có tác dụng gì, chỉ là một mô-đieu luật luân-lý mà không có một chút uy quyền. Tôi nghĩ chính đó là nguyên nhân đã gây nên thảm trạng phân ly giữa tâm và trí của con người thời đại chúng ta.

Tuy nhiên, giữa tình trạng nguy kịch này, chúng ta vẫn còn nhiều hy-vọng. Vì khắp thế giới hiện nay đã có nhiều người, trong mọi giai tầng quần chúng, sẵn-sàng phát tâm thọ lãnh Phật Pháp. Tâm hồn họ dễ-dàng nghe theo tiếng gọi của lẽ phải. Một học-thuyết như Phật-giáo, hoàn-toàn xây dựng trên căn-bản lý trí, phủ-nhận các lời tin mù quáng và lại phù hợp với những lý-thuyết tiên-bộ

của khoa-học thế-giới hiện đại, nếu được đem trình bày, nhất định họ sẽ hoan hỷ chấp thuận. Hơn nữa, khi họ nhận thấy rằng giáo lý đó cũng bao hàm đủ tất cả những giá trị luân-lý, trí-thức, tinh-thần mà họ đã học, họ sẽ không khỏi khao khát được lãnh hội. Phật giáo đến với họ như một làn hương thơm, một ánh sáng dẫn đường, một nguồn hy vọng mới cho những tâm-hồn náo loạn âu lo, như trong kinh Ba li (Pali) đã chép : « Như người dựng lên cái gì đã ngã xuống, phát giác những điều được che dấu, chỉ một con đường ngay cho kẻ lầm lạc, hoặc thắp lên một ngọn đuốc trong đêm trường, nhờ vậy mà những kẻ sáng mắt đều có thể thấy ».

Hôm nay, khai mạc hội nghị Phật-giáo thế-giới lần thứ 6, tôi hy vọng rằng những vấn đề vừa trình bày trên sẽ được đem thảo luận giữa các đại biểu trong đại hội chúng ta, vì đó là những điều chúng ta thấy rõ trước tiên, và cũng là bốn phạm trù trước nhất của hàng Phật-tử chúng ta và toàn thế

giới nhân loại. Chúng ta phải thực-hành Phật-pháp bằng những việc làm lợi tha để chứng thực khả-năng cải thiện cuộc sống con người của Phật giáo. Thứ đến, chúng ta cần dùng mọi phương tiện thích đáng để phát triển xa rộng giáo pháp Phật Đà. Nếu chúng ta nỗ lực thực hiện được điều đó, chúng ta sẽ góp phần quan trọng và hữu hiệu nhất cho nền thịnh vượng, hạnh phúc và hòa bình tương lai của nhân loại. Chỉ chúng ta mới có khả năng này, vì chúng ta là những người diễm phúc thừa hưởng giáo pháp cao siêu của đấng Đại-giác và Đại-Từ.

Kính bạch chư Tôn Hòa Thượng, Kính bạch chư Đại đức, Kính quý vị đại biểu các quốc gia-Phật giáo hiện

diện tại đây hôm nay.

Chúng ta nguyện cương quyết dốc hết tâm thành để phụng sự Tam Bảo Phật Pháp Tăng. Dưới hào quang chư Phật, chúng ta nguyện cứu giúp cho toàn thể nhânloại. Chúng ta hãy luôn nhớ lời dạy của đấng Thê-tôn Vô Thượng : « Chúng sanh nào gặp được Phật Pháp tức là đã thấy Ta ». Chúng ta nên nghĩ, nói và hành động như chúng ta đang sống chính trong thời Phật tại thế. Cầu ơn Tam Bảo, Hộ Pháp, chư Thiên xót thương hộ trì cho những Phật sự của chúng ta được viên mãn thành tựu. Nguyện cầu tất cả chúng sanh an-lành.

THÍCH-TRÍ-CHƠN dịch
(Linh-mụ, Huế, ngày 18-4-1962)



★ DANH NGÔN

• Tôi quý gia-tộc hơn bản thân, tôn-quốc hơn gia-tộc và nhân-loại hơn tôn-quốc.

FÉNELON

niềm vui chân lý

Trước hương án lòng chí thành cung kính
Trong nhiệm màu giữa giờ phút nghiêm linh.

Nền lung linh qua trầm khói quỳên hình,
Hồn trinh bạch dâng Cha lành muôn thừa.

Chuông ngân... Vỗ về hồn ai nước nở...

Nhịp mở điều như tiền hận, sầu bi

Văng hào quang tỏa ánh sáng từ-bi,

Nguồn hạnh-phúc trong kinh sách chân-lý.

Huệ trắng thơm ngàn, sen hồng tuyệt mỹ,

Quả hoa thanh trí sau ánh hương vân

Ôi Phật-đài là cả một vườn xuân !

Không năm tháng lướt qua ngàn vạn kỷ !

Tìm đâu xa, đây là Chân-Thiện-Mỹ

Là mùa xuân hoan hỷ của thế nhân.

Mơ đâu xa, đây cực lạc giữa trần !

Gieo hoan lạc cho ai từng ấp ủ...

Hãy nhìn sâu vào bóng dung Từ-phụ,

Đôi mắt Ngài cả nguồn bể tình thương

Nụ cười Ngài ôi giải thoát khôn lường !

Hồn thanh thoát lạc giữa vườn hoa đạo !

★ **NGUYỄN-VĂN-THANH**

(Nha-Trang)

áo tết

★ MỸ-KHANH

NGOÀI những tính tình đặc biệt mà tôi đã có dịp nhắc đến trong bài ký ức năm ngoái, Thầy tôi còn có tính không ưa sự làm dáng của đàn bà con gái, nhất là sự chưng diện cho trẻ con.

Trong nhà, chúng tôi có những bốn chị em gái : hai chị tôi, tôi và một con em thứ tám. Kể ra, cái điều Thầy tôi ghét cũng có lợi cho kinh-tế gia-đình, vì hằng năm Mẹ con chúng tôi, những tám chín miệng ăn, chỉ sống vào

số hoa lợi ruộng đất cho người ta cày rẽ. Còn Thầy tôi, với nghiệp văn bạc bèo, khi vào Nam, khi ra Bắc, nào có dư đủ gì. Nếu chúng tôi cứ đua đòi ăn mặc thì đâu ra tiền mà sắm sửa.

Tuy vậy, mẹ chúng tôi—người đàn bà hiền đức đáng kính ấy—thỉnh thoảng cũng trộm lịnh Thầy tôi mà nói tay cho chị em tôi đôi chút, gọi là mở may mở mặt với thiên hạ.

Một cái Tết xa xưa, vào khoảng năm tôi mười một hay mười hai tuổi...

Hai chị tôi bấy giờ đã lớn, chị Tư tôi 18 tuổi, chị Năm tôi 16. Kể ra hai chị tôi không phải không thuộc hạng gái mới nhẽm cái « mốt » tân thời hồi bấy giờ nhưng cũng vì cái gia pháp sít-sao của Thầy tôi, các chị không dám vượt ra ngoài khuôn khổ cho lắm. Thỉnh thoảng, cũng có những cuộc đi chơi, chụp hình, tập xe đạp thăm lén với các bạn gái mà Thầy tôi tuyệt nhiên không biết.

Về lối trang sức y phục phụ nữ, người thường bảo con cái trong nhà : — « Người mình có

tật bắt chước tầm bậy, mặc chiếc áo dài theo kiểu Lemur là cũng đã được rồi, còn tô son dồi phấn, cạo chân mày, đều toàn là bắt chước đầm câ, coi mọi rợ lắm, tụi bay chớ theo, Thầy mà thấy được thì chết ! »

Vì vậy, mấy chị tôi chỉ dám đến cái « mốt » may áo mà thôi, còn các loại trang sức kia cũng sắm ra nhưng cất kỹ, chỉ để dùng vào những dịp đi xa đặc biệt, hầu tránh cặp mắt quan sát nghiêm nghị của Thầy tôi.

... Năm ấy, đã 20 tháng chạp. Mẹ tôi nhân bán đường mía gốc khá tiền, một hôm, gọi chị Tư tôi lại gần thăm thì những gì tôi không biết. Chỉ thấy sáng hôm sau chị xuống ga đi chuyển tàu, chợ sáng. Ở nhà, chị Năm tôi tỉ tê với tôi là chị Tư đi Hàn sắm Tết. Tuy không hỏi lại sắm Tết là sắm những gì, tôi cũng thừa đoán được rằng hai chữ ấy hẳn có chứa đựng nhiều ! Ngay chiều ấy, chị Tư về nhà. Chị xách một giỏ mây nặng trĩu. Chúng tôi tung tăng chạy ra ngõ reo mừng, đón lấy cái giỏ trong tay chị. Trong các món chị soạn ra, đề la liệt trên bàn, nào khoai, hành,

đường, bột, mứt, kẹo, v.v.. tôi chẳng để ý đến gì ngoài một gói giấy bóng mềm mềm và có mùi thơm dịu dịu. Chị tôi muốn làm chúng tôi sung sướng, lần mở dây và xỏ tung cái gói ra : hai xấp hàng hai màu khác nhau bày ra trước mắt tôi. Một xấp màu xanh, một xấp màu hồng. Chị Tư tuyên bố : « Em và con Tám may thứ xanh kia, còn màu hồng của chị và chị Năm ! »

Tôi vụt cau mày, tỏ ý không bằng lòng. Cái màu xanh tươi non ấy, họ gọi là màu đột chuối, tôi không có một thiện cảm nào cả, từ thuở bé mà ngay chính bây giờ cũng vậy, không biết vì sao tôi chỉ thích những màu trang nhã, không lòe loẹt hoặc những màu sậm xuống, dịu dàng. Chị Tư liền nguyền tôi một cái và kêu lên, phân bua cùng mẹ tôi :

— Mẹ coi, con nhỏ mà sinh sự ! Màu áo như ri mà chê !

Mẹ tôi bèn cầm lấy hai xấp hàng. Người chỉ xem qua rồi thả xuống không có ý-kiến gì, đôi mắt người lặng yên nhìn ra bên ngoài cửa sổ. Hình như người đương tính toán đến nỗi tốn kém trong việc sắm sửa, hãy

còn nhiều từ hôm nay cho đến Tết.

Nhưng rồi việc đã lỡ, không thể làm khác hơn, nghĩa là hai chiếc áo màu dợt chuối vẫn là của hai chúng tôi, tôi và con Tám.



Mồng một Tết...

Năm nay, có Thầy tôi ở Huế về — người về đến nhà hôm chiều 29 — nên các cụ ở việc họ mời người đến dự tế tổ tiên tại nhà Thờ vào buổi sáng.

Khăn áo chỉnh tề, người bước ra đi. Ra đến cửa, như nhớ lại, người bảo :

— Các con có muốn theo Thầy lên nhà Thờ thì đi !

Nói xong, người đi trước.

Tôi bèn có ý định thầm kín rủ em tôi chạy mở rương lấy chiếc áo dài xanh để ghét ấy, từ hôm nào may xong vẫn còn nằm nguyên vẹn, chưa một lần được chúng tôi thử xỏ tay.

Hai chị em xúng xính trong áo mới, tung tăng chạy ra ngõ. Thầy tôi đã cách chúng tôi một quãng, chúng tôi yên lặng theo sau. Hết con đường kiệt quanh queo, ra đến đường cái, chúng tôi vụt chạy đến trước Thầy tôi. Bây giờ người mới chú ý vào

hai chiếc áo mới, màu tươi non lõe loét dưới ánh mặt trời. Người cất tiếng hỏi tôi :

— Ai may áo cho các con đó ?

Tôi được dịp, thưa ngay :

— Dạ, chị Tư con may !

Thầy tôi « xì » một tiếng rồi yên lặng đi, không nói thêm câu gì nữa. Tôi đoán tiếng « xì » của Thầy tôi thế nào cũng có chuyện là rầy mà người bị la chắc hẳn không phải tôi mà là chị tôi, vì chị tôi đã chọn cái màu quá ư nổi bật, gai mắt Thầy tôi lắm. Tôi nghĩ thế và không hiểu sao, tôi vui sướng, mong cho đến giờ về. Thú thật, muốn trả thù cho chị tôi, người đã bắt tôi mặc màu áo mà tôi không thích.



Về nhà, từ sáng đến chiều, Thầy tôi làm thỉnh, không động đến chuyện áo, tôi tưởng người đã quên.

Nhưng tối đến, người nằm bên khay đèn, cho gọi tôi và con Tám đến nói chuyện. Đầu tiên, người hỏi việc học hành của chúng tôi, khuyên chúng tôi cố gắng và kể các khoản tốn kém mà mẹ chúng tôi hằng năm ở nhà phải lo liệu.

Rồi người tiếp luôn, giọng nghiêm nghị hơn :

— Thầy thấy các con ăn mặc lõe-loẹt như khi sáng, Thầy không bằng lòng. Các con không biết nghĩ, đòi may sắm diện Tết thì mẹ con lấy đâu mà lo ; nhà ta không giàu có gì, ăn mặc cốt đủ lành-lặn với người ta thì thôi, không nên may sắm. Vả lại con nít mặt sang sẽ quen đi, sau lớn lỡ sa cơ thất thế chịu cực không được, do đó sẽ sinh ra xằng bậy.

Tôi lặng yên một phút, định tìm lời phân trần thì chợt thấy bóng mẹ tôi thấp thoáng đi lại dọn dẹp dưới nhà. Tôi không còn đủ can đảm để nói : « Thưa Thầy, tự mẹ con cho, không phải con đòi ». Tôi biết rằng nếu tôi thốt câu ấy, chắc chắn Thầy tôi sẽ cho mẹ tôi nghe nhiều lời giải đãi khái như người đã nói với tôi vừa rồi. Tôi bèn làm thỉnh luôn, cúi đầu chịu lỗi. Mấy phút trôi qua, người thấy chúng tôi không còn vui vẻ như lúc mới đến ngồi bên khay đèn, người lại hỏi :

— Sao ? Thầy nói như vậy có đúng không, hay là có điều gì ức hiếp các con, các con cứ nói ra.

Tôi khẽ đáp :

— Dạ đúng !

Người à một tiếng khoan-khoái rồi lại tiếp tục nói sang chuyện khác, nhưng, dù miễn cưỡng trả lời, tôi vẫn cảm thấy một nỗi khó chịu đè nặng trên tôi, khiến không khí bên khay đèn trở nên nhạt nhẽo và buồn tẻ.

Những chiếc áo hồng đẹp đẽ của mấy chị tôi, Tết năm ấy đành nằm yên trong tủ, làm các chị cũng mất vui mấy ngày Xuân. Nhưng rồi Tết qua, Thầy tôi trở ra Huế, các chị lại có những dịp khác mặc nó, nó cũng không phải đến nỗi xót xa tủi thân tủi phận vô duyên.

Trải mấy chục Xuân qua, ngày nay mỗi lần sắp đến Tết, mua hàng may sắm cho con, tôi không khỏi nhớ lại hôm chiều mồng bốn năm ấy, lúc Thầy tôi đang gói ghém từng bộ phận bàn đèn cho vào va-li để ra ga, người xoa đầu tôi, nhẹ nhàng bảo :

— Học đi cho giỏi, lớn lên làm việc có tiền con sẽ diện nghe không, bây giờ đừng, thôi Thầy đi !





Tuần DÂN CHỨNG LỊCH SỬ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

(Tiếp theo P. T. số 79)

★ NGUYỄN-VỸ

NĂM 1924, ở các tỉnh Việt Nam đã bắt đầu xuất-hiện khá nhiều những món mà trước đây một vài năm còn rất hiếm-hoi. Các thầy Thông thầy Ký đã sắm « xe máy » (ngoài Bắc: xe đạp), mà hầu hết là xe hiệu *Hirondelle*, (chim én), do hãng *Manufactures d'Armes et de Cycles de Saint Etienne* ở Pháp sản-xuất. Saint Etienne là tỉnh lỵ của tỉnh Loire, ở phía Nam thành-phố Lyon, cách không xa, mà lại là nơi sản-xuất nhiều nhất các dụng-cụ máy-móc về sắt và thép. Tuấn-em đề ý thấy hầu hết các đồ dùng « Văn-minh », mới, lạ, đẹp và bền, của người Việt-nam tiêu-thụ lúc ấy đều có ghi dấu nơi sản-xuất là Saint Etienne. Cho đến đời

dụng-cụ học-sinh: bút-chì, ngòi bút, vở, tẩy, compas, équerre, double-décimètre v.v... cũng đều gọi mua tận bên Pháp, ở Saint Etienne, gọi bằng tàu thủy, ba tháng đồ hàng mới về. Lúc bấy giờ chưa có đường hàng-không nào nối liền các xứ Đông Dương và Pháp.

Xe đạp do Pháp - quốc gửi qua đã nhiều, và luôn luôn là các thầy Thông thầy Ký có trước. Tuy nhiều, nhưng vì mới lạ nên nó vẫn được người chủ nó quý chuộng, nâng-niêu săn-sóc, lắm khi còn hơn đứa con cưng. Thầy Thông Hồ ở cạnh nhà Tuấn, làm việc sở Kiểm-Lâm, có thuê thợ mộc đóng một cái kệ để gác chiếc xe đạp của thầy.

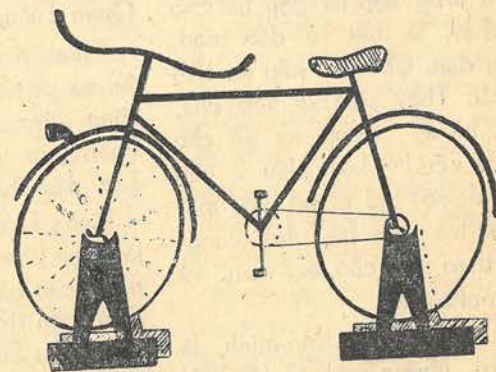
TUẤN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

Đường đi từ nhà Thầy đến Sở, quanh co, gồ-gề, (đường cái trong tỉnh chưa tráng nhựa), thầy đạp đi rất chậm, sợ hư bánh xe. Đi làm về, thầy xuống xe nhẹ-nhẹ, rồi hai tay khẽ nâng chiếc xe gác lên kệ gỗ. Nghe Thầy bấm chuông leng-keng, tức thì vợ Thầy, cô Thông Hồ, còn trẻ và đẹp, vội vã cầm một túi giẻ lau chùi chiếc xe, từ cặp niềng, cho đến bàn đạp. Nhờ hai vợ chồng gìn-giữ chiếc xe đạp cẩn-thận như thế mà bốn năm sau. Tuấn thấy chiếc xe của thầy vẫn còn láng mượt, mới-tinh như lúc mới mua. Thời bấy giờ chưa có cái nệm ăn cắp xe, nên xe không có khóa, và không cần khóa. Đa số các thầy Ký đều có đóng kệ để gác xe - như thầy Thông Hồ, và gia - đình nào sắm được chiếc xe - máy cũng hãnh-diện đôi chút như ngày nay những người làm việc được ít lương

rán dành dùm sắm được một chiếc... « 2-chevaux »...

Nhất là ở thôn quê, xe đạp được coi như là biểu hiệu của văn minh tiến bộ. Các nhà Thi-sĩ ở Trung và Nam đã đặt cho nó biệt hiệu vinh-dự là « Con Ngựa Sắt », cũng như bên Pháp xe đạp mới ra đời được công chúng suy tôn là « La petite Reine » (Tiểu Hoàng-hậu)! Một người đạp xe máy chạy trên đường làng, bóp chuông leng-keng... leng-keng, thế là con nít từ trong các túp nhà tranh chạy nhao-nháo ra ngõ đứng xem.

Mấy cậu học-trò đi « coi mắt vợ » ở làng xa, cứ đi xe đạp



Kệ để xe-máy của một thanh niên công-chức 1924

đến nhà gái là được các cô thôn nữ ưng ý liền. Trai trong làng không biết đi xe máy, và biết bao giờ mới sắm được chiếc xe máy? Các cậu học trò ở tỉnh, ở huyện, ngồi trên yên xe còn oai hơn là ông Nghè ngồi trên yên ngựa vinh quy bái tổ hồi xưa, nghĩa là cách đây chưa quá 30 năm.

Tuy nhiên, chỉ có các thầy Thông thầy Ký làm việc được ít lương, các nhà buôn-bán, tư-chức, và học-trò, là thích đi xe đạp.

Hầu hết các thầy Phán làm được lương cao, và các Thầy trợ-giáo lại thích đi bộ. Vì theo quan-niệm của các thầy lúc bấy giờ ngồi trên yên xe-máy và khom lưng đạp lia đạp lịa cho xe chạy, là mất vẻ đạo mạo, đứng đắn. Cho nên nếu dư tiền thì các Thầy sắm xe kéo nhà, ngồi bệ-vệ trong xe để cho người «cu-li» kéo. Nếu ít tiền (như đa-số) thì đi bộ, với một lũ học trò năm bảy đứa cung-kính theo sau, còn oai hơn, và thanh-nhã hơn.

Xe đạp, tuy là văn-minh, là tiện-lợi, nhưng ngay từ lúc mới nhập-cảng sang xứ ta, nó đã bị coi như là một loại xe bình-

dân, mà những người trưởng-già không thích dùng. Vả lại mấy thầy mặc toàn quốc-phục, áo dài đen, quần vải quế hoặc lụa trắng, chun mang giày Hạ, mà đi xe đạp thật là bất tiện. Phải kẹp ống quần để nó khỏi vướng vào giầy chaine, phải kéo tà áo sau ra phía trước và nhét nó vào lưng quần để nó khỏi thòng xuống garde-boue, phải kéo cả tà áo trước lên cao quá đầu gối để nó khỏi bị dính dầu mỡ nơi giầy chaine, tất cả ngăn ấy chuyện đã là rắc-rối, mà xem bộ-tịch của Thầy như thế kia lại không còn vẻ gì oai-vệ như nhà mô-phạm nữa. Trông chẳng hơn nào chú lính-lệ chạy giầy cho Quan Tuần, Quan Ân.

Chính vì những lý-do danh-dự ấy mà đa-số các Thầy Trợ-giáo cũng như các thầy Thông thầy Phán làm việc ở các Sở, các Tòa, đều không ưa chiếc xe đạp.

Riêng Tuần lại nghĩ khác. Tuần là «quan Phán đầu tòa», cao nhất trong các ngạch công-chức Việt-nam toàn tỉnh, vì là quan Phán được «cụ Sứ» tin cậy nhất nên uy-tín còn có khi lớn hơn cả các «quan An-nam», nhưng Tuần lại rất ghét những gì quan-cách,

những «trưởng-già học làm sang». Tuần đã nhất-định không sắm xe kéo nhà. Có lần ông già của Tuần hỏi tại sao, Tuần bảo:

— Con là thanh-niên, con ngồi trên xe để cho một người già-cả hơn con, khom lưng kéo như trâu, như ngựa, con không đành lòng.

— Mấy thầy vẫn ngồi xe-kéo đó thì sao?

— Tại mấy Thầy không nghe ông Sứ nói...

— Ông Sứ nói sao?

— Một hôm con hỏi ông bên nước Pháp có xe-kéo không, ông Sứ trả lời rằng: «Người Pháp đã văn-minh lắm, ở Pháp một người là một người chứ không phải là một con ngựa!» Nghe thế là con hiểu ý ông chê người «An-Nam» mình còn dã-man, con người mà đi kéo xe như con ngựa. Cho nên con nhất-định không đi xe kéo.

— Vậy sao Ông Sứ cũng thường ngồi xe kéo, do người lính kéo?

— Ông thấy người «An-nam» làm cu-li kéo xe như ngựa, thì ông cứ ngồi xe cho An-nam kéo, như mấy ông quan An-nam, như mấy người An-nam khác. Cho

nên lần trước ông Tuần-Vũ nghe tin ông Sứ sắp về Pháp nghỉ 6 tháng, ông Tuần đến thăm, và nói «muốn tặng Quan Lớn một chiếc xe-kéo mới-tinh và cho một người lính-lệ đi theo hầu Quan Lớn, để về Paris thăng lính nó kéo xe cho Quan Lớn đi chơi», thì ông Sứ cười sặc-sụa và cảm ơn ông Tuần: «Quan Lớn có lòng tốt, tôi rất cảm-động, nhưng nếu dân chúng ở Paris thấy một người ngồi trên một chiếc xe do một người khác kéo, thì họ sẽ cho rằng cả hai người là hai thằng điên, và cảnh-sát sẽ bắt chúng tôi đưa vào nhà thương Diên!... Vì thế, nên khi Hoàng-đế Khải-Định sắp sang Pháp dự cuộc đấu-xảo ở Marseil-le, ngài tỏ ý với quan Khâm-sứ rằng Ngài muốn đem theo một chiếc xe-kéo của Ngài sơn sơn thếp vàng tuyệt đẹp, để sang bên Pháp lính kéo Ngài đi xem thành-phố, thì quan Khâm-sứ liền kính-cần khuyên Ngài đừng nên thực-hiện ý-định ấy...»

Năm 1924, tại các tỉnh miền Trung, xe kéo bánh sắt vẫn còn, nhưng bánh cao-su đã thay-thế bánh sắt khá nhiều. Xe bánh sắt chỉ để cho hạng ít tiền đi thôi.

Ở các tỉnh thành, cứ độ 10 xe kéo bánh cao-su cũng còn lẫn lộn 2, 3, xe bánh sắt.

Đồng hồ thì tất cả các thầy Thông thầy Ký, thầy Giáo, đều có. Vì sự bắt buộc phải có đồng hồ để đi làm việc đúng giờ, nên mặc dầu giá đắt, các thầy cũng rán sắm mỗi người một chiếc. Nhưng năm 1924, đồng hồ đeo tay chưa có nhiều. Chỉ được thông dụng loại đồng hồ bỏ túi, gọi là «*đồng hồ trái quít*», tuy hình thức của nó không phải tròn vo như trái quít, mà tròn dẹp, có sợi giây và cái khoen để đeo vào khuy áo.

Tuấn em, cũng như tất cả học trò lớn ở trường tỉnh, đều ao ước được đi xe-máy. Phán Tuấn vừa mua một chiếc, ngày hai buổi đạp đi đạp về, rất tiện lợi. Buổi tối chàng tập cho Tuấn-em đi. Hai đêm đầu, Tuấn-em cứ ngã luôn, có lần té vào một bụi duối bị gai cào trầy cả mặt mũi. Nhưng đêm thứ ba, trò Tuấn đã đi được một mình, khỏi phải nhờ anh đỡ cái yên chạy theo sau. Từ đấy, cứ buổi trưa, mặc dầu nắng oi-ả, trò Tuấn cứ lấy xe máy của anh đạp chạy một vòng quanh các phố. Buổi trưa,

các thành-phố đều im-lặng, không náo-nhiệt như ngày nay. Trừ tiếng chuông xe-máy và «*lục-lạc*» xe-kéo, không còn tiếng ồn nào khác. Xe hơi vẫn rất ít, ít lắm. Trừ đôi ba chiếc của «*Quan Tây*», còn thì «*Quan An-nam*» vẫn thích ngồi xe nhà, thường thường là xe sơn đen bóng-loáng, hoặc sơn đỏ xam, màu rượu bordeaux. Cũng còn nhiều ông Quan đi xe song-mã.

Tư-gia, không ai dùng xe-hơi. Nhà giàu không dám sắm, vì sợ các Quan ghen-ghét. Nhất là Hoa-Kiều, vì hầu hết các nhà buôn lớn nhất ở các tỉnh đều là của «*Các Chú*», họ dư sức sắm xe-hơi, nhưng họ sợ «*các Quan An-nam*» ghét nên họ cứ đi xe-đạp, hay là xe-kéo. Đi xa thì họ đi xe STAC⁴, dân chúng thường gọi là «*Xe Thơ*».

S.T.A.C.A. là do *Société des Transports Automobiles du Centre-Annam*, một hãng chuyên chở bằng xe-hơi của người Pháp, mà ta có thể nói là hãng xe độc-quyền lúc bấy giờ, chạy từ Tourane (Đà-nẵng) vào Nha-trang. Mỗi ngày chỉ có một chuyến từ Tourane vào và một chuyến từ Nha-trang ra, gặp

nhau vào khoảng 12 giờ trưa trước cổng nhà giầy-thép Quảng-ngãi. Xe chở thư-tín giao-thông hằng ngày và hành-khách, một loại xe «*Car*» không quá 10 chỗ ngồi, nghĩa là mỗi ngày từ miền ngoài vào miền trong, hay từ miệt trong ra miệt ngoài không quá 10 hành-khách, hầu hết là khách sang, hoặc nhà buôn lớn.

Trò Tuấn cứ trưa-trưa là thích đến vườn hoa trước cổng nhà giầy-thép để «*coi*» hai chiếc xe Thơ STACA gặp nhau tại đây. Ngưng độ nửa tiếng đồng hồ, bỗng nhiên một chiếc rồ máy rầm-rầm, xịt khói, bay hơi, chạy vùn-vụt ra miền Bắc, một chiếc cũng rồ máy, xịt khói, bay hơi, chạy bon-bon vào hướng Nam, bụi và khói bay mịt-mù hai bên hàng phố. Trò Tuấn xem mê, và cứ nghĩ thầm: «*Biết bao giờ mình được đi trên chiếc xe điện này để xem ra làm sao nhỉ?... Ồ! Biết bao giờ?...*». Riêng gì trò Tuấn! Hầu hết người «*An-nam*» ở Tỉnh, đã mấy ai được đi xe điện? Mặc dầu là xe Thơ (người ta vẫn bảo là xe Thơ của Nhà-nước), nó vẫn còn hiếm-hoi, mỗi ngày chỉ 1 chiếc chạy ra, 1 chiếc chạy vào, ngoài ra không

còn xe điện nào khác nữa.

Nhưng năm 1924, đã bắt đầu có vài ba chiếc xe khác, gọi là «*xe cam-nhông*» — *camions* —, của người Việt-nam. Loại xe này không phải là Xe-Thơ, nhưng cũng chuyên chở hành-khách và hàng-hóa. Xe cam-nhông chạy không có giờ phút nhất-định, muốn ngừng đâu thì ngừng, hành-khách đông-nghệt, ngồi ép với nhau chật ních, không có trật-tự hàng-hoàng như trong xe Thơ Staca.

Lần này, Tuấn-em được măn-nguyện. Cậu học-trò tinh-ngịch và tò-mò hạng nhất, đã biết đi xe máy, muốn trèo lên xe-điện, thì bây giờ đã có dịp được lần đầu tiên ngồi trên xe điện... Dịp ấy, là cuối tháng 8 năm 1924, sắp sửa nhập-học niên-khóa 1924-25 tại Qui-Nhơn. Trò Tuấn đã thi đỗ bằng «*Ri-me*» cuối niên-khóa 1923-24 ở Q.N.

Hãy xin nói trước về kỳ thi tiểu-học của Tuấn, *thiếu-niên nước Việt*, năm 1924.

Tuấn, thuộc về hạng học giỏi nhất lớp, kỳ thi cuối niên-khóa trong lớp được đứng hàng thứ 2, và được phần-thưởng danh-dự, thế mà thi bằng «*Ri-me*» cậu

lại đổ hạng bát, và đổ được là nhờ Thầy Trợ-giáo đứng ngoài sân «thời» giùm cho!

Bài Dictée (Chánh-tả), Tuấn còn nhớ đoạn đầu như sau đây :

Les Norias de Quảng-Ngãi.

Aucun spectacle de la province ne renseigne mieux sur l'esprit ingénieux du paysan d'Annam, et ne cause pareille surprise aux yeux curieux du voyageur.

Accouplées par demi-douzaines, elles atteignent parfois, ces norias géantes, une hauteur de dix mètres...

v.v.v...

Bài dài hơn nửa trang giấy

thì, toàn những chữ và những mẹo văn-phạm lắt-léo, éo-le, đại khái như đoạn trên, nhưng Tuấn chỉ bị 2 lỗi...

Hết giờ rồi về, Tuấn đọc lại nguyên vẹn bài dictée cho Thầy giáo nghe, Thầy mừng rỡ khen Tuấn rồi-rít nhưng Thầy căn dặn Tuấn về môn thi Toán. Thầy chỉ sợ Tuấn sẽ hỏng Toán, vì Tuấn dở Toán nhất lớp. Quả-nhiên, hôm thi Toán, chép xong hai đề Toán trên giấy thi, Tuấn ngồi rung rung nước mắt, sắp khóc to lên. Toán thế này thì có nước trừ chữ «T» ra, còn lại chữ «oán», cộng với chữ «ai» ở trước nữa là tìm ra kết quả!

(Còn nữa)



★ ĐỢT SỐNG MỚI

Ba người bạn gái nói chuyện với nhau.

— Nếu trời cho tao ước gì được nấy, tao sẽ ước là Farah-Diba để được làm Hoàng-Hậu.

— Tao ước làm bà Marie Curie để phát triển khoa-học.

— Còn tao, tao muốn làm Liz-Taylor để được nhiều... chồng.

Những bước đi thầm

★ HOÀI-KHANH

(Biên hòa)

Em về bước động thời gian

Trời mây tĩnh nhỏ chứa chan mộng đời

Ngày trôi bãi vắng chiều phơi

Lòng hoang đó cũng như môi của người

Tôi trầm nửa kiếp đơn côi

Nửa đêm trở giấc thấy tôi lạ lùng

Và em tuổi đó thanh xuân

Biết nhau lòng thấy vô cùng xa nhau

Đã chia mấy ngã đường sầu

Dòng sông thì vẫn xanh màu thiên thu

Em đi dáng nhỏ hiền từ

Cần chi khói thuốc, vẫn mù mây sương

Một hôm lại bước trên đường

Lại nghe lòng có vương vương thừa nào

Đêm tàn tiếc giấc chiêm bao

Chợt nghe lòng thiếu vì sao giữa hồn

Em về xóa tóc hoàng hôn

Và hương ngày cũ lệ dồn lên mi

Thôi em vui với xuân thì

Phố khuya tôi lại thầm đi một mình.



●Dức Thành-Thái và bốn cậu con' là những tay đua ngựa tài ba tại đảo La Réunion

Đời sống của Dức

THÀNH T H Á I

trên đảo LA RÉUNION

★ PHẠM TRƯỜNG-LUU

THỜI nguyên-tử này mà ngồi nói chuyện vua chúa thì thật là một ý-tưởng. thoái trào ; nói thế chưa hẳn đã đúng vì hiện nay cũng còn những quốc gia trọng vua chúa như nước Anh-cát-lợi, Nhật-bản chẳng hạn, những quốc-gia hùng mạnh trên thế giới đấy ư ! Ở đây, tôi rất đồng ý chôn sâu thiên vạn kỷ những vợ vua chúa như Kiệt, Trụ, Tần-thủy-Hoàng, như Khải-Định, Bảo-Đại nhưng đối với Thành-Thái một vương-đế có tâm hồn cách mạng nhưng bất đắc chí dưới thời Pháp thuộc lại không đáng cho ta nhắc nhở đến ru, nhất là một bậc vương rất được quốc-dân tôn kính.

Trong những năm vương vị, vua Thành-Thái không giúp gì cho hai chánh-phủ Nam-triều và Bảo-

ĐỜI SỐNG CỦA ĐỨC THÀNH-THÁI

hộ mà còn làm xáo trộn cả vấn-đề cai-trị của họ. Những hành động bất đắc-chí của nhà vua làm cho chúng phải điên đầu mà bọn họ cho là ông vua mất trí và hơn nữa các phong-trào cách-mạng cũng bắt đầu manh nha trong thời vị vương cách-mạng ấy như phong-trào kháng thuế, phong - trào Đông - du, phong - trào Văn - thân, những mầm giống vô hình ấy đã làm cho thực-dân Pháp hết sức lo ngại.

Nhờ được cây gai trước mắt thì nền bảo-hộ của chúng mới được bền vững nên chúng không còn do dự mà không hợp bàn cùng chánh-phủ Nam-triều đề đưa Ngài vào Nam an-trí một thời gian vì bệnh loạn óc.

Vua Duy-Tân kể vị, trong trào này các mầm mống cách-mạng đã tới thời kỳ bộc phát. Phong trào kháng sưu năm 1908, phong trào đưa mấy trăm du-học-sanh sang đất Nhật cho đến năm 1916 mới có cuộc tổng-khởi-nghĩa mưu lật đổ quyền bảo-hộ của Pháp.

Nhưng than ôi ! cuộc khởi nghĩa tháng 5 năm ấy đã thất bại và đưa đến một kết quả bi

thảm là vua Duy-Tân bị đày qua đảo La Réunion vì cái tội rất oái-oăm là « khuynh nguy xā-tắc ».

Dức Thành-Thái bị ảnh-hưởng cuộc khởi-nghĩa ấy rồi cũng bị cùng một lúc với con Ngài xa chơi nơi côn đảo xứ người.

Từ ấy, nước Việt-Nam yêu dấu chúng ta mất hai nhà vua cách mạng : Thành-Thái và Duy-Tân.

★

— Dức Thành-Thái có phải đứng vì vương không ? Người ta nói Ngài linh-lắm ; hễ Ngài quở đến ai thì người ấy không nhiều thì ít cũng bị tai họa.

Dưới đây là những mẩu chuyện lúc Ngài còn an-trí ở Ô-Cấp và lúc ở Côn-đảo về Ngài vẫn còn linh :

— Một cặp rắn mang lớn bằng cây cột mà người ta gọi là rắn thần, thường đêm ở trên núi xuống hầu Ngài nơi tòa Bạch-ốc Ô-cấp ;

— Có lúc Ngài về chơi Sài-gòn ghé xem sở thú ; cộp ở trong chuồng phủ phục hầu Ngài và cá sấu thì lặn xuống nước không dám ngó mặt Ngài.

— Ngài có tài sáng chế ra mấy móc để làm ra những chiếc

xe và ca-nô để dùng. Có một lần Pháp thử tài Ngài, đem một bộ máy xe hơi mở tung ra từng mảnh để nhờ Ngài ráp giùm lại. Ngài ngó sơ qua rồi Ngài phán : thiếu mấy con vis làm răn ta ráp được.

— Lúc bấy giờ có tên Ấp Chiêu ương ngạnh (nhờ vợ buôn cá khô cho các chuyến tàu lại lấy lộn đem về một cần xe cũng đựng cá khô mà dưới thì vàng) có một số vàng lớn lại chơi ngông bắt chước đời sống vương-giả như đức Thành-Thái từ con ngựa cỡi cho tới lối trang phục nhứt nhứt đều giống như Ngài. Bị khinh miệt, hắn dám đánh chết thường như mạng như không.

Một hôm, Ấp Chiêu bị Ngài quở rồi sau đó tên này sạt nghiệp ;

— Ngài thường đi chơi phố nên thường có những việc ly kỳ : Về cái tên hiệu Bar Sông-Hương, Ngài cầm ba-ton chỉ trên bảng mà quở : « sao lấy tên con sông xứ ta mà đặt tên cho một hiệu ăn ». Chỉ có thể mà tên chủ hiệu bị dầy. Hiện giờ cũng có quán Sông Hương ở góc chợ Cáp. Quán Sông-Hương ngày

nay nói chuyện Bar Sông-Hương trước đây vì có liên-lạc với Việt-minh nên bị dầy.

— Tên thợ điện Hai-Lâm gặp Ngài nói tiếng Tây. Ngài quở : ta là người Việt sao người lại nói tiếng Tây. Sau tên này loạn trí ;

— Tên Hai Xưa gặp Ngài đòi tiền sửa xe máy của con rể Ngài thiếu, bị Ngài quở mà chết ;

— Một thanh niên được sai theo dõi Ngài mỗi khi ra khỏi biệt xá, Ngài biết hành động đó, chờ cho thanh niên nọ đến gần Ngài chỉ khen xe thanh niên đẹp (xe đẹp thật) mà xe gã ấy tự nhiên bẽ dòn ;

— Biệt xá Ngài ở luôn luôn ngày cũng như đêm đều có lính Cảnh-sát canh-gát. Đêm đó là phiên Sáu Paul rọi đèn xung quanh biệt xá lại nhằm lúc Ngài đương ngồi tiêu, Ngài lên tiếng và nói sao đó, lúc ấy cũng có Cảnh-sát Đông, y trả lời với Ngài. Sau đó Cảnh-sát Đông bị Việt-minh bắn chết khi y gát tòa Bạch ốc ;

— Sáu Paul được Ngài khen siêng xách nước cho gia-đình Ngài dùng. Y cũng ngán lời khen quở của Ngài lắm, liền đến phân trần với ban là Hạp.

Trong lúc hai người bàn luận thì tự nhiên chiếc đồng hồ đeo tay của Sáu Paul bị đứt dây thêu phát ra một tiếng rất lớn cả hai người cũng nghe được ;

— Một hôm, lang thang ngoài phố thấy đám đông, Ngài rẽ vào xem thì là ông thầy bói ; Ngài nhờ xem hộ tuổi 72.

— Tuổi này nằm trên thiên-hạ, thầy bói đoán.

— Chừng nào ta đánh đuổi hết quân Pháp ra khỏi nước. Ngài nói rồi rẽ đám đông ra đi. Ông thầy bói hỏi người xung quanh mới biết là đức Thành-Thái, ông liền chạy theo vái Ngài.

— Ngài gặp viên tham-bien ngồi trên xe chỉ có đỡ nón chào. Ngài cho cư xử như thế là có ý khinh Ngài, Ngài đánh có ít ba-ton rồi sau 24 giờ viên tham-bien bị đi. Nghe nói tên này vì đau chơn không kịp xuống xe trong lúc đột ngột ấy chớ tuyệt nhiên không giám khinh Ngài.

Đời sống ở Côn - đảo

Các người có muốn gặp vua các người không, ta sẵn sàng chỉ đường cho các người đến. Ấy là lời của ông quan Pháp nói với anh em lính Việt đồn trú

ở đảo La Réunion. Rồi từ đó, trên các đảo xứ người không ngớt bóng và dấu chân người Việt lui tới viếng thăm hai gia-đình của hai vị phế đế — hai nhà cách-mạng của nước nhà : Thành-Thái và Duy-Tân. — Từ một người lính đến những nhà hàng hải, khách viễn-du, nhà chánh kiến mỗi khi có dịp ghé vào là không bỏ qua cơ-hội để đến viếng hai Ngài hoặc biểu những sản phẩm nước nhà hoặc giúp đỡ một phần nào về vật chất.

Lúc từ già quê hương đất nước lưu đầy đến xứ người, để an ủi những ngày tàn nơi đất khách và xoa dịu bớt nỗi lòng đau khổ vì dân vì nước, Ngài có đem theo hai bà hầu để hôm sớm có nhau. Thời gian qua, mức sanh hoạt càng ngày càng quần bách vì khẩu phần theo thời gian cứ tăng lên. Trong khoảng 30 năm xứ người, Ngài sanh thêm 4 trai và 6 gái mà nếu Ngài không đặt vấn-đề « tự-lực cảnh sanh » thì tình-trạng sẽ trở nên bi-thiết đến dường nào. Một cuộc tranh đấu không ngừng của một gia-đình đông đúc mà không có một sự nghiệp để bảo đảm cho cuộc đời. Vì thế đã

biết bao là tồ-chức: tiệm chụp hình, quán ăn, sân nuôi ngựa đua, thủ công đương đất thúng mủng và đồ chơi trẻ em.

Ngài có những sáng kiến rất hấp dẫn trong kỹ-nghệ đồ chơi được dân bản xứ tán thưởng và trẻ em rất ưa những món chơi huê mỹ của Ngài. Những ngày lễ Noël, nhà Ngài là một cửa hàng sản xuất đồ chơi — nơi hẹn hò của cả trẻ em ở Đảo. — Nghề đương đất của Ngài cũng thế, rất khéo léo nên được các bà nội trợ ở đó tiêu thụ rất nhiều hàng của Ngài.

Xao lãng bởi những sanh hoạt thường xuyên nhưng Ngài không khỏi không buồn ngủi khi nhớ đến quê nhà, nhất là trong những năm gần đây, nước nhà trong cơn khói lửa. Tuổi đã bảy mươi rồi mà thân còn bị kiềm hãm thì còn mong gì hơn. Thời gian cứ trôi đi rồi cũng không còn bao lâu nữa, Ngài sẽ được nhìn thấy non sông đất nước nhà.

Cuộc vận động của Công-chúa Lương-Trinh.

Lúc ấy vào năm 1946, trong thời kỳ toàn-quốc kháng-chiến.

Saigon là đích ăn bom đạn của quốc dân; mặc cho khói lửa ngợp trời, dưới lừng đạn tua tủa khắp nơi nhằm về Đô-thành công hãm, Công chúa Lương-Trinh kiên gan từ Thị-nghè sang Saigon, dâng đơn lên Cao-ủy Pháp xin tội cho cha. Cao-ủy d'Argenlieu sẵn sàng chuyển đơn Công-chúa về Pháp đình thỉnh thị. Thời gian đợi chờ 2 tháng, Công-chúa được mời đến dinh Cao-Ủy, nơi đây Công chúa được tin chấp thuận lời thỉnh cầu của Công-chúa và đức Ngài cùng gia-quyển sẽ được hồi hương trong một chuyến tàu trước hết. Thế mà mãi đến năm 1948 gia đình đức Ngài mới về hết bằng hai đợt, vì lúc ấy hầu hết tàu Pháp bận việc tải lương thực, khí giới và quân lính sang Việt-nam để đàn áp phong-trào kháng chiến, cho nên ít ghé đảo Réunion.

Trở lại cho đất nước con người của đất nước

Tin đức Thành-Thái đã trở về đất nước; làm sôi nổi lòng dân đất nước đặt tin-trưởng vào đức Ngài trong lúc toàn-dân tích-cực

kháng chiến đuổi thực-dân Pháp ra khỏi nước.

Trên con đường từ Cáp vô Saigon rồi từ Saigon ra Cáp, đâu đâu cũng được quần chúng tập hợp hoan-ngênh nhiệt liệt đức Ngài, các đoàn thể chánh-trị đều thỉnh đức Ngài tham chính, v.v...

Tất cả đều muốn đức Ngài tham chính nhưng với tất cả, đức Ngài đều thối thoát vì rằng tuổi

già sức yếu, ta hãy nghe đây lời than của đức Ngài:

«Tiếng súng rền vang chẳng sót nơi,

Thương vì trăm họ giọt châu rơi!
Tuổi già sức yếu cảm hờn bấy
Thẹn đứng râu mày tối những mai».

PHẠM-TRƯỜNG-LƯU
(Thủ-Đức)



★ THẦY BÓI

Một bà khách ngồi thủ-thỉ với một bà thầy bói mù:

— Bà coi giùm tôi một quẻ, xem năm nay tôi có thể sinh được cháu nào không, sao tôi có gia-đình đã lâu mà không có con?

Bà Thầy bói tính lằm-nhằm trong miệng một lúc rồi quả quyết đáp:

— Theo quẻ thì nhất định năm nay bà phải có tin vui về con cái. Tôi chắc chắn thế nào bà cũng sinh con trai. Năm nay bà mấy tuổi?

— Vừa đúng 50.

GIÓ LOẠN THỜI GIAN

★ JOHN STEINBECK

● PHƯƠNG-CHI dịch-thuật

(Tiếp theo P.T. 79 và hết)

ĐỒ-VI cắt ngang câu chuyện hỏi ông Ô-Điền :

— Thưa ông Thị-trưởng, ông muốn dặn dò chúng tôi điều gì?

— À những điều chúng tôi sắp nói với các cậu... đề Bác sĩ Vĩnh-Tế và tôi hãy tính xem... Rằng chúng tôi muốn tiếp tục chiến đấu, nhưng chúng tôi không có điều-kiện. Nếu các cậu sang Anh-quốc được, các cậu nói dùm cho thành-phố nhỏ này rằng chúng tôi muốn có vũ-khí...

— Vũ-khí gì? Súng à? Đồ Tổng hỏi.

— Không con ạ. Chúng tôi không sử-dụng được súng. Chúng tôi cần đến vũ-khí giản-

dị đề dấu-diêm; vũ-khí dùng cho việc hoạt-dộng bí-mật: chất nổ, cốt-min để phá đường sắt, lựu-dạn và cả thuốc-độc nữa nếu có thể... Trong trận chiến-tranh này, hai tiếng «danh-dự» không có chỗ đứng. Chính là một trận giặc phản bội và xúc phạm. Mong phi-cơ Anh thả dù cho chúng tôi những chiếc mìn nhỏ nhỏ để chúng tôi đặt dấn khắp nơi

— Nếu chúng tôi thành công qua được Anh-quốc, chúng tôi sẽ trình bày đều đó. Nhưng tôi tưởng phải nói thêm rằng ở Anh-quốc có những đầu-lĩnh không dám đặt vũ-khí vào tay dân chúng.

— Tôi không nghĩ như thế. Trong trường hợp mà họ đề-dặt như thế thì chúng tôi phải trùm chân.

— Dù thế nào họ cũng phải trả cho chúng tôi cốt-min, Bác sĩ Vĩnh-Tế nói: tôi cam-doan với các cậu rằng với thứ khí-giới đó chúng tôi làm cho bọn xâm-lăng không có được một phút yên ổn.

Lời nói trên như một luồng điện truyền cảm cho người nghe.

Mộng Liên chen vào với lời nói mãnh-liệt, hăng-hái.

— Chúng ta có thể chiến đấu ngay trong lúc chúng nghỉ-ngơi, ngay trong giấc ngủ của chúng.

Nàng ngồi gát ở ngoài thò đầu vào báo tin:

— Một quân-nhân từ ngoài đường sắp đến.

Rồi có tiếng gõ cửa nhẹ-nhẹ. Mộng-Liên mở cửa sau cho năm người rút lui. Liếng gõ cửa lại tiếp tục. Nàng trở vào, cảm thấy tâm-hồn đề-nặng bởi một quyết-định. Thấy chiếc kéo dài khấp lại nhọn hoặc như chiếc dao găm trên bàn, nàng nhón tay cầm lên với vẻ suy nghĩ. Nàng uớm thử vào mấy ngón tay rồi nắm bàn tay lại. Đôi con ngươi nàng sáng lên. Nàng thường chiếc kéo vào tay áo.

Tiếng gõ cửa phía ngoài lại thúc dục. Bỗng nàng tắt phụt ngọn đèn. Rồi với một giọng thâu ngân mà nàng cố tạo ra đơn-trơn, nàng nói lớn:

— Tôi đến đây. Trung-úy, tôi đến đây!

★

Trăng mờ chiếu heo hắc màn trời đêm: mảnh trăng khuyết thượng tuần. Gió vi-vu trên tuyết: một làn gió chát-chứa và đều đều từ Bắc-cực thổi về. Tuyết từng lớp dày và xộp phủ cả núi sông. Cối tỉnh một cơn chó tru lên những hơi dài như phản-nản sự lạnh-lẽo và hoang-vu.

Một tên Trung-sĩ nói:

— Chớ người ta cũng xơi cả đấy! Thứ gì có thể nuôi sống được loài người là người ta nghĩ đến.

— Ô, đều đó tôi không phản-nản đâu! Tôi nhìn-nhận đó là một sự cần-thiết. Chính-phủ bao giờ cũng chu đáo hơn ta. Nhưng dù sao, cũng thấy quái-gỗ. Ở đây có lắm kẻ có chó và họ không đủ ăn bằng ta nên người họ da bọc lấy xương. Một tên hạ-sĩ nói:

— Đó là một bọn ngu đần. Bởi thế chúng mới thua trận. Tên Trung-sĩ trả lời.

Bỗng có tiếng vù-vù trên không trung. Từ thượng tầng không khí, hai oanh tạc-cơ hăm hót ga, quăng những vòng tròn, rồi bắt đầu nhả ra những chiếc dù lẫn-tẩn. Dưới mỗi chiếc dù màu xanh nhỏ bằng tấm khăn tay treo lủng-lẳng một gói đồ dài độ 25 phân tấc. Những chiếc dù đó rơi giữa cánh đồng, rơi trên cây, đeo tòn-ten trên cành; một vài chiếc khác rơi trên mái

nhà, một vài chiếc khác rơi trên bồn hoa. Có một chiếc rơi ngay giữa đường trước mũi bọn quân cảnh.

— Coi chừng, viên Trung-sĩ nói, đó là một quả bom nổ chậm.

— Bom nổ chậm phải to hơn, một tên lính trả lời.

— Nhưng dù sao cũng không nên đến gần.

Viên Trung-sĩ chiếu ngọn đèn bấm vào thấy một chiếc dù nhỏ mang theo một gói bạc giấy xanh.

— Đừng ai đụng tới nó, viên Trung-sĩ nói. Hên, may chạy đi tìm. Đại úy ở chỗ. Chúng tao ở đây canh chừng cái bày này của bọn quỷ Sa-tăng.

Lúc ấy trời sắp sáng. Người ra đồng thấy những chấm xanh trên tuyết. Họ nhặt lên, xé giấy ra, đọc những lời chỉ-dẫn in phía trong, hiểu ngay phải làm thế nào. Họ liền bỏ cái ống thuận-thuần ấy vào áo và lặng lẽ đem đi dấu cất.

Bọn trẻ nghe đồn có một tấm «sô-cô-la» kèm theo cái ống, đồ ra đi lục-lọi rất hàng-hái như đi tìm một quả trứng Phục-sinh.

Trong phòng Thị-sảnh, Đại úy Long, Thiếu-tá Hùng và Đại-tá Lan-Son ngồi quanh một chiếc bàn. Một tên lính sắp những gói nhỏ bọc giấy xanh ra bàn rất cẩn thận. Khi tên lính quay gót. Hùng cầm một ống lên và xé

lớp giấy bọc.

— Cốt mìn thương. Ống đựng và tìm chế tạo theo cách cổ-diễn. Nổ chậm một phút.

Đại tá Lan-Son đọc lời chỉ dẫn trong giấy gói và nói :

— Tác dụng rất ác-hiêm. Giấy bạc màu xanh rất dễ nhìn thấy. À, lại một miếng «sô-cô-la», một người thích đồ ra đi tìm. (Đại-tá ném thử tấm «sô-cô-la», rồi nói tiếp : Không ai hơn ai ! Tấm «sô-cô-la» khá ngon ! Các ông xem tôi còn bị cám-dỗ nữa là !)

Đại-úy Long nói với giọng quyết-liệt :

— Phải hành động cách nào chứ ? Chắc chắn phải có phương pháp để kéo tinh thể về mình. Bộ Tham-mưu sẽ cho lệnh thế nào ?

Đại-tá gõ gõ ngón tay trên một ống mìn rồi bửu môi :

— Tôi biết trước Bộ Tham-mưu sẽ cho lệnh : «Đặt mìn cạnh những gói ấy và bỏ thuốc độc vào tấm «sô-cô-la».

Sau một lúc suy nghĩ, Thiếu-tá Hùng nói :

— Tôi là một sĩ-quan phụ-thuộc có kỹ-luật và rất trung-thành. Nhưng khi tôi thấy những ý nghĩ thoát trong đầu óc sĩ-quan Bộ Tham-mưu ra, tôi không thể tưởng-tượng được. Có những lúc tôi muốn trở lại làm thường-dân, một thường

dân già cả và tàn-tật. Rồi việc này sẽ xảy ra thế nào các ông biết không ? Một kẻ nào đó nhặt gói đó và chết theo tiếng nổ. Một đứa trẻ ăn tấm «sô-cô-la» và sẽ chết vì thuốc độc mà tiền. Rồi sau rốt thế nào ? — Đáng lẽ chúng sẽ nhặt bằng tay thì chúng sẽ dùng một chiếc gậy dài hay một sợi giây để lấy. Về miếng «sô-cô-la» thì chúng cho mèo ăn thử trước. Chúng không dễ bị mất bầy khờ khạo này hai lần.

Đại úy Long ho hắng giọng :

— Đại-tá và Thiếu-tá giúp thêm ý kiến cho địch ?

— Long ạ, Đại-tá nói, rồi tôi sẽ gửi gắm anh cho một đơn-vị Tham-mưu. Anh là người ra hành động trước khi xem xét kỹ bài toán !

Một tên lính thò đầu vào cửa :

Thưa Đại-Tá, ông Công Liên xin tiếp chuyện với Đại-tá nếu Đại-tá cho phép.

— Bảo ông ta đợi.

Rồi quay lại, ông nói tiếp với viên Đại-úy :

— Long ạ, bây giờ là cốt-mìn. Ít lâu nữa là thuốc độc ! Anh tưởng-tượng tâm-trạng bọn lính ta ra sao khi chúng biết chung quanh mình chúng đều có thạch tín.

— Đại-tá đã hoài công...

— Không, tôi đoán trước việc sắp tới xảy ra !

— Bây giờ chúng ta phải lục lợi khắp xứ tìm mìn.

— Tôi đồng ý. Đại úy lấy một phân đội. Trung-úy Bạch lấy một phân đội khác. Hãy lục lợi khắp nơi. Trung-úy Tông chết và chúng ta chưa có người thay thế. À Tông, ừ hử không tàn tinh đàn bà !...

Long nói :

— Dáng dấp của Bạch làm tôi lo ngại. Anh ta sợ hãi bóng đen và rất dễ nóng giận.

— Tôi biết, Đại-tá nói. Phải để mắt theo dõi hẩn và lo tìm kiếm mìn. Tôi không muốn Đại-úy xử-tử người ta một cách táo bạo, ngoại trừ những vụ có tang chứng. Đại-úy nghe lời tôi đấy chứ ?

— Vâng, thưa Đại-tá.

— Còn Thiếu-tá Hùng, ông cố gắng giữ-gìn đường sắt. Mai đây, sự phá hoại còn nhiều hơn là trong vòng 15 cây số đứt ba khoảng như Thiếu-tá đã trình.

— Tôi cũng sợ như thế. Vậy chúng ta phải ra huấn lệnh.

— Huấn lệnh ! Tất ông đã biết tai hại như thế này :

— Bắt được người đem bán. Bắt con tin đem bán. Bắt những con tin khác đem bán .. Và như thế hận thù cao thẳm hử !

— Đã khi nào bán con tin chưa ? Thiếu-tá hỏi với giọng ngập-ngừng và quay đầu nhìn cửa phòng ông Thị-trưởng.

Đại tá lắc đầu rồi ngần-ngừ nói tiếp :

— Không à ! Chưa đấy chứ ! Lúc này chỉ còn là sự bất bõ. Nhưng bây giờ Thiếu-tá cho tôi lo việc khác. Tôi phải tiếp Công Liên.

Công Liên vào. Tay trái hằn bó thạch cao, nét mặt cứng rắng và bức bối.

— Đáng lẽ tôi phải đến sớm hơn, nhưng sự hững-hờ của Đại-tá làm tôi do-dự.

— Ông muốn đề-nghị với tôi việc gì ?

— Đề-nghị ! Đó là một tiếng khiêm tốn quá ! Phải kê tên Ô-Điền vào danh sách con tin và danh-cổ đời sống ông ta với sự pha-rời ở Thị-xã nay. Phải cho dân-chúng biết là ông ta sẽ bị bắn, nếu chỉ một cốt mìn nổ. Công-Liên thò tay vào túi và lấy ra một tờ giấy và trao cho Đại-tá :

— Đây là bức thông điệp trả lời bản phúc-trình của tôi gửi cho Tổng-hành-dinh. Xin Ngài đề ý là Tổng-hành-dinh có trao cho tôi ít quyền hành.

— Như thế này, thì ông đã đâm lên đầu tôi ông đi (Đại-tá nhìn Công-Liên với vẻ khinh-bĩ ra mặt).

— Bây giờ, thưa Đại-tá, tôi xin khẩn-khoan nhắc lại lời của tôi là Ô-Điền có bị giữ làm con tin không ?

— Ông ấy ở đây. Ông ta không trốn.

— Phải uy-hiệp Ô-Điền bằng cách đánh đổi đầu ông ta với những hành-động quấy rối.

— Và nếu dựa chúng không thêm đếm xỉa đến thì phải làm thế nào khi đã bắn xong Ô-Điền ?

— Sẽ đến lượt tên Bác-sĩ già. Tuy lâu này không có quyền gì chính thức nhưng có nhiều uy-tín với dân chúng.

— Được rồi. Và khi bắn xong ông Bác-sĩ ?

— Thì trật-tự trở lại, cuộc khởi loạn yên. Một khi người cầm đầu chết thì kháng chiến vơi.

— Ông chắc-chắn như thế ? Đại tá hỏi với giọng biem nhẹ.

— Thì hăng hái như thế !



Bác-sĩ Vĩnh-Tế bị bắt vừa giải đến văn-phòng Đại-tá thì ông Thị-trưởng Ô-Điền ở trong phòng vừa bước ra :

— Bác-sĩ ạ, tôi là một người khổ sở. Tôi sợ. Tôi sợ lắm. Nhưng một sự vui mừng vùng dậy trong lòng tôi. Tôi thấy tôi chưa bao giờ cao-cả và hoàn-toàn hơn bây giờ.

Đại-tá Lan-Son ở ngoài vừa bước vào phòng, liền nói :

— Ông Ô-Điền ! Những vụ phá hoại phải dẹp tắt mới được.

Ông Thị trưởng nhích một nụ cười gằn-gượng :

— Đại-tá đòi hỏi một việc không thể giải quyết được.

Lan-Son nói với giọng cứng cỏi :

— Đó là một cái lệnh. Tôi bắt ông để làm con tin và đánh đổi đời sống ông với hành-vi phá hoại của đồng-bào ông.

— Việc đó không mang lại kết-quả gì. Nếu tôi làm trở ngại công việc của dân chúng thì họ không thêm đếm xỉa đến tôi.

— Chúng ta phải thành-thực ! Nếu đồng bào ông biết ông sẽ bị xử bắn nếu một quả mìn nổ, thì họ sẽ phải xử sự thế nào ?

— Tôi không thể nói chắc được, nhưng tôi tưởng họ cứ cho mìn nổ.

— Và nếu ông yêu cầu họ dừng hành động ?

Mi mắt ông Ô-Điền sụp xuống. Người ta tưởng ông ngũ gât. Nhưng thật ra ông đang tranh-dấu để sắp đặt ý nghĩ cho có mạch lạc. Bỗng ông ngừng đầu lên nói với giọng kiêu hãnh :

— Tôi không được dừng cảm lắm đâu, thưa Đại-tá, sự sống chết của tôi, tôi không định đoạt được... Nhưng ở tình-thế này tôi được lựa chọn mà thôi. Nếu tôi bảo họ đừng tranh đấu, họ chỉ thêm bức mình, mọi việc vẫn không thay đổi. Nếu tôi bảo họ tranh đấu, họ lấy làm sung-

sướng và tôi tuy không phải người rất dũng, nhưng đã thúc đẩy họ thành can-đảm. Thế thì Ngài đã thấy rõ rồi chứ : sự lựa chọn của tôi rất dễ-dàng, và đối với tôi sự kết quả vẫn không khác ở hai trường hợp trên !

— Chúng tôi sẽ nói là ông yêu cầu chúng tôi để ông được sống ?

— Dân chúng sẽ biết sự thật. Bác-sĩ chen vào. Việc gì rồi thiên-hạ cũng biết rõ. Một chiều nào đó, một sĩ-quan của Ngài bắt măn đã nói : « Những con ruồi chính phục giấy nhưa ».

Bây giờ cả nước chúng tôi người ta nhắc đi, nhắc lại lời nói đó.

— Không làm sao ngăn cản được thời cuộc tiến triển, ông thị-trưởng nói tiếp. *Lần chúng không chịu sự chinh-phục thì rồi cuộc họ không bị chinh-phục. Những người tự do không muốn khai-huân một cuộc chiến-tranh, nhưng khi chiến-tranh bùng nổ thì họ tiếp tục chiến-dấu cho đến khi toàn thắng. Những dân-tộc độc-tài dưới sự hướng dẫn một vị chỉ-huy thì lại không như thế ; họ có thể thắng tất cả các trận đánh nhưng rồi cuộc họ thất bại chiến-tranh.*

Đứng thẳng người, Đại-tá Lan-Son tuyên bố :

— Tôi có những huấn-lệnh đúng nghi thức. Thời hạn cho dân chúng là 11 giờ. Nếu những

hành động phá-hoại diễn ra thì những còn tin sẽ bị bắn.

— Ngài vẫn thi hành lệnh ấy tuy vẫn biết không đem lại kết quả gì? Bác-sĩ hỏi.

Đại-tá nghiêng hai hàm răng lại:

— Tôi sẽ thi-hành không còn bàn cãi gì nữa Nhưng tôi quyết rằng, thưa Ngài Thị-trưởng, một lời hiệu-dụ của Ngài có thể cứu được nhiều sinh-mạng.

Tiếng gầm xa xa của một tiếng nổ vang lên và tiếng dội của nó do núi vọng lại. Tiếng rú của mìn như kêu gọi dân chúng

thức tỉnh. Ông Ô-Điền đứng thẳng người một lúc, nụ cười nở trên môi. Một tiếng nổ thứ hai gần hơn, dữ-dội hơn, tiếng dội do núi vọng lại dài hơn tiếp theo tiếng nổ vỡ. Ông Thị-trưởng nhìn giờ, đoạn ông tháo sợi giây chuyền nơi áo nịt trao chiếc đồng hồ cho Bác sĩ Vĩnh-Tế.

— Bác-sĩ nhắc lại dùm tôi câu nói về chuyện ruồi.

— «*Những con ruồi chính-phục giấy nhưa.*» Bác sĩ nói với giọng mỉa mai.

— HẾT —



* CHIA BUỒN

Vợ một thi-sĩ ngồi xem báo, nói với chồng:

— Minh ơi, nếu theo bản thống-kê thì ở bên Mỹ cứ 3 phút là có một người chết!

Ông chồng đang làm thơ, ngẩn đầu lên hỏi vợ:

— Ồ, tội-nghiệp! Chừng nào đi đưa đám?

* DANH NGÔN

• Tài năng là một sự kiên-nhẫn lâu dài.

BUFFON

MINH
ƠI!

TRUYẾT
«
HIỆN
SINH
»

CỦA JEAN
PAUL SARTRE

★★

Bài thứ 2

Diệu Huyền

— **M**ÌNH ƠI! Hôm nọ hình như Minh mới trình bày tổng quát về thuyết Duy-Sinh của J. P. Sartre, phải không Minh? Em mới hiểu những đại-cương thôi.

— Dĩ-nhiên. Một lý-thuyết triết-học đâu có thể nào phân tách đầy đủ trong một tiếng đồng-hồ được. Đã có hàng mấy chục quyển sách của Tây-phương bàn về triết-lý của Jean Paul Sartre, thì ít nhất chúng ta cũng phải mò-xê nó trong một tập sách nhỏ, hay là hai ba bài báo, hoặc trong một cuộc nói chuyện ba bốn giờ, thì mới hiểu thấu đáo những khía-cạnh của vấn-đề phức-tạp ấy được chứ.

— Vì thế nên em muốn hôm nay Minh giảng-giải thêm về những chi-tiết khó hiểu.

— Hôm nọ anh đã chia nó ra thành nh ều điểm, để trình bày qua về từng điểm. Ấy là những điểm chính của lý-thuyết Duy-Sinh, em phải nhớ rõ anh mới tiếp-tục giảng-giải thêm được.

— Em nhớ đại-khái Jean Paul Sartre chủ-trương:

• **Hiện - hữu có trước**

bầm-tĩnh (*l'existence précède l'essence*). Hiện-hữu do Hư-vô mà có, có mình xong rồi mình mới tự-tạo ra bầm-tĩnh để đối-phó với đời sống.

• **Cuộc đời là vô-nghĩa** (*la vie est absurde*). Hiện-hữu là vô-nghĩa (*l'être est absurde*).

• **Hiện-hữu (con người đang sống) luôn luôn cô-độc và lo-sợ** (*l'être est toujours seul et angoissé*).

• **Sống dề mà chết** (*l'être dans-le-monde, c'est l'être-pour-la-mort*), luôn luôn bị đe-dọa tiêu-diệt trong hư-vô (*toujours menacé de néantisation*).

• Mục-dích sống của con người là chỉ nên sống theo đời sống vô-nghĩa, chỉ biết sống (duy-sinh), lấy sống làm tác-phong duy-nhất, dề rồi đi đến cái chết là kết-cầu duy-nhất.

• Cho nên, hiện-hữu được tự-do, mặc dầu tự-do là vô-nghĩa, vì chính hiện-hữu đã là vô-nghĩa. Tự-do theo bầm-tĩnh của mình. do mình tự tạo ra, không theo ý-niệm nào khác về luân-lý, xã-hội, tôn-giáo, v.v...

Đây, em nhớ như thế có đúng không?

MÌNH ƠI!

— Đúng.

— Nhưng Minh phải mò-xê, phân-tách, phê-bình, những quan-điểm trên kia, Minh phải « lột trần » triết-lý Duy-sinh ra, thì em mới thấy rõ chân-tướng Jean Paul Sartre, em mới hiểu J. P. Sartre dưới lớp áo *existentialiste*, lớp-áo mà em thấy hình như chấp-vá nhiều hàng-lụa cũ... Phải không, Minh?

Ông Tú cười, vỗ nhẹ vai bà Tú.

— Em đã nói: « lớp áo Duy-sinh chấp-vá nhiều hàng lụa cũ », tức là em đã hiểu J. P. Sartre nhiều rồi, Bởi vì tinh-t túy của lý-thuyết Duy-sinh không phải là mới lạ, không phải là của J. P. Sartre, mà đã bắt nguồn từ những học thuyết của Kant, Schelling, Fichte, Hegel, Hamelin, Kierkegaard, Husserl, Brunschvicg, Heidegger, Jaspers... Nghĩa là từ cuối Thế-kỷ XVIII, qua Thế-kỷ XIX truyền xuống đến trước Đệ-nhất Thế-chiến, phát-triển mãnh liệt hồi trước

Đệ-nhị Thế-chiến. Sau đệ-nhị Thế-chiến, nó đã bắt đầu tàn, triết-lý Duy-sinh của J. P. Sartre đã trở thành vô-triết-lý. (La philosophie existentialiste de J. P. Sartre est précisément une non-philosophie (1)).

— Minh ƠI, thế ra một số thanh-niên nước Việt hiện nay bắt đầu « thờ » Chủ nghĩa Duy-sinh trong lúc chính nó không còn là một chủ-nghĩa nữa?

— Chính thế. Và đó là một điều rất đáng buồn, và đáng thương hại cho một lớp trai thời loạn của nước Việt ta! Họ đi lượm mót vài mảnh vụn của pho thần-tượng bằng đất sét đã sụp đổ của Tây-phương để mà thờ, trong lúc tự nó đã không đứng vững với thời gian (*Sein und Zeit!*). Một vài người « trí thức » của thời Hậu-chiến đã dịch sai lầm ra danh từ « hiện sinh », và giới thiệu triết-lý ấy cho thế-hệ mới, với quan niệm nông-nổi là « sống cho hiện

(1) Alquié. Tạp-chi Quốc-tế « Revue Internationale », No-3 Mars 1946, trang 245-249,

tại». Vì thế mới nảy ra một lớp thanh-niên thiếu kinh-nghiệm hùa theo mà « sống cho hiện tại », và hãnh diện là lớp người của « hiện-sinh », để ăn, chơi, rượu, chè, nhẩy-múa, truy-lạc, miễn sao cho thỏa-thích « đời sống hiện-tại » ! Cái hại là ở đây, mà không ai chỉ ra đó thôi. Cái hại hiểu lầm một học thuyết mà nguyên-thủy là một khía cạnh của Thực-thể-học (*Ontologie*), và một biên thể của Hiện-tượng-học (*Phénoménologie*) của triết học Tây-phương.

— Minh à, thế ra J.P. Sartre không phải là người chủ xướng ra học thuyết Duy-Sinh ?

— Không. Anh đã nói lúc nãy rằng Thuyết Duy-Sinh đã bắt nguồn từ triết-lý của Kant (Nhà đại triết-học Đức) trong bộ sách *Kritik der reinen Ver-*

nunft, (1) xuất bản từ 1781. Ý-niệm về Thời gian (*Zeit*), về Hiện-hữu (Heidegger gọi bằng tiếng Đức là *Da-ein*), đã bắt đầu nảy nở qua các tiền triễn của Tư - tưởng triết-học từ Kant đến Heidegger.

J. P. Sartre chỉ là người đã tạo ra một thứ triết-lý Duy-sinh bằng những quan-điểm đã có sẵn trước. Ông đã khai-thác những quan-điểm kia, và đã suy-luận theo chủ-quan của ông, sau Đệ-nhất Thê-chiến, xuyên-tạc về mọi mặt, để thành một biên-thể riêng, thế thôi. Ngay như danh-từ *Existentiel*, nguồn-gốc của chữ *existentialisme*, chính là do nhà Triết-học Pháp Octave Hamelin đã đặt ra đầu Thê-kỷ XX, trong quyển sách Triết « *Essai sur les Eléments principaux de la représentation* », xuất bản năm 1907. (2) Ảnh-hưởng đầu tiên, và rõ-rệt nhất, — và

(1) Phê bình Lý-trí thuần túy (Người Pháp dịch : *Critique de la Raison pure*).

(2) Nguyên văn của Hamelin: « Il y a avènement de l'existence, et la logique devient, d'abstraite qu'elle était, concrète et existentielle »: Phải nói đến đời sống, và dĩ-nhiên cái lý luận không còn trừu-tượng nữa mà phải là thực-tế và duy-nhất về sinh-lớn.

chính Sartre không chôi-cãi điều đó, — đã đưa ông đến một biên-thể Duy-sinh, là những nhà Triết học Đức tiên-phong của triết-học Duy-sinh. (không kể Nietzsche), giữa lúc triết-học Anh có Bradley, triết-học Ý có Gentile, và Triết-học Pháp đã có Hamelin, trước J. P. Sartre. Không kể Bergson đứng riêng một phái khác.

— Minh à, Jean Paul Sartre chủ-trương thuyết duy-sinh là dựa theo các lý-thuyết duy-sinh của Đức, nhưng lý-luận của ông có giống như của Triết-học Đức không ?

— Giống một đôi phần. Muốn phân biệt, người ta đã gọi thuyết duy-sinh của J. P. Sartre là « Thuyết duy-sinh của Pháp » (*Existentialisme français*), vì nó chỉ là một biên-thể, như anh đã nói ở trên. Nó không phải là toàn-vẹn. Nhưng ở đây, chúng ta sẽ mất rất nhiều thì giờ để so-sánh và phê-bình J. P. Sartre với các nhà triết-học Duy-sinh của Đức, như Kierkegaard, Husserl, Heidegger, v.v.. Chúng ta chỉ nên

đứng trên lĩnh-vực Văn-hóa Đông-Phương để phê-bình triết-học Tây-Phương ấy, có lẽ lợi-ích hơn. Chúng ta nhận thấy rằng hầu hết các quan-điểm của J. P. Sartre không mới lạ gì đối với triết-học Đông-phương, của Không-Từ, Lão-Tử nhất là với Phật-Giáo.

— Ủ, em chịu Minh phê-bình lý-thuyết Duy-sinh, trên quan-điểm Phật-Giáo.

— Trước hết, câu của J. P. Sartre « Hiện-hữu có trước bản-tính », nói cho dễ hiểu là « con người sinh ra trước rồi cá-tính mới có sau », là hoàn-toàn sai-lầm. Không-giáo chủ-trương : « *Nhơn chi sơ tính bản thiện* », hợp với chân-lý hơn. Sartre cho rằng « con người sinh ra ở đời, rồi phải tự mình tạo ra cá-tính, trong lúc đấu tranh cho sự sống », nhưng J. J. Rousseau ở bên Pháp và Không-từ ở bên Tàu thì cho rằng con người sinh ra đã có cá-tính sẵn rồi, cái cá-tính vốn lạnh, rồi dần dần do ảnh-hưởng của xã-hội mà cá-tính thay-đổi và có thể trở nên xấu, (Tánh tương cận, tập

trương viễn). Cái Nghiệp-chướng trong Phật-giáo cũng chứng-minh con người sinh ra đời là phải chịu khổ với những tính tham, sân, si, và vì thế mà cần phải tự-giác. Thuyết tự-giác giác-tha, của Phật có mục đích xây dựng con người chân-thiện-mỹ, trong lúc lý thuyết « đời sống vô nghĩa, hiện hữu vô nghĩa » của Sartre phủ nhận giá trị chân thiện-mỹ của con người.

— Em rất đồng ý về điểm Minh vừa mới trình bày. Vì theo em hiểu, nếu Hiện-hữu có trước cá tính (l'existence précède l'essence), thì hiện hữu lấy cái gì, với cái gì, tự tạo ra cá tính ? Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni nhìn thấy con người sinh ra đã chịu nghiệp chướng, đã bị sinh, lão, bệnh, tử, tức là đã mang sẵn trong người cái Karma, số kiếp, của Nhân-Sinh chứ con người có tự tạo ra gì được đâu ? Ý kiến thiên cận của em như thế có đúng không ?

— Đúng. Sinh, lão, bệnh, tử, bốn nguyên nhân sinh ra Đau Khổ, chính là bản chất của người, chính là cái « essence »

của hiện hữu, hay là cái en-soi, nói theo danh từ triết của Sartre, và cái Dasein của Heidegger. J. P. Sartre đi tìm nó xa lắc xa lơ, đợi có cái hiện hữu trên đời rồi mới nhìn thấy nó, trong lúc nó, cái essence, cái bản chất, cái cá tính, đã thét lên ngay trong ba tiếng khóc oe-oe chào đời ! Đây là một sai lầm lớn của J. P. Sartre.

— Nhưng Minh à, em thấy hình như J. P. Sartre nói đúng khi ông nhìn thấy con người do Hư-vô mà có, và sẽ tiêu-diệt trong Hư-vô. Minh có thấy thế không ?

— Anh đồng-ý là đúng một phần nào. Phật-giáo cũng thuyết-minh là sắc tức thị không, mọi thể-chất trên đời đều là hư-vô cả. Nhà Triết-học Pháp, Pascal đã suy-luận theo quan-điểm ấy : « Je sais seulement qu'en sortant de ce monde, je tombe pour jamais dans le NÉANT. » — Tôi chỉ biết rằng khi thoát ra khỏi đời này, tôi sẽ rơi vào vĩnh-viễn trong Hư-vô. — Nhưng ở đây, phải phân-tách thành hai thái-cực : sinh vào đời, và ra khỏi đời, tức là Sinh và Tử.

J. P. Sartre vì chồng lại Gia-tô-giáo, phủ-nhận Chúa Trời, nên đề-xướng là con người không phải do Chúa sinh ra, mà do từ nơi Hư-vô hiện ra. Tư-tưởng của J. P. Sartre nhất-định là sai. Quan-điểm thần-học (théo'logique) của Gia-tô-giáo, nói tổng-quát hơn nữa, quan-điểm siêu-hình-học (métaphysique), công-nhận có một đấng Chúa Trời, hay là các vị Thần-linh, đều căn-cứ trên các hiện-tượng huyền-bí của Vũ-trụ, và những biến-cố trong lịch-sử. Một điều mà chúng ta nên chú-ý, là chính học-thuyết Duy-sinh Cơ-đốc-giáo (Existentialisme chrétien) của Gabriel Marcel và Kierkegaard, lại phản-đối hẳn thuyết Duy-sinh của J. P. Sartre về điểm này. Cũng chính vì điểm này mà giáo-hội Gia-tô giáo và Đức Giáo-hoàng đã công khai bác bỏ lý-thuyết Duy-sinh của J. P. Sartre, cho đó là một nguy-thuyết. Trên phương-diện này, Phật-giáo cũng không đồng quan-điểm với triết-học Duy-sinh của J. P. Sartre. Phật - Giáo không chủ-trương có một đấng Chúa Trời, Đức Phật

Thích-Ca Mâu-Ni không tự nhận mình là vị Chúa, — Phật chỉ là một bậc Siêu-Nhân Giác Ngộ mà thôi — nhưng Phật không chủ-trương rằng loài ngoài do Hư-vô mà sinh ra. Phật-Giáo không đề-cập đến vấn-đề nguyên-thủy của nhân loại. Các nhà Khoa-học tân-tiên nhất thuyết-minh rằng con người ta do từ nước biển, từ các vật ở biển sinh ra, cách đây mấy triệu năm. Đó vẫn còn là một nghi-vấn, chưa có gì xác-nhận chính-thức. Gia-tô-Giáo tin rằng con người do Chúa sinh ra, từ hai Người đầu-tiên là Adam và Eva. Chúng ta tôn-trọng lòng tín ngưỡng của Gia - tô - Giáo mà không phê-bình. Nhưng, quả quyết như J. P. Sartre rằng con người sinh ra từ trong Hư-Vô để rồi chết vào trong Hư-Vô, chúng ta cảm thấy trái hẳn với lý-luận của lý-trí... Nhưng, nói thế thật là vô-ích, vì J. P. Sartre chủ-trương chồng với lý-trí, chỉ quan-tâm đến đời sống mà thôi, đời sống vô-lý (Absurde) và vô-lý-trí (Irrationnelle).

Sartre tự-nhiên, bị sụp-đổ :
Kết-quả « vô-lý » của một
chiến-tranh « vô-lý ».

Bà Tú cười :

— Ai ngờ làn gió khét mùi
súng đạn và xác chết của Tây-
phương thổi qua Việt-nam
những căn-bã duy-sinh đồ-nát
tơi-bời bên Pháp-quốc, và
một lớp thanh-niên da vàng
sau mười năm tao-loạn, vội-
vàng chụp lấy, hôn lấy như
những tín-điều thiêng-liêng
để xây đắp thành trì lý-
ường !

Ông Tú châm điều thuốc
hút, nằm vông nhìn lơ-đềnh
làn khói xoay tròn lên trần
nhà :

— Duy-sinh của Pháp, hay
duy-sinh của Việt-nam, vẫn là
duy-sinh vô-lý, của thời-dại
đầy rẫy những vô-lý. Kết-luận
theo thực-trạng « duy-sinh »
như thế thì thầy J. P. Sartre
chỉ nói có một câu là đúng :

MỘT VỚI MỘT LÀ MỘT

Diệu - Huyền



* CÂU CHUYỆN ĐÁ BANH

Hai cha con ngồi xem đá banh trong một vận động trường,
người con thấy các cậu-thủ tranh nhau một trái banh, nó quay
lại hỏi :

— Một trái banh bao nhiêu tiền, hả Ba ?

— Độ hai trăm đồng.

— Rẻ vậy tại sao các ông ấy không mua về đá, lại đi giành
với nhau làm gì vậy, Ba ?

MORTS SANS SÉPULTURE

những
người
chết
không
mồ

★ JEAN PAUL SARTRE

● VIÊN - LINH trích dịch

« NHỮNG NGƯỜI CHẾT KHÔNG MỒ » của Sartre là một kịch
bản lấy đề tài quanh các kháng chiến quân Pháp chống lại chính
phủ Vichy thân phát-xít Đức. Câu chuyện thu nhỏ trong một ngôi
trường mà người ta dùng làm nhà giam. Những nhân vật chính là
Lucie và François, hai chị em ; Jean, Henri, Canoris, Sorbier và ba
bốn nhân viên công-an của chính phủ Vichy. François mới 15 tuổi,
Jean là người cầm đầu, Henri là một thanh niên tri thức ; những
nhân vật diễn hình này bị giam chung trong một căn gác hẹp, (nhưng
họ chưa biết Jean là kẻ họ đang truy nã nên chàng không bị công
tay, và Sorbier đã tự tử ngay từ khi bị tra tấn). Trên những cương
vị khác nhau, mấy người này bị vô xé bởi những tư tưởng khác
nhau, về Lý-Tưởng và về Cuộc-Đời. François chỉ biết đau khổ về
thề chết vì cậu còn nhỏ, cậu đòi được sống đời mình, dù dễ nhục.
Bởi vậy, cậu bị những kẻ khác — ngay người thân yêu của cậu là
Lucie và đồng chí cũ của cậu — bóp cổ chết để khỏi tiết lộ bí mật,
khỏi làm hại đến lý tưởng của họ. Cuộc dân vật bởi thế mang tính
cách bi thảm và tàn nhẫn : miễn thắng ouc là được, miễn vượt kẻ
khắc là được, miễn sống lấy đời mình là được. Kết cuộc là một tư
tìm giải pháp cho mình : tự tử ; một do người khác tìm hộ : siết cổ
và những người còn lại bị dịch giết bằng vài băng đạn.

Đoạn mà chúng tôi dịch sau đây trích phần cuối màn ba của kịch bản 4 màn này. Đây là đoạn có thể tiêu biểu và đúc kết nhất của cuốn *MORTS SANS SEPULTURE*, mà chúng tôi dịch và giới thiệu với bạn đọc.

JEAN : Tôi im lặng sáu tháng không nói với nàng rằng tôi yêu nàng ; ban đêm khi tôi ôm nàng vào lòng tôi tắt đèn đi. Bây giờ nàng trần truồng giữa bọn chúng và chúng nó vuốt ve khắp thân thể nàng.

HENRI : Điều đó quan hệ gì đâu ? Quan hệ là thắng cuộc.

JEAN : Thắng cuộc gì ?

HENRI : Thắng cuộc. Có hai phe : phe này muốn làm cho phe kia khai (*Cười*). Thật là điên rồ. Nhưng đó là tất cả những gì còn lại cho chúng ta. Nếu chúng ta khai, chúng ta mất hết. Chúng nó đã thắng điểm vì tôi la hét, nhưng nhìn chung chúng ta không sút điểm lắm.

JEAN : Thắng cuộc. Thua cuộc. Tôi bất cần. Đề đưa thôi đấy chứ ? Nàng cảm thấy xấu hổ thực sự ; nàng đau đớn thực sự.

HENRI : Và sau đó ? Tôi cũng xấu hổ thực sự khi chúng nó làm

tôi la lên. Nhưng chuyện đó không kéo dài mãi. Nếu nàng im lặng thì những bàn tay của chúng nó chẳng ghi được dấu vết gì trên người nàng. Chúng nó là những tên đáng thương, anh biết không ?...

LUCIE : (*Như nói một mình*) Tất cả không có gì quan trọng hết (*với François*). Các anh ấy làm gì vậy ?

FRANÇOIS : Các anh ấy ngồi. Các anh ấy quay lưng lại với nhau.

LUCIE : Được (*im lặng*). Nói với họ rằng chị không khai.

CANORIS : Chúng tôi đã biết rồi, Lucie.

LUCIE : Được. (*im lặng hồi lâu. Tiếng chân ngoài hành lang. François đứng dậy và la hét*).

LUCIE : Em làm sao vậy ? A ! Phải rồi, bây giờ đến phiên em. Hãy tự vệ cho khéo : phải làm cho chúng nó xấu hổ. (*Tiếng chân lại gần thêm, rồi đi xa*).

FRANÇOIS : (*Ngã xuống trên gối chị*). Em không thể chịu đựng được đâu ! Em không thể chịu đựng được đâu !

LUCIE : Hãy nhìn chị. (*Nâng đầu nó lên*) Em sợ lắm sao ? Em không khai chứ ? Hãy trả lời đi.

FRANÇOIS : Em không biết nữa. Em cũng còn một chút can đảm, nhưng đáng lý em không nên gặp lại chị. Chị đến đó, rồi đầu tóc rối bù, áo chị rách bươm và em biết rằng chúng nó đã ôm chị trong tay chúng nó.

LUCIE : (*Giọng giận dữ*) Chúng nó chưa đụng đến chị. Không ai đụng đến chị được. Chị đã hóa đá và chị không cảm thấy những bàn tay của chúng. Chị nhìn thẳng vào mặt chúng và chị nghĩ rằng : không có gì xảy ra cả. (*Giọng say sưa*) Không có gì đã xảy ra cả. Cuối cùng chị làm cho chúng sợ hãi (*im lặng*). François, nhưng nếu em khai thì thực sự chúng nó đã hiếp dâm chị. Chúng nó sẽ nói : « Cuối cùng chúng ta cũng hạ được chúng nó. Chúng nó sẽ cười khi nhắc lại kỷ niệm ấy ». Chúng nó sẽ kể với nhau : « Với

thằng bé con, chúng ta đã được cười một trận đích đáng ». Phải làm cho chúng nó hồ thẹn : nếu chị không hy vọng sẽ gặp lại chúng, chị sẽ treo cổ trên cái xà ngang của căn gác này. Em có giữ miệng được không ?

(*François nhún vai mà không trả lời gì. Im lặng một lát.*)

HENRI : (*Nói nhỏ*) Có đúng không, Jean, nàng chỉ cốt thắng cuộc, chỉ có thế thôi. Ai nói đúng ?

JEAN : Anh cảm thấy đi. Tại sao anh muốn đoạt mất của tôi ? Anh đầy đủ lắm rồi, anh sẽ chết vui vẻ và kiêu hãnh. Tôi chỉ còn mình nàng, và tôi phải sống.

HENRI : Tôi không muốn gì cả, và tôi không đoạt mất của anh đâu.

JEAN : Được rồi, được rồi, cứ tiếp tục đi. Anh có tất cả mọi quyền, kể cả quyền hành hạ tôi nữa ; anh đã trả đủ nợ từ trước. (*Đứng dậy*) Các anh tự tin lắm nhỉ. Có phải chỉ cần thế xác đau đớn là có thể có một tâm hồn yên ổn không ? (*Henri không trả lời*). Các anh không nghĩ rằng tôi còn khổ hơn tất cả các anh sao ?

FRANÇOIS : *(Thình lình đứng dậy và la to)* A ! A ! A !

JEAN : Tôi mới là kẻ khờ sở hơn tất cả, khờ sở hơn tất cả.

FRANÇOIS : *(Nhảy chồm đến bên Jean, xĩa xối)*. Nhìn nó kìa, hãy nhìn nó đi ! Kẻ khờ sở hơn tất cả trong chúng ta. Nó đã ngủ ngon và ăn ngon. Hai tay nó tự do, nó sẽ nhìn lại ánh sáng mặt trời, nó sẽ sống. Nhưng đó là kẻ khờ sở nhất. Mà còn muốn gì nữa, thẳng tời kìa ? Mà muốn người ta thương hại mà nữa sao ? Khốn nạn !

JEAN : *(khoanh hai tay trước ngực; đứng yên)*. Được.

FRANÇOIS : Mỗi khi có tiếng động tôi lại giật mình. Tôi không thể nuốt trôi nước miếng trong miệng mình, tôi như đang hấp hối. Nhưng kẻ khờ sở nhất chính là nó, phải, nhất định là nó rồi : tôi, tôi được chết trong khoái lạc. *(Giận dữ)* Tôi sẽ trả cho anh hạnh phúc đó, lo gì.

LUCIE : *(Đứng lên)* François !

FRANÇOIS : Tao sẽ tổ cáo mày ! Tao sẽ tổ cáo mày ! Tao sẽ làm cho mày chung hưởng những vui sướng của chúng tao.

JEAN : *(Hạ giọng và nói nhanh)*. Cứ làm đi. Em không biết anh muốn được như thế đến chừng nào.

LUCIE : *(Cầm lấy gậy François và xoay mặt nó lại, nhìn thẳng vào mắt nó)* Em hãy nhìn thẳng vào mắt chị. Em có dám khai không ?

FRANÇOIS : Dám ! Đó là một danh từ lớn lao, tao chỉ tổ cáo mày thôi, chỉ có vậy. Như thế thật là đơn giản : bọn chúng vừa đến gần tôi, miệng tôi tự nó mở ra và tôi cũng sẽ đồng ý với miệng mình. Có gì mà dám hay không dám. Khi tôi thấy các ông tái mét và co rúm lại, với những vẻ gàn dở, tôi không còn nề gì các anh nữa. *(im lặng)* Em sẽ cứu sống chị, chị Lucie ạ. Bọn chúng sẽ để cho chúng ta sống.

LUCIE : Chị không muốn sống cuộc đời ấy.

FRANÇOIS : Còn em, thì em muốn. Em muốn tất cả mọi cuộc sống. Đã nhục rồi cũng qua đi khi cuộc đời còn dài.

CANORIS : Chúng nó không tha cho mày đâu, François, dù cho mày có khai.

FRANÇOIS : *(Chỉ Jean)* Ít ra tôi sẽ thấy nó đau đớn.

HENRI : *(Đứng lên và lại gần Lucie)* Cô tin rằng nó sẽ khai ?

LUCIE : *(Nhìn François đắm đắm)* Vâng.

HENRI : Cô tin chắc chứ ?

(Hai người nhìn nhau đắm đắm một lúc lâu, không nói gì).

LUCIE : *(Sau một lúc lâu có vẻ lưỡng lự)*. Vâng.

(Henri đến gần François. Canoris đứng dậy và đến đứng cạnh Henri. Cả hai nhìn François.)

HENRI : Tôi không phải là thẩm phán của chú, François. Chú chỉ là một chú nhỏ và việc này quá khó khăn với sức chú. Vào tuổi chú, tôi cho rằng tôi cũng sẽ khai.

CANORIS : Tất cả đều do lỗi của chúng ta. Đáng lý chúng ta không nên dẫn nó đi theo làm gì : có những việc nguy hiểm mà người ta chỉ có thể khiến người lớn làm mà thôi. Chúng tôi đồng xin lỗi chú vậy.

FRANÇOIS : *(Lùi lại)* Như thế là có nghĩa gì ? Các anh định làm gì tôi bây giờ ?

HENRI : Chú không thể khai được, chúng nó vẫn cứ giết chú, chú cũng biết thế chứ. Và chú sẽ chết trong đê nhục.

FRANÇOIS : *(Sợ hãi)* Nếu vậy tôi sẽ không khai đâu. Tôi nói với các anh là tôi sẽ không khai nữa. Các anh để cho tôi được yên thân.

HENRI : Chúng tôi không thể nào tin cậy được nữa. Chúng nó biết rằng chú là nhược điểm của chúng ta. Chúng sẽ làm mọi cách để chú khai. Việc của chúng tôi là làm cho chú không thể nói được.

JEAN : Các anh tưởng tôi sẽ để các anh làm thế sao ? Đừng sợ gì cả chú bé. Anh có cả hai tay rảnh rang và anh về phe với em.

LUCIE : *(Đứng chặn ngang Jean)*. Anh nhúng tay vào việc này với danh nghĩa gì ?

JEAN : Nó là em của em.

LUCIE : Sau đó ? Nó phải chết mai đây ?

JEAN : Có phải em đẩy không ? Em làm anh khiếp hãi.

LUCIE : Phải làm cho nó không thể nói được. Nhưng tiện không quan hệ gì cả.

FRANÇOIS: Các anh không... *(không ai trả lời)*. Một khi tôi đã thề với các anh là tôi sẽ không khai. *(không ai trả lời)*. Lucie, cứu em với, đừng để chúng nó hại em; em sẽ không nói gì đâu, em thề với chị như thế, em sẽ không khai mà.

JEAN: *(Đến đứng cạnh François)* Các anh không động đến người nó được đâu.

HENRI: Jean, bao giờ thì các bạn ta đến làng này?

JEAN: Thứ ba.

HENRI: Tất cả bao nhiêu người?

JEAN: Sáu mươi.

HENRI: Sáu mươi người đã tin cậy vào anh, và sắp chết như một đàn chuột, thứ ba này. Hoặc là họ, hoặc là nó. Chọn lựa đi.

JEAN: Các anh không có quyền bắt tôi chọn lựa.

HENRI: Anh có phải là kẻ

cầm đầu họ không? Nói đi.

(Jean lưỡng lự một chút rồi chậm rãi bước xa ra. Henri đến gần François).

FRANÇOIS: *(Nhìn chòng chọc vào mặt Henri rồi la to)* Lucie, cứu em với! Em không muốn chết đâu, em không muốn chết đêm nay đâu. Henri, tôi chỉ mới mười lăm tuổi thôi mà, hãy tha cho tôi sống. Đừng giết tôi trong đêm tối. *(Henri siết chặt cổ cậu bé)*. LUCIE! *(Lucie quay mặt đi)*. Tao căm thù tất cả bọn chúng mày.

LUCIE: Em tôi, đứa em khốn khổ của tôi, tất cả tình yêu thương của tôi, tha thứ cho chị. *(Quay mặt đi. Im lặng một lúc)*. Mau lên.

HENRI: Không thể được. Bọn chúng đã làm gần gãy tay tôi *(Im lặng một lúc lâu)*.

LUCIE: Xong chưa?

HENRI: Chết rồi...



★ DANH NGÔN

• Có trí óc minh-mẫn chưa đủ, nguyên tắc chính là biết áp dụng một cách khôn-khéo.

DESCARTES

MÃI CÒN

★ DUY-UYÊN

Mãi còn in trong tim yêu đôi mắt,
Má gầy xanh người trai Bắc ban đầu.
Yêu quá nhiều từng xây mộng ngày sau
Ôi tề tái em ngại sầu đời vớ!

Mãi còn in trong tim yêu hơi thở,
Cuối đêm nào mưa gió chở vào hiên
Đôi tay lồng tóc buồn mộng nghiêng nghiêng,
Hơi thở ấm nồng đôi tim đêm tối.

Mãi còn in những đêm đường ngập lội,
Lang thang đi hai đứa nói chuyện buồn
Mắt chảy dài em cảm thấy cô đơn
Cầm tay lạnh anh hôn run ầu ỹm.

Mãi còn in lời thơ anh yêu tím
Màu đau thương chìm lịm ngất hồn em
In mãi hoài chiều đại lộ anh khen:
«Ô! đẹp quá lòng anh yêu ghen đấy!»

Em cầm lặng bên anh tròn thứ bảy
Rộn buồng tim run rẩy đôi vai gầy,
In mãi còn tình đôi lứa đắm say
Quên ngày tháng tên bay trên mái tóc.

Mãi còn in giữa chiều thu tang tóc,
Anh bỏ đi quên tiếng nấc âm thầm,
Quên em rồi, người em gái xa xăm
Sầu duyên hận mãi in thâm mi mắt!



(Tiếp theo P. T. số 79)

● Con đường sự-nghiệp của Nguyễn Phan-Long

NẾU có bạn thanh-niên đọc thiên hồi ký này, đã nghe qua chuyện ông Nguyễn Phan Long, hẳn phải có cảm-tưởng rằng ông đã đậu bằng cấp cao lắm, ít gì cũng cử-nhân, tiến-sĩ ở Pháp về.

Xin thưa rằng ông chỉ có đúng một cái, Diplôme (Thành Chung, tương-đương với bằng Trung-học Phổ-thông ngày nay). Ông đậu bằng Thành-Chung năm 1906 sau khi học ở trường Collège Jules Ferry Nam-Định.

Các bạn đồng song cũ của ông thuật chuyện rằng hồi 14 hay 15 tuổi, khi đi học, cậu học trò Nguyễn Phan-Long say mê đọc... cuốn Từ-Điển Larousse như các bạn học sinh bây giờ « ghiền » tiểu-thuyết « Bàn tay máu ».

Cậu đọc suốt ngày ; ngoài các giờ học bài, làm bài, cậu không còn gì giải-trí nữa ngoài cuốn Larousse ra, để hồ đúng cái hình một nhơn vật thế-giới, còn bịt hết chung quanh, để cậu đây là người nào, cậu liền nhắc lại tiểu sử nhơn-vật ấy cùng ngày sinh tháng đẻ không sai một chi-tiết nào.

Một người học sinh trau dồi tiếng Pháp như thế, thi sau này có một cái vốn Pháp-văn rất dồi dào, phong phú là sự dĩ-nhiên. Với cái bằng Diplôme, ông Nguyễn Phan-Long đi làm thư ký nhà đoan và 2 năm sau thi vào ngạch Tham tá thương chánh (Commis). Bài của ông làm rất hay và được lời khen của ban giám khảo.

Ông thấy cái sở trường của mình chỉ dùng vào « nghề cao giấy » thật ướng, nên năm 1909 ông tập tành viết báo. Báo « Echo Annamite » trong Sài Gòn thỉnh thoảng đăng những bài ký-

KÝ GIẢ THỬA TRƯỚC

biệt hiệu « Văn Thế Hội » đó là những bài báo đầu tiên của Nguyễn Phan-Long. Viết bài cho báo này đến năm 1909, ông được tòa báo mời vào Nam làm chủ bút, ông bèn xin thôi việc nhà đoan và đầu hôm sớm mai nhảy lên địa vị người nắm bút quyền một tờ báo tiếng Pháp. Khi ấy báo chỉ còn phôi thai về phương diện ấn loát, người cầm vận mạng tinh thần của tờ báo phó thác phần kỹ thuật cho người « xếp tí pò » (ấn công trưởng) — mà chỉ lo sao cho bài viết hay, bênh vực lợi quyền dân chúng một cách hăng hái và khôn khéo là báo ban chạy.

Làm báo ít tháng, ông Nguyễn Phan Long ra ứng cử vào Hội đồng Quản hạt. Ngày 15 tháng 10 năm 1922 và đặc cử với một kết quả không ai tưởng tượng được : trong 4.020 cử-tri ông được số thăm 3438 lá (Cần nói rằng hồi đó số cử-tri bị hạn chế, chứ không phải đã có chế-độ phổ thông đầu phiếu). Ông Long giữ vững địa-vị tại Hội-đồng Quản-hạt trong 13 năm liền tiếp.

Tuy làm chánh trị mà ông không bỏ nghề làm báo. Ông vẫn nắm bút quyền ở tờ « Echo Annamite » cho tới năm 1929 rồi qua làm chủ bút tờ « Tribune Indochinoise » từ 1930 đến 1935. Hai tờ báo này trước sau đều là cơ quan của đảng Lập-Hiến do ông Bùi Quang Chiêu làm thủ-

lãnh (Đảng Lập-Hiến là chánh-đảng duy nhất mà nhà cầm quyền Pháp cho thành lập ở Nam-kỳ hồi bấy giờ).

Trong khi làm báo, ông Nguyễn Phan Long năm 1923 có mở một tư-thục đặt tên là « Institution Nguyễn Phan Long » đến năm 1929 sang cho người khác, đổi tên là « Chấn-Hưng Học đường ».

Ông còn viết hai cuốn sách bằng tiếng Pháp : « Le roman de Mademoiselle Lys » truyện dài xuất bản năm 1918 và « Cannibales par persuasion » tập truyện ngắn xuất bản năm 1932. Cuốn thứ nhất là tiểu-thuyết « đầu tay » của ông, được các nhà phê bình khen ngợi, bán chạy ở Việt Nam và ở Pháp. Sau có người đề nghị với ông tái bản, nhưng ông như định từ chối, với lý-do rằng những áng văn đầu tiên của mình, viết hồi còn thanh xuân hăng hái, thường không thể tránh được những khuyết điểm, nên để cho nó đi vào dĩ vãng là hơn.

Đời chánh-trị

Một ký-giả đã bước chân vào trường chính-trị nhờ ngòi bút của mình, vậy cũng nên nhắc đến con đường của ông trong chánh-giới nữa.

Tôi không theo dõi đời chính-trị của ông Nguyễn Phan Long nên không đủ thẩm quyền pháp đoán. Song một giáo-sư đã cộng sự lâu năm với ông là giáo-sư

Đào-Hùng có kể vài chuyện cũng hay về ông :

Năm 193 một nhóm tư-bồn Pháp qua Đông-Dương điều đình một loạt độc quyền mà họ xin Phủ Toàn quyền cho họ khai thác : thiết lập đường xe lửa Saigon — Nam-vang — Battambang ; đặt đường xe lửa Mỹ-tho — Bắc-liêu — Cần-thơ ; nhượng cho họ các đường xe lửa miền Nam Đông-Dương ; cho họ độc quyền khai thác sở Bason (Thủy quân công xưởng) ; độc quyền khai thác Thương-khẩu Saigon và việc chuyên-chở lúa gạo từ Chợ-lớn ra Saigon.

Nếu các vụ độc quyền này được chấp thuận nhứt là vụ Thương-khẩu, thì bao nhiêu công cuộc làm ăn của các nhà vận-tải và các công nhân bến tàu sẽ bị lệ-thuộc tư-bồn Pháp hết. Các hãng lớn của Pháp sẽ tự-do thao-lúng và bóp chết các người làm ăn nhỏ.

Ông Nguyễn Phan Long cùng ông Monin (tổng sư, viết báo, nhưn viên Hội-Đồng Quản hạt) bên kịch-liệt công kích cuộc vận-dộng này tại nghị-trường Hội-Đồng Quản-hạt và Đại Hội đồng kinh-tế Đông-dương. Báo của ông đăng một loạt bài : « L'Indochine menacée d'une nouvelle invasion de sauterelles » — (Đông Dương bị hăm dọa bởi một trận giặc cào cào mới). Trong loạt bài ấy tác giả

tố cáo tất cả các âm mưu của nhóm tư-bồn, lý-tài Pháp.

Rút cuộc, những toán tính của nhóm này thất bại, họ phải rút dự án về nước.

Việc thứ hai của ông Nguyễn Phan Long là vụ chống mở sông bạc. Nguyên là năm 1922 có mấy ông dân biểu ở Hội-đồng Quản hạt đưa ra ý-kiến nên cho phép mở sông bạc công khai, để lấy thuế cho công-quỹ vì nếu cấm cở bạc thì vẫn có những sông bạc mở lén lút trong bóng tối, bọn người có máu mê vẫn bị « cháy túi » như thường. Đề nghị của mấy ông nghị nói trên đây bị ông Nguyễn Phan Long công kích nên không thành.

Đến năm 1926 cuộc mưu tính mở sông bạc lại tái phát, lần này do một nhóm tư-bồn ở bên Pháp sang Saigon vận động do một bá tước đại diện. Bá tước này là em vua cở bạc ở Monte Carlo mà ai cũng nghe danh.

Họ vận-dộng ngầm trước đã và cố nhiên phải đi tìm ông Nguyễn Phan Long lúc ông đang nghỉ mát ở Đà-lạt. Họ nói gì ông cũng từ chối. Họ đưa ra một cuốn chỉ phiếu của ngân hàng và chỉ xin ông nổi ra một con số là họ ký liền một chỉ phiếu đề tặng ông đúng « số thù lao » mà ông muốn. Nhưng họ phải thất vọng ra về và cái mộng mở sông bạc Monte Carlo ở Saigon của họ đã tiêu như mây khói.

● NGUYỄN VĂN VĨNH

Tôi được nghe danh ông Nguyễn-văn-Vĩnh hồi năm tôi mới bước chân vào làng báo, khi còn là một ký giả trẻ trung với cái tuổi 25 đang hăng hái và nặng lòng tự tin ở nơi mình. Hồi ấy tôi còn cộng sự trong tòa soạn báo « Đông Tây » của Hoàng-Tích-Chu ở Hà-nội ; hồi ấy cũng là hồi có Phong-trào chế diễu do báo « Phong-Hóa » đem những nhân vật có tên tuổi trong xã hội ra làm đề tài mà châm biếm.

Nguyễn-văn-Vĩnh in vào óc tôi một hình ảnh ông thầy bói dưới nét vẽ của họa sĩ Ngym của tờ tuần báo trào-phúng nói trên. Sở dĩ ông bị vẽ thành một thầy bói là vì trong « Niên lịch thông thư » của ông xuất bản hàng năm có in cả âm-lịch ghi những ngày tốt, ngày xấu, như lịch Tam-Tông-Miếu ngót 20 năm nay ở Saigon.

Tôi không hiểu sao một người có tiếng là viết Pháp văn hay, nói tiếng Pháp giỏi, mà lại « hủ lậu » được đến thế. Nghe nói trước khi chỉ huy tờ nhật báo « Trung-Bắc Tân-Văn » của ông, ông đã từng làm Chủ bút « Đông

Dương Tạp-Chi » từ số đầu xuất bản hồi năm 1913. Mà tạp chí này đối với thế hệ chúng tôi hồi 1930-1933 cũng như tạp-chi « Nam-Phong » được chúng tôi coi như khuôn vản, hai kho tàng để viết quốc-văn, hai kho tàng văn-hóa đáng quý hồi bấy giờ.

Tôi tìm cho được « Đông-dương Tạp-chi » mà đọc và hiểu Nguyễn-văn-Vĩnh. Xin thú thật ngay lúc đầu tôi đã thất vọng về người anh cả ấy.

« Đông-dương Tạp-chi » số 1 ra ngày 15-5-1913 đã nêu lên trên « măng-sét » một câu bằng tiếng Pháp nói rõ là một « ấn-bản đặc-biệt ở Trung-Bắc của tờ Lục Tỉnh Tân Văn » trong Saigon. Tên chủ-nhơn là một người Pháp : ông F. Schneider.

Sau hồi ra mới biết rằng, ông Schneider chủ-nhơn tờ « Lục Tỉnh Tân Văn » ở Saigon được Toàn-quyền Đông Dương mời ra Hà-nội, để xuất bản một tờ báo quốc-ngữ hầu trấn-tĩnh nhưn tâm sau vụ liệng bom vào « Hotel Hanoi » ngày 26-4-1913. Xuất bản tờ « Đông-Dương Tạp-chi » ông đã mời ông Nguyễn-văn-Vĩnh làm chủ bút, song trên « măng sét » không đề tên ông này.

Trong số 1, ông Vĩnh viết bài

dưới bút-hiệu Tân-Nam-Tử. Từ số 2 trở đi ông ký tắt N.V.V. Tôi đã đọc hồi năm 1932 ba bài liên tiếp của ông chủ-hút « Đông-dương Tạp-chi » về vụ ném bom ở « Hotel Hanoi » mà thấy nóng mặt, vì hồi ấy máu nóng của tuổi thanh niên chúng tôi không chịu được những luận - điệu chống quốc gia của tác-giả.

Trước khi trích lại vài đoạn văn của ông N.V. Vĩnh, xin hãy nhắc qua vụ ném bom đã :

« Hồi 7 giờ rưỡi tối 23-4-1913 tức ngày 19 tháng 3 âm-lịch, có một người Việt-Nam đi « xe cao-su » qua cửa khách-sạn « Hà-nội » là một khách sạn có nhiều người Pháp giải lao; trên xe bỗng liệng xuống một quả lựu-đạn trúng vào nhà hàng, làm chết 2 trung-tá Pháp Montgrand và Chapuis cùng 11 người Pháp nữa bị thương. Về phía người Việt đang làm việc trong khách sạn, cũng có 6 người bị thương nhẹ.

Sau này, Toàn-quyền Pháp lập Hội-đồng Đê hình để điều-tra, bắt bớ và đem những người bị bắt ra xử.

Đối với một vụ chống Thực-dân như thế, ông Nguyễn-văn-Vĩnh trong « Đông-Dương Tạp-chi » số 1 đã viết một bài tựa là « Phương-Châm » ký bút hiệu

Tân Nam-Tử. Khai mào, tác-giả viết những câu sau này:

« Mới rồi xứ Bắc-kỳ có xảy ra một sự nguy hiểm, ta lấy làm lo cho việc khai-hóa của dân An-nam, có lẽ vì những việc đó mà trì hoãn lại.

« Than ôi, công việc cải lương gần bó hàng năm mới thành được chút đỉnh, mà một phút bị quân cuồng đại phá tan.

Rồi tác-giả viết một đoạn bài nữa về « Đại-Pháp » rồi kết-luận :

« May mà ta được thầy Đại-Pháp thì cố mà giữ riết lấy thầy Đại-Pháp, chớ nghe chỉ mấy bọn hủ nho nói nhảm.

« Mấy đứa bàn nhảm, súi càn, bắt được, ta nên bỏ rọ lẫn sông.

(Tân-Nam-Tử,

Đ.D.T.C. số 1 ngày 15-5-13)

Bấy nhiêu chưa đủ, trong số 2, ông Chủ-bút Đ.D.T.C. còn cho thêm một bài tựa là « gốc loạn » trong mục « Phương-Châm » đề minh oan rằng phái Tây học không hề chống Pháp, và luôn tiện mạt sát cụ Phan-bội-Châu mà tác giả cho là « bọn nguy nho » :

« Nay lại nói đến những bọn đi ra nước ngoài mà gây loạn, mà mơ tưởng cách khôi phục lại nước Annam, thoát khỏi Lang-sa bảo hộ để tha hồ mà sáu-sẻ với nhau ».

(Còn nữa)

MỘT GIẤC MƠ HOA



★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P. T. số 79)

★ Ngày 24.— Thư của Hải.

Duyên-Hồng thân yêu,

SAO Em còn có thể nghi-ngờ lòng anh trong lúc anh đã đặt tất cả tin-tưởng vào em ? Em là hình ảnh duy-nhất trong linh hồn anh, tình yêu duy-nhất trong tim anh, ở hiện tại, và tương-lai, Em là tất-cả cái gì quý nhất trong đời anh, không có gì thay-thế được.

Vâng, mỗi ngày anh mỗi thấy yêu Hồng nhiều hơn, vì càng ngày anh càng hiểu Hồng, càng thấy tính-tình, cử-chỉ, tư-cách của Hồng không giống như đa số các cô gái khác. Em là người bạn gái dịu-hiền diễm-tuyệt, Em là người đàn bà hoàn-toàn. Anh cầu mong sẽ

được Em là người vợ lý-tưởng mà anh hằng mơ-ước. Anh xin lỗi Em vì hôm nọ anh có một phút hơi nóng-nổi, khiến Em giận. Nhưng sau đó, khi Em về rồi, anh tự ăn-ủi : vì có yêu nhau mới có buồn, có buồn nhau mới có giận ; có giận nhau mới có yêu. Em giận anh vì chính là Em yên anh, phải không, Em ?

Duyên-Hồng yêu quý, anh tưởng cũng nên nói thực đề Em hiểu chút ít tâm-lý của bọn con trai như anh, đối với người mình yêu. Tâm-lý rất thông thường ấy là lúc nào cũng muốn được cùng người yêu dắt tay nhau đi chơi một chỗ vắng vẻ, để trao đổi chuyện tâm-tình. Hơn nữa, muốn được hãnh diện đi với người đẹp trước mặt mọi người, ngoài phố, trong rạp hát, các nơi công cộng...

Nhưng, từ hôm nghe em nói em không thích thế, và đọc thư em hôm qua, anh nhận thấy em nói rất đúng. Em không muốn một cô gái 16 tuổi đi ra đường với một chàng trai. Anh khâm phục em biết gìn giữ tư-cách đứng-dắn và không để cho những ham muốn dễ dãi, tầm thường, quyến rũ được một tâm-hồn thanh-cao trong trắng. Thật thế, những cô gái từ 15, 16 tuổi đến 19, 20 tuổi nắm tay nhau đi chơi với bạn trai nhớn-nhờ ngoài đường phố Saigon, người ta trông thấy nhiều quá, nhiều quá, đã nhàm mắt quá rồi. Anh biết Em không muốn anh với em cũng chen chúc lẫn lộn trong những cặp trai gái quá tầm thường kia. Anh biết em không muốn người ta nhìn hai đứa mình với cặp mắt khinh-rẻ như người ta vẫn nhìn những « snobs » của « đợt sống mới » (1) trơ trẽn, xác-xược, lỗ-lăng.

Anh biết em sợ anh a-tùng dám thanh thiếu niên lãng mạn bước chân vào các phòng trà, các « bar », các vũ-trường công-

(1) *Lời Tòa-soạn* ; SNOB (tiếng Anh), kẻ hùa theo một phong-trào gì mới, một « mốt » mới, ham mê tranh đua theo thói rởm. (Thường dùng với ý nghĩa chê bai).

SNOBISME : một mốt gì mới lạ mà một số người đua nhau bắt chước, một cách lỗ-lăng.

khai hay bí mật, rải rác khắp Saigon, và mở cửa đón toàn hạng nam nữ sinh và các giới thanh niên lâu lóng.

Nhưng Duyên-Hồng của anh cứ yên tâm. Anh sẽ không bao giờ đưa Em đến các nơi truy-lạc ấy, và chính anh cũng không ưa đề chân đến đấy. Họ chẳng chỉ một đôi lần, điều đó anh thú thật với Em, — chỉ là đề mục-kích cho « biết » cái không-khí các chỗ đó như thế nào thôi !

Anh hoàn-toàn đồng ý với Em về sự giao-thiệp của chúng mình phải được hai bên Ba Má công-nhiên cho phép. Và chúng mình cũng sẽ không lạm-dụng sự dễ-dãi ấy để làm điều gì trái với giáo-dục.

Tại bạn trai của anh phần đông « lãng-mạn » lắm, Em ạ. Chúng nó đùa nào cũng có hai ba cô « tình nhân » là ít, và chúng nó dắt đi chơi tự-do, nay cô này mai cô khác. Nhưng lúc ngồi nói chuyện giữa bạn trai với nhau, chúng nó thích so-sách cô này với cô kia, chúng nó khoe-khoang các « bồ-bịch » bằng những giọng nói giọng cười hời-hợt, ranh mãnh, ba-hoa. Thấy thế, anh cho rằng chúng nó chỉ « đùa cợt với ái-tình » cho thỏa mãn lòng ham muốn nhất thời mà thôi. Anh thấy ít có những tình yêu chân chính.

Hai đứa mình khác hẳn họ. Anh sung-sướng và hãnh diện được yêu Em và được Em yêu bằng tất cả quyến-luyến chân-thành tha-thiết. Anh muốn Em tin lời thề nguyện của anh : anh sẽ trung thành tuyệt đối với Duyên-Hồng. Duyên-Hồng yêu-quý duy nhất của anh.

4 giờ chiều chủ-nhật, anh sẽ đến thăm Em, và hy-vọng sẽ được ngồi nói chuyện lâu với Em.

Anh yêu Em mỗi ngày mỗi nhiều hơn, mỗi ngày nhiều nhiều hơn, ngày ngày nhiều nhiều hơn.

Hải của Em.

★ 27 — 9 giờ đêm.

Chiều nay, Hải đến. Thấy đánh tờ-tôm trên lầu với các cụ. Me

đang nằm đi-văng xem quyền sách : « *Cuộc đời tình ái của thi-sĩ Alfred de Musset* ». Chị Mai ngồi ủ đồ ở nhà giữa, chị Vân đi vắng.

Biết trước Hải sẽ đến lúc 4 giờ chiều, nhưng Hồng chờ Hải từ 4 giờ sáng. Đêm thứ Bảy ngủ sớm, nên sáng nay 4 giờ Hồng đã tỉnh giấc, nghe tiếng xe ngựa chạy lộp-cộp ngoài đường phố, Hồng chợt nhớ Hải, bảo thầm : « Hải đi xe ngựa đến thăm Hồng đấy ! » Nhưng Hồng tủm-tủm cười, tự bảo : « Bộ Hồng điên sao chứ ! Hải đâu có đi xe ngựa... và Hải đến làm chi giờ này !... Thì ra, mình nhớ Hải quá, giờ nào cũng tưởng có Hải đến, xe gì cũng tưởng là xe của Hải... tiếng gì cũng tưởng là tiếng của Hải !... Không biết Hải có nhớ Hồng say-mê như Hồng nhớ Hải không nhỉ ?... Chiều nay Hải đến, Hồng sẽ hỏi Hải có nhớ mình như thế không ? ».

Thế rồi Hồng chờ mãi cho đến 4 giờ chiều. Không có giờ phút nào lâu bằng giờ phút chờ đợi người yêu. Nếu bây giờ mấy con bạn của Hồng hỏi Hồng : « Yêu là thế nào nhỉ ? », thì Hồng sẽ lấy bộ mặt « thạo đời » mà dạy chúng nó rằng : « Yêu, là buông khuàng mong nhớ... Yêu, là hồi hộp đợi chờ... Yêu, là ngủ dậy 4 giờ sáng để ngóng ngóng cuộc gặp gỡ 4 giờ chiều... Yêu, là nghe hơi gió thoảng ngoài hiên tưởng tiếng chàng đi nhẹ nhẹ trong tim ta... Yêu, là... Ồ, Yêu là... Yêu là gì nữa nhỉ ? Là gieo rắc tất cả hoa, lá, trăng, sao, trong một giấc mơ : mình với ta. Là hòa nhịp tất cả trời, mây, non, nước, trong một tiếng nhạc : ta với mình. Yêu là thế đấy, ai biết yêu chưa ? »

Hồng đã yêu ! Hồng đã được yêu ! Hồng đang buông khuàng mong nhớ... Hồng đang hồi hộp đợi chờ... « Người ấy... » kìa ! Chàng đã đến !... Hồng liếc đồng hồ đeo tay : 4 giờ đúng... Hồng sung sướng, nhưng giả vờ ngồi ghế xa-lông chăm chỉ học bài. Chàng đi nhẹ nhẹ vào sân, bước khẽ lên bậc tam cấp, một bước, hai bước, ba bước... rồi rụt rè gõ cửa. Hồng vẫn giả vờ cầm đầu xuống quyền sách Lý-Hóa. Chàng lại gõ cửa... hai tiếng. Me đang xem sách bỗng ngẩng mắt lên nhìn ra, trông thấy chàng. Me niềm nở chào :

— Kìa, cậu Hải !

Tiếng chàng lễ phép rất dễ thương :

— Lạy Bác ạ.

Tiếng Me bảo :

— Cậu vào...

Hồng vẫn còn làm bộ như không nghe, không để ý đến gì, đang lo học bài !... Me gọi :

— Kìa Hồng, có cậu Hải đến thăm kìa.

Hồng cứ giả-vờ, quay lại ngó bà Cụ :

— Thưa Me bảo gì ạ ?

— Có cậu Hải đến kìa.

Bấy giờ Hồng mới ngừng mặt lên ngó Hải đang đứng e-thẹn bên cửa : Hồng còn bối rối bên-lên hơn Hải nữa. Giọng nói của Hồng mất hẳn tự nhiên :

— Chào anh ạ. Mời anh vào.

Hồng đứng dậy, tay còn cầm quyền sách, muốn chạy lại nắm tay Hải, nhưng trước mặt Me, Hồng không dám bồng bột. Me đã ngồi dậy trên chiếc đi-văng, chỉ một chiếc ghế xa-lông, bảo :

— Mời cậu ngồi... Hôm nay Chủ-nhật cậu được nghỉ ?

— Dạ, thưa Bác, được ngày nghỉ, con đến hầu thăm hai Bác. Thưa hai Bác được khỏe mạnh ạ ?

— Cảm ơn cậu. Chúng tôi vẫn được bình yên... Mời cậu ngồi.

Bà Cụ hỏi chuyện qua-loa dăm mười câu, trong lúc Hồng đi pha trà, rót một chén bưng lại đặt trước mặt Hải :

— Anh Hải xơi nước.

Me tìm cách đi vào nhà trong, để Hồng tự-do ngồi tiếp Hải trên ghế xa-lông...

Hải âu-yếm nhìn Hồng, Hồng âu-yếm nhìn Hải, bốn mắt im lặng trao cho nhau nỗi vui-mừng gặp gỡ. Xong, Hải mỉm cười, khẽ bảo :

— Hồng đóng kịch khéo quá !

Hồng không nhin cười, nở lên một chuỗi cười, hồn-nhiên như trẻ con. Hồng nói rất khẽ :

— Em phải giả vờ không trông thấy anh, là để kèm bót sự vui mừng bối rối đấy. Em ngồi học ở xa-lông, sự thật là ngồi chờ anh, chứ có học hành gì đâu !

Hải cười :

— Em đã thuộc bài chưa ?

— Em thuộc lòng verbe « *aimer* » (1) rồi. Em chia verbe *aimer* không vấp một chữ, này nhé : *je t'aime, tu m'aimes, nous nous aimons...* (2) Em giỏi không, anh ? Nếu anh là giáo-sư, anh cho em mấy điểm ?

— 20 trên 20.

(Còn nữa)

(1) Động-từ « yêu ».

(2) Em yêu anh, anh yêu em, chúng mình yêu nhau.

TIN MỪNG

Chúng tôi nhận được hồng-thiệp của Ông Bà Khru-Tùng, Chủ-sự Phòng Vật-liệu Bộ Tư-Pháp, 39/18 Võ-Tánh Saigon, báo tin lễ thành hôn của cậu KHUU-NGOC-THIỆT kết duyên cùng cô PHẠM-THỊ MAI-HOA, bào muội của ông bà Nguyễn-văn-Anh, Thương-gia, 179-bis Hai Bà Trưng Saigon. Hôn lễ cử hành ngày 28-4-1 62.

Chúng tôi vui mừng cùng Ông bà Khru-Tùng và thân-mến chúc đôi tân-hôn được muôn vàn hạnh-phúc.

NGUYỄN - VỸ



★ ĐIỀN-SƠN

• MỘT CUỐN SÁCH VIẾT BẰNG MÁU

Ở nước nào, thế kỷ nào hay dưới triều-đại nào, cũng có những tác-phẩm nổi danh, đặc-biệt như là Nhật hoàng SUTOKU (1124-1164) đã viết một cuốn sách bằng chính máu của Ngài. Trong khi bị lưu-đày ba năm tại SANUKI, ngài đã dùng trọn chuỗi thời gian dài đằng-dặng ấy để sửa chữa và viết lại cuốn LANKAVARA SUTRA (là một cuốn kinh Phật nổi danh, có giá-trị đến bây giờ). Sống trong cảnh tù đầy kham-khở, cơm áo chẳng được no-ấm thì thử hỏi kiếm đâu ra mực để viết ? Nhưng ngài đã cương quyết không từ bỏ ý-định, ngài đã viết bằng máu lấy ở ngón tay ngài.

Cuốn sách nổi danh độc nhất này gồm có 135 tờ, 1.215 giòng và tất cả 10.500 chữ. Ngài viết với một lòng thành kính vô-biên.

Đến năm 1144 khi cuốn sách vừa hoàn-tất, lại đúng vào lúc dân chúng tìm đến suy tôn và rước Ngài về lại triều đình.



Nhật - Hoàng SUTOKU phục hồi ngôi thiên tử và trị vì được 20 năm nữa.

Cuốn kinh Nhật viết bằng máu hiện nay còn được lưu trữ tại Viện-bảo-tàng Nhật.



• MỘT NGHỆ-SĨ HI HỮU

Hầu các bạn còn nhớ, cách đây không lâu lắm, tại Pháp có một thi-sĩ nổi danh, nhờ ông ta đã tự đâm dùi cặp mắt mình, vì ông ta quan-niệm rằng những cảnh vật, màu sắc cụ-thể không đẹp bằng ở sự tưởng-tượng. Sau khi khoét mắt, thi-sĩ đã làm được những bài thơ bất-hủ ca-tụng sự đẹp đẽ của thiên-nhiên.

Ngày nay tại Trung-hoa, có một họa-sĩ tên là HUANG-ERH-NAN đã dùng lưỡi mình để tô màu các bức tranh. Ông ta cụt tay chẳng? Không, họa-sĩ kia vẫn có đôi bàn tay như chúng ta. Thoạt tiên, họa-sĩ vẽ những bức tranh bằng than, xong ông lại ngậm một miếng mực tàu, rồi dùng lưỡi mình thay thế cây cọ để tô màu.

Những bức tranh lụa vô giá ấy được người ta mua với giá rất đắt, vì những nét chấm phá

linh-dộng khiến bức tranh có một giá trị vô ngần.

Ngày nay, tại viện khảo cổ Trung-Hoa còn một vài bức tranh của họa-sĩ ERH-NAN. Và các bậc quý phái Trung-Hoa rất hãnh-diện khoe-khoan với nhau về những bức họa ấy.

Nếu các bạn có dịp sang Trung-Hoa tự-do, sự thật sẽ làm các bạn ngạc-nhiên và tin thêm.

• DÙNG NIÊN LỊCH CHINH-PHỤC MỘT ĐẾ-QUỐC

Trong lịch-sử xứ CONGO còn chép lại một chuyện hết sức ngạc nhiên là đại-úy ALBERT PAULIS, thuộc quân đội BEL-GIAN CONGO đã chinh-phục một đế-quốc bằng một niên lịch. Ông đã tự cứu lấy đời ông và

hai-mươi tên lính cận-vệ nữa. Câu chuyện hi hữu hoàn toàn có thật như sau :

Ngày 18 tháng 2 năm 1905, Đại-úy PAULIS và hai mươi tên lính cận-vệ bị SULTAM YEM-BIO bắt giữ. SULTAM, vua một bộ-lạc dã-man đã từng nổi tiếng là giống dân ăn thịt người kinh khủng, nhiều dân da trắng đã bỏ mạng, làm món ăn thú vị cho giống dân này.

Sự sống còn của PAULIS và bộ hạ lúc bấy giờ chẳng khác gì sợi chỉ treo chuông, ngọn đèn trước gió. Biết có ngày SULTAM sẽ hạ lệnh làm thịt mình, trong lúc buồn rầu sợ hãi thì một ý nghĩ thoáng qua trong đầu óc đại-úy.

Đại-úy nhớ lại hồi còn nhỏ đã có đọc một cuốn sách nói về cơ hội đã cứu thoát KHA-LUÂN-BỔ và đoàn thủy thủ trong chuyến thứ tư đi chinh-phục tân thế-giới vào năm 1503.

Đại-úy lấy cuốn niên lịch đọc kỹ thì thấy có ngày này đánh dấu có nguyệt thực bắt đầu từ tám giờ tối. Ông ta quyết nhân cơ-hội hành động ngay.

Sau khi tìm đến lâu của BASONGONDA, con trai của SULTAM, đại-úy bắt đầu mở cuộc thương thuyết :

— « Anh hãy nói lại với cha anh rằng : — Nếu ông ta dám làm hại tôi hay những lính cận vệ tôi, tôi buộc lòng phải dùng đến quyền lực để tàn sát cả bộ lạc này bằng một cái vẩy tay của tôi ».

Đoạn đại-úy PAULIS đưa tay chỉ một điểm trên trời rồi nói tiếp : « Tối nay khi mặt trăng lên đầu đó, tôi sẽ vẩy tay một cái để tiêu diệt ánh sáng. Sự chết lạng của mặt trăng sẽ báo trước cái chết đau thương của cha anh, SULTAM và toàn bộ-lạc.

Và tôi có đủ quyền lực để chặn đứng sự chết của mặt trăng dù là phút cuối cùng ».

Ngay lúc đó, cả hai cha con đều kinh-sợ rú lên khi một vầng đen kéo đến che dần chiếc thân ngọc của « Chị Hằng ».

Họ đều nằm phục xuống và cúi đầu sát-cát một cách sợ hãi, song vẫn liếc mắt nhìn bóng đen kia mỗi phút mỗi che dần chiếc « đĩa bạc ».

Và ngay phút chót, họ than thở và hết lời cầu khẩn người tù nhân nọ hãy chấm dứt tai biến này cho họ và cho cả mặt trăng đẹp đẽ kia.

PAULIS dịu giọng nói :

— Tôi còn quyền lực để đòi sanh cho mặt trăng, nhưng tôi sẽ làm với một điều kiện để thay thế cho nghi lễ « đòi máu » này là ông và dân-tộc bộ-lạc này phải thừa nhận sự cai-trị của vua BELGIAN.

Cha con SULTAM rầm rập tuân lời, đồng nói :

— Chúng tôi xin nhận điều kiện ấy. Quả thật, ông là một đại phù-thủy nhân đức đã tha tội chết cho chúng tôi.

SULTAM nói thêm :

— SULTAM này muốn được làm anh của ông và làm con của vua ông nữa. Đoạn ông phủ-phục một lần nữa và hốt cát bỏ lên đầu để tỏ dấu quy-phục.

Lát sau, họ thấy PAULIS đưa tay lên một lần nữa, đại-úy già vờ làm râm vài câu rồi vẫy tay đuổi bóng đen kia đi khỏi Mặt Trăng.

Kể từ đó, đế-quốc của SULTAM trở thành một tiểu-bang

của BELGIAN-CONGO cho đến ngày nay.

Tiểu-bang này có 770.000 dân số và với diện-tích 82.000 dặm Anh.

• MỘT ÔNG VUA BỊ MAY ĐÔI MÍ MẮT

TKHUSRAU (1587-1622) là con đầu lòng của hoàng đế H. JEHANGIR (1606) nước Ấn-Độ.

Hoàng-tử bị may đôi mí mắt bằng kim chỉ như ta vá áo vậy, vì vua cha đã kết tội hoàng-tử chủ tâm gây phản loạn, hầu lật đổ chế-độ cai-trị của phụ-hoàng, mong sớm được lên ngôi thiên-tử.



Lúc đầu, vua cha hạ lệnh cho quân sĩ dùng kim nung đỏ châm vào đôi tròng mắt của hoàng-tử, sau đó, dường như chưa hả giận, ngài lại truyền dùng kim chỉ may kín đôi mí mắt của hoàng-tử nữa, đoạn giam vào cung cấm, có lính canh phòng cẩn mật, để bộ hạ không thể giải cứu cho hoàng-tử được.

Sống trong cảnh đau khổ ấy, hoàng-tử cảm tức vô cùng, ngài cố thu hết nghị lực mở bừng đôi mắt ra, khiến hai mí mắt bị rách toát thêm một lần nữa, máu hồng lại nhỏ giọt. Tuy đôi mắt được mở rộng nhưng hoàng-tử chẳng trông thấy gì dù vật dè kê cạnh mắt.

Nhưng... « Phụ tử tình thâm », sau một thời gian, cơn giận dữ lắng xuống, vua cha lại ân hận về hành động của mình đã đối xử tệ với đứa con đầu lòng, nên ngài cho mời tất cả các danh y

trong nước về cung cứu chữa, mong đem lại cho hoàng-tử sự sáng tỏ.

Các danh-y tỉ-mỉ tháo nốt những đoạn chỉ còn lại trên mí mắt hoàng-tử, và họ rất an lòng, tin-tưởng có thể cứu vãn tình-trạng đen tối, khổ sở của hoàng-tử nhờ đôi mắt không đến nỗi tuyệt-vọng vì trước đây quân sĩ thương hoàng-tử nên chỉ dè nhẹ cây kim nung đỏ vào tròng mắt thôi.

Thế rồi ngày quên ăn, đêm quên ngủ, các danh y lo chạy chữa thuốc thang nên chỉ sau một thời gian ngắn, hoàng-tử lại được nhìn mọi cảnh vật bằng đôi mắt sáng tỏ như xưa!

Sau khi vua cha băng-hà, hoàng-tử lên ngôi báu trị vì muôn họ đến năm 1622. Ngày nay, lịch-sử Ấn-độ còn chép rằng: « RHUSRAU, ông vua bị may mắt ».

DIỄN-SƠN

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT, HẠCH GAN

Lát cắt cho:
SÁN PHÚ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỎI MẠNH

HEPATANA



Pharmacie TANA
42-44 NGUYEN TRAI CHOLON



Thề theo lời yêu-cầu của đa số bạn đọc, và ý-kiến của một số đồng bạn trẻ văn-nghe sĩ, tạp-chí **Phổ-Thông** mở thêm mục « **Phê bình sách mới** », bắt đầu từ số này. Lời phê-bình sẽ hoàn-toàn khách-quan, chú-rong về thẩm-mỹ của văn-chương, ý-nghĩa của tác phẩm, và thiện-chí của tác giả trong công-trình xây dựng một nền văn-nghe thuần-lýu nhân-dân. Thái độ vô-tư của chúng tôi trên lĩnh-vực văn-hóa, các bạn theo rồi **Phổ-Thông** từ mấy năm nay, chắc đã nhận thấy rõ. Chúng tôi vẫn tiếp-lục giữ vững đường lối ấy làm phương-châm phê-bình, không thiên-vị đối với bất-cứ ai, không đề-cao sách vở giá-trị. Không, đim hăn người có chân-tài, không hùa theo khen, chê những kẻ không đáng khen, hoặc không đáng chê, không quên lãng những tài-hoa nẩy-nở âm-thầm trong bóng tối.

Chúng tôi nhất định không dung-thứ thủ-đoạn của những kẻ nấp dưới một bút-hiệu nhất thời để đa-kích nhà văn này, mạ-lý nhà văn kia, vì thù-oán cá-nhân, vì ganh ghét, vì đê-liện. Chúng tôi sẽ triệt-đề tôn-trọng nghệ-huật và nhiệm-vụ phê-bình chân-chí h. Chúng tôi gạt bỏ tất cả những phương-pháp phi-văn-nghe, trong công việc phê-bình văn-nghe.

Ba người sẽ luận-phiên phụ-trách mục này: Nguyễn-Vỹ, Thiểm Sơn, Thầm-Thế-Hà.

PHỔ-THÔNG Tạp-chí

PRINTEMPS INACHEVÉ

Tác giả : Bà **LÝ THU HỒ**

Nhà xuất-bản : **J. Peyromet et Cie — Paris**

Janvier 1962

★ NGUYỄN-VỸ

TÔI không ngạc nhiên mấy, khi nhận được tập sách trên kia, dày 205 trang, còn thơm ngát mùi giấy Velin vừa mới ấn hành xong, do một người bạn ở Paris, Bác-sĩ Nguyễn-Trần-Huân, giảng-sư trường Đại-học Sorbonne, có hảo-ý gởi tặng. Không phải là lần đầu tiên tôi đọc một quyển truyện nói về xã-hội Việt-Nam do một người Việt-Nam viết bằng Pháp-văn và xuất bản ở Pháp. Tạp-chí **Phổ-Thông** đã có đôi lần giới-thiệu với bạn đọc quyển *Le fils de la Baféine* của Cung-Giục-Nguyên, một giáo-sư Việt-Nam hiện ở Nha-Trang, do nhà xuất bản Arthème Fayard ấn hành (1951) và quyển *Le Domaine Maudit* cũng của tác giả ấy, và cũng do

nhà xuất bản ấy (1961). Và những quyền khác của vài người Việt-Nam hiện đang ở Pháp, bạn cũ thời tiền chiến: Phạm-văn-Kỷ, Trần-văn-Tùng, v.v...

Nhưng lần này, tác-giả là một người mới lạ, hơn nữa, là một người đàn-bà. Do tính tò mò, tôi đã thức suốt một đêm đọc hết quyển « *Printemps Inachevé* » của bà Lý-Thu-Hồ. Và cũng do tính tò mò, sáng hôm sau tôi viết thư hỏi anh Nguyễn-Trần-Huân, tác-giả là ai? Nay, trước khi phê bình quyển sách, cũng xin nói qua về tác-giả, theo lời giới-thiệu của Bác-sĩ Nguyễn-Trần-Huân. Bà Lý-thu-Hồ nay tuổi ngoài tứ-tuần, là người Nam-Việt, quê-quán ở Sóc-Tràng, vợ ông Lý-công-Trinh, một trong

những người đã có công sáng lập ra hãng Hàng-không Việt-Nam, lúc sơ khai. Ông Lý-công-Trinh là con của cụ Lý-công-Kiều, một danh-gia vọng-tộc ở miền Nam. Bà Lý-thu-Hồ học Pháp-ngữ ở Việt-Nam từ lúc thiếu-thời, và mới sang Pháp độ mười năm nay. « *Printemps Inachevé* » xin tạm dịch là: « Mùa Xuân Dở dang » là quyển tiểu-thuyết đầu tiên của bà, mà một ngày gần đây bà sẽ viết lại bằng Việt-ngữ. Một bản dịch ra Anh-ngữ, do một nhà văn Mỹ đảm-nhiệm sẽ xuất-bản ở New-York trong mùa hè 1962. Và một bản dịch ra tiếng Nhật sẽ kế tiếp. Vừa rồi, Vô-tuyến Truyền-hình Pháp có mời bà lên đề giới-thiệu với khán-giả Pháp và ngoại-quốc. Chủ-tâm của bà viết quyển tiểu-thuyết lần đầu tiên bằng Pháp-ngữ, là đề trình bày trên văn-dân quốc-tế một vài trạng-thai của xã-hội trung-lưu Việt-Nam trong đời sống thái-bình tr ớc Đệ-nhiệ-thế-chiến, và trải qua những biến-cố bi-thảm làm điên-đảo tan-hoang tất cả.

★

Đến cả tuổi Xuân cũng đành bị dở-dang.

Năm 1928, trong khung-cảnh thanh-bình an-lạc của cái Tết ở Sóc-Trang, Trần, con gái út của một gia-đình công-chức, mới có ba tuổi, ngây thơ, vô tội, nào có biết gì. 1935, Trần 10

tuổi đã mồ-côi cha. Người chị lớn thôi học, xin việc làm trong một hãng xuất-nhập-cảng rồi kết hôn với một người Pháp làm chung một sở. Trần cũng từ-giã học-đường về nhà học thêu, và lĩnh đồ thêu mướn để tự-túc. 1945, Trần đã 21 tuổi, yêu một thanh-niên tên là Châu, cháu của một thân-chủ của Trần, và làm giáo-viên tư-thục ở Saigon. Sắp sửa cưới, thì Châu vào tổ-chức Thanh-niên Tiền-phong và đi kháng-chiến trong Bưng. Một đêm, xóm của Trần bị lính Pháp ruồng-xét, Trần bị một tên lính cưỡng-dâm. Trần nhục-nhã tự thấy không xứng đáng làm vợ tương-lai của Châu, viết thư thù-lỗi cùng chàng và xin vĩnh-biệt. Long, nàng bỏ đi tu, theo đạo Gia-tô, trở thành bà « Sœur », làm việc trong một bệnh-viện Pháp ở Saigon.

Hết chiến-tranh, Châu trở về, đến bệnh-viện tìm Trần, nhưng Trần không còn là người yêu của chàng hồi xưa, mà là một nhà Tu-hành cương-quyết, không muốn biết gì đến dĩ-vãng nữa.

Châu thất-vọng ra về. Trần xin đổi lên làm việc trong bệnh-viện Cui ở Djiring 5 tháng sau, yếu-sức qua, nàng bị ốm nặng, được chở về nhà thương Saigon, Trần chết.

Bên năm mộ của Di-phước Fernande (Trần) phu-dai là ủa, chỉ còn hai người đàn-bà thân

nhất của nàng: Tươi, người chị lớn, và Dung, một bạn gái thân-giao của gia-đình. Tươi bảo:

— Pauvre Tran, je me souviens qu'au debut de son amitié pour Châu elle me faisait des confidences pleines d'enthousiasme et d'espoir. Comme elle était heureuse le jour de ses fiançailles!

(Tôi nghiệp cho Trần, tôi còn nhớ hồi đầu tiên Trần mới yêu Châu, Trần có ký-thác cho tôi những lời tâm-sự đầy hàn-hoan và hy-vọng. Hôm lễ đính-hôn, Trần vui sướng xiết bao).

Nhưng Dung kết thúc:

— Oui, la vie de Trần était comme une rose dont la tige s'est rompue au moment de son éclosion, comme une aube à peine dorée, souillée par le mauvais temps, comme un printemps inachevé.

(Vâng, đời Trần giống như một đoá hoa hồng mà cành đã gãy trong lúc hoa vừa hé nở, như một buổi bình-minh mới ửng đã bị khí trời u-âm làm hoen mờ, như một mùa xuân dở-dang).

★

Printemps inachevé có lẽ là một hồi-ký, hơn là một tiểu-thuyết. Người đọc sau khi xếp sách, có cảm-trưởng như tác-giả thuật lại câu chuyện tâm-sự của gia-đình mình, và phải chăng Trần là người em gái của tác-giả hay một người bạn thân?

Tôi nói như thế, chính là để xác-nhận giá-trị của tác-phẩm, bởi vì gia-đình của Tươi và Trần cũng có thể là gia-đình của bất-cứ người Việt-nam nào đã sống trong thời-loạn-lạc vừa qua, đã đau khổ, nhưng nhẫn-nại, can-đảm như Tươi, đã bông-bột hăng-hái, đầy lòng nhiệt-thành yêu Nước như Châu, đã âm-thầm chịu đựng như Trần với một tâm hồn trong trắng, cao-siêu, để cố hàn-gắn lại được phần nào, một hận lòng bi-thảm.

Nhưng, nơi đây, tôi muốn gát ra một bên các điểm phân-tách và phê-bình nhân-vật, cũng như những cái hay cái đẹp thuần-túy về văn-ngữ rất dồi-dào, dưới nét bút duyên dáng của nữ-sĩ Lý-Thu-Hồ.

Tôi chỉ muốn xét theo quan-điểm Việt-nam và tự đặt câu hỏi: một tác-phẩm như thế có ích gì cho sự hiểu biết nước Việt-nam không? — Tôi nói: có. *Printemps Inachevé* là một dẫn-chứng tinh-dộng của thời-đại, một hình ảnh nhiều màu sắc của xã-hội Việt-nam trong khoảng 30 năm, từ 1930 đến nay. Một vài nhận-xét về thời-sự rất mỉa-mai chua-chát, nhưng không kém phần xác-thực, làm vinh-dự cho ngòi bút của nữ-sĩ tài-hoa. Tác-giả không phải chỉ làm một công việc văn-chương mà thôi. Người ta có cảm-giác rằng bà không muốn tự cho phép

một xa-xỉ phù - phiếm vô-ích. Viết quyển sách này, bà đã tự đặt ra một mục-dịch, theo-dệt một ý-tưởng, ghi một dấu tích, phô bày một quan-điểm. Và bà đã hé mở cho ta nhìn thấy một đôi khía cạnh buồn chán của thời đại.

Lý-Thu-Hồ có lẽ cùng một lứa tuổi với Simone de Beauvoir. Đánh rằng có nhiều cách biệt về quan niệm nhân sinh, tôn-giáo, luân-lý xã hội, nhưng cái xác chết đem vui nơi chương cuối cùng của « Mùa Xuân Đỏ Dang » như thoang thoảng một mùi « duy-sinh » của văn phái Jean Paul Sartre.

Ngoài ra, người ngoại quốc đọc tác-phẩm của người đàn bà Việt-nam kia, — nhất là những người ngoại quốc chưa đến Việt nam lần nào, — có thể thu nhặt được nhiều nhận xét đúng đắn về phong tục xứ ta và nếp sống bình thường của xã hội chúng ta. Nhiều trang sách rất đẹp, lời văn đầy thú vị, lối văn mới và trẻ, không khô khan cổ điển như Phạm duy-Khiêm, không quá tỉnh vì đeo gót như Trần văn-Tùng, không cầu kỳ như Nguyễn tiến-Lãng.

Đây là lối văn duyên dáng, khả ái của người phụ nữ Việt nam có thể hấp dẫn một số đông độc giả quốc-tế.



TÌNH E M NHO NHỎ

TÁC PHẨM SINH VIÊN TẬP I

Tác - giả : HOÀI-VIỆT

Trình bày : DƯ - TÂN

Tác - giả xuất - bản tại Paris

HOÀI-VIỆT là bút-hiệu của một thi-sĩ trẻ tuổi, bạn Nguyễn-văn Hường, sinh viên Y dược và Khoa học tại viện Bào

chế Thực-vật học, ở Gip-Sur-Yvette, tỉnh Seine-et-Oise, Pháp). Tôi nhận được tập thơ nhỏ này do hai bạn Dư-Tân, một

Nghệ-sĩ tài-hoa ở Paris, và tác giả gửi tặng.

Tôi đề ý trước nhất là lối trình bày hơi mới lạ không giống một tập thơ nào khác. Đọc qua thơ của « Tình em nhỏ-nhỏ » thấy ý thơ cũng ngộ ngộ, hay hay :

Tình em nhỏ-nhỏ
Như gió dịu chiều xuân,
Đem hương đi khắp xa gần,
Đem tình nồng-hậu thấm nhuần
đồng quê.
Đem nguồn tin-trưởng trở về,
Sau mùa mưa gió ử-ê lá cành.
Tình em nhỏ-nhỏ
Như đám cỏ xanh-xanh...

Toàn thể tập thơ có 40 bài đều gợi lên một hoài niệm chân-thành, thiết tha, man-mác, trao về Quê-hương...

Yêu đời thông,
Yêu hoa cỏ.
Yêu đồng xanh...
Yêu lan vừa mới nở
Yêu trời màu thiên-thanh,
Yêu đôi chim riu-riut trên cành,
Yêu đôi bướm vờn xuân trên
nước biếc...

Tình thương Quê-hương đôi khi rạo-rực trong lòng người sinh-viên khoa-học ở viễn-phương, đến đôi chàng đang lo soạn Luận-an Văn-vật-học, mà vẫn không sao quên làng được

-mối hận giang san.

Ái chẳng thương tiếng chim
chiều bạt gió,

Nhưng chiến tranh còn gây lăm
chia-ly !

Bao người chết, bao người
trong đôi khó,

Trong tử hờn chờ đợi kẻ
ra đi !

Nay tôi khóc vì đôi bờ Bến
lái

Gây cảm hờn chia Đất nước
lâm hai;

Tôi còn khóc và lòng còn
lê-lái

Vì nước nhà chưa thoát ách
ngoại lai.

Trước khi sang học Đại-học Dược-khoa và Khoa-học ở Pháp, thi-sĩ Nguyễn-văn-Hường đã từng ở Bưng biền, từng theo Kháng chiến để rửa hờn cho dân tộc. Không ngờ non nước bị chia đôi, kẻ ngoại xâm còn làm le đẽ nặng gót giày tàn bạo trên đất nước, chàng chiến sĩ thanh niên buồn giận-cảm hờn, thốt ra những lời thơ thật là ai oán :

Thèm nhớ lúc cùng nhau
Đoàn quân vui chiến đấu.
Nam bộ,
Khu tư,
Bình-Trị-Thiên
Còn ghi dấu !

Máu học sinh hóa lẫn máu
sinh viên

Với máu toàn dân

Tô thăm cảnh Bưng-biển

Lià-nội,

Sài-gòn,

Đường ca-ti-na,

Trường Pétrus-Ký,

Nhưng má người chiến sĩ

Ài lợi dụng mất rồi? !..

Mùa xuân ở Tây-phương, thi-sĩ vẫn mơ-tưởng đến mùa Xuân Tự-do của Đất Nước và tức-giận những kẻ đảng phái đã lợi dụng sức chiến đấu của toàn dân, và chiến thắng của toàn Dân:

Biết đến mùa Xuân nao,
Nghĩa đ ng-bào lấp bằng sông
biển Hải?

Tình non-sông hóa-dịu mọi cảm
hờn,

Hoa Tự-do đua nở khắp bốn
phương

Mùa Hạnh-phúc toàn dân cùng
chung hưởng?

Xuân Hân-hoan chỉ về cùng
tưởng-tượng!

Bao mùa Xuân qua rồi,

Luật sắt còn ràng bó,

L'im người còn đau khổ,

Đầu mùa Xuân Tự-do?

Bao mùa Xuân qua rồi,

Ngoại bang còn lẫn-áp,

Còn hà-hiệp dân tòi,

Đầu mùa Xuân độc lập?

Bao mùa Xuân qua rồi,

Hồng-bào còp túi nhục,

Còn dối khổ, than ôi,

Đầu mùa Xuân Hạnh-húc?

Hoài-Việt là một chiếc-sĩ quốc gia nặng lòng vì Tổ-quốc, tranh đấu cho Tự-do, nên văn thơ của chàng rất là làm-ly cảm động. Tuy hiện nay đã có cấp bằng đại học và đã làm bio-chỗ-sư, mỗi tình thiêng liêng của Hoài-Việt đối với Quê Hương dù xa cách nghìn trùng vẫn không bao giờ phai nhạt.

Tôi rất mến thơ Hoài-Việt vì mỗi cảm xúc sâu đậm và chân thành ấy.

Tôi mong sẽ có « Tác phẩm sinh viên » tập 2, kế tiếp « Tình em nhỏ nhỏ » là tác phẩm tập 1, và xin gửi lời nồng nhiệt khen tặng Thi-sĩ Hoài-Việt. Chúng tôi còn đặt nhiều tin tưởng vào các Thi-sĩ trẻ tuổi của Việt-nam ở Hải ngoại.

Trong bộ sách « Vầu chương và Tư tưởng Việt-nam » mà chúng tôi đang soạn thảo, chúng tôi sẽ dành riêng một chương nói rất nhiều đến các bạn.

● NGUYỄN-VỸ



TÔN THỌ TƯỜNG

có đáng được
đề-cao không
?

★ QUỐC-SĨ

L.T.S. Chúng tôi có nhận được bài sau đây của ông Quốc-Sĩ, một Giáo-sư Đại-học góp ý-kiến về bài diễn-thuyết của ông Nguyễn-văn-Đính tại viện Đại-học Văn-khoa sáng hôm 29-4-62. Theo chủ trương vô-lư của Phò-Thống từ trước đến nay, chúng tôi xin vui lòng đăng bài ở Quốc-Sĩ đề rộng đường dư-luận.

PHÒ-THÔNG



Sáng chúa-nhật 29/4 tại giảng-đường Văn-khoa Đại-Học tôi đã được hân-nhận tới nghe ông Nguyễn-văn-Đính diễn-thuyết về « Tâm-sự thi-nhân miền Nam ».

Diễn-giã là một giáo-sư Sư-Đaja, đã từng tham-gia nhiều cuộc tranh-đấu chính-trị hồi Tiền-chiến, đã đi kháng-chiến và

trở về trước ngày đình chiến.

Tôi trông đợi nghe ông nói về tâm-sự của thi-nhân miền Nam nhưng rồi chỉ được nghe ông nói về Tâm-sự Tôn-Thọ-Tường với rất nhiều tâm-sự của ông. Từ Tôn-Thọ-Tường đến Nguyễn-văn-Đính trong suốt một thế-kỷ nước nhà có biết bao nhiêu biến-cổ và miền Nam cũng sản-xuất được vô-số thi-nhân, họ Tôn và họ Nguyễn có thể đại-diện cho hết thảy những thi-nhân đó không? Ai ủy-quyền cho hai ông đại-diện?

Vậy thì tại sao không in vào thiệp mời: « Tâm-sự Tôn-Thọ-Tường » mà lại in: « Tâm-sự thi-nhân miền Nam »

Đó là một khuyết-diểm nghiêm-trọng. Nếu là vô-tình thì là một sự cầu-thả. Nếu là cố-ý thì là một sự lừa gạt, không nên có ở một nhà trí-thức.

Nghe diễn-giả, người ta có cảm-tưởng rằng Tôn-Thọ-Tường phải là thi-sĩ số một ở miền Nam trong thời-đại của ông. Nhưng khi nói đến văn-thơ của tác-giả ông không làm nổi bật được vai-tưởng số một đó.

Hơn nữa sự-nghiệp của Tôn có gì đáng kể so-sánh với sự-nghiệp của Đồ-Chiều?

Còn thi tài của ông hơn gì thi-tài của Cử Trị?

Ấy là chưa nói tới giá-trị luân-lý của những bài thơ mà tác-giả đã bỏ mất cả danh-dự và tiết-tháo.

Diễn-giả thật đã ngó-ngần khi so-sánh Tôn-Thọ-Tường với văn-hào Voltaire, với Thống-chế Pétain.

Voltaire có một sự-nghiệp vĩ-đại, một chỗ ngồi danh-dự trong văn-học-sử Pháp. Rousseau ghét ông nhưng cũng không phủ-nận được văn-tài và sự-nghiệp của ông. Tôn-Thọ-Tường có gì mà được so-sánh với Voltaire? Hơn nữa, Rousseau ghét ông là ghét cái ngọn bút châm-chọc của ông chứ ông có làm gì tổn-thương đến giống-nòi, dân-tộc, tổn-thương đến danh-dự của nhà văn?

Còn Thống-chế Pétain đứng ra đóng vai trò quốc-trưởng bù nhìn để thỏa-hiệp với giặc, bỏ qua vấn-đề công hay tội, ít nào Thống-chế cũng có cái địa-vị khác hẳn với địa-vị của một viên tù hàn mặc dầu sau này được thăng tới đốc-phủ. Ở cái địa-vị thấp kém đó Tôn không làm được gì cho dân-tộc, không giúp ích được cho ai, nhưng bởi đứng vào hàng sĩ phu Tôn đã làm tổn-thương đến danh-dự của sĩ-dân trong nước.

Cũng không thể đem Tôn mà so-sánh với cụ Phan-thanh-Giản? Cụ Phan là một vị đại-thần quyền cao, chức trọng, phải làm theo mệnh lệnh của nhà vua và khi không làm toàn sứ-mệnh thì cũng còn có cái chết để tạ tội với nhân-dân. Hơn nữa, cụ đâu có thọ-hưởng gì của giặc? Cụ có thể sai lầm trong tư-tưởng và hành-động nhưng cụ không bao giờ phản-quốc cầu-vinh.

Tôn-Thọ-Tường không có tước-phẩm của Triều-đình, không chịu trách-nhiệm về những việc làm của nhà vua, không dám theo

Trương - công - Định mà cũng không giữ được thái-độ của Đồ-Chiều hay Cử Trị. Chỉ giữ vẹn thân-danh mà giữ không được, còn xứng đáng ở chỗ nào để ông Đính hồng bào chữa?

Tôn-Thọ-Tường có một « đồng-chí » là Tấn-sĩ Phan-Hiêu-Đạo. Họ Phan cũng muốn theo họ Tôn ra đầu Pháp để an - thân phì - gia, nhưng bị lương-tâm cắn rứt ông lại bỏ Tôn trở-trọi có một mình đi theo con đường quấy và trở về Mỹ Tho uống thuốc độc mà chết.

Trong trường-hợp đó đáng lẽ Tôn cũng phải chết theo mới đúng. Nhưng Tôn không dám chết mà cũng không dám thối lui nên mới có những mặc cảm tự-ti thốt ra ở lời thơ thăm-đạm.

Đáng lẽ ông Nguyễn-văn-Đính phải giải-thích tâm-tư của họ Tôn như thế. Nhưng ông lại đề-cao một người làm tới Đốc-phủ-sứ, có quyền, có thế mà lại khiêm-tốn nhún-nhuống đối với một kẻ thường dân là Cử Trị. Là một giáo-sư Sử-địa đáng lẽ diễn-giả phải đặt nhơn-vật của mình vào hoàn-cảnh của thời-đại lúc đó mà tất cả địa-vị và oai-quyền do Tây ban cho đều bị

nhân-dân coi rẻ. Tôn-Thọ-Tường còn có đôi chút liêm-sĩ nên còn biết tự-hạ đối với những người trong-sạch và kiên-trinh hơn mình. Đôi chút liêm-sĩ đó diễn-giả thủ-tiêu luôn thì Tôn-Thọ-Tường còn gì nữa? Ông biện-hộ-sư này đã xin tăng án cho thân-chủ của mình.

Hơn nữa, ông còn so-sánh Tôn-Thọ-Tường với Tổng Đốc Lộc, Nguyễn-Thân và Hoàng-cao-Khai. Ông quên rằng ở thời Hoàng-cao-Khai, Tây đã kề như làm chủ được tình-hình khác hẳn với thời Tôn-Thọ-Tường mà cuộc xâm-lăng mới ở giai-đoạn bắt đầu. Ông cũng quên rằng Tổng-dốc Lộc và Nguyễn-Thân không ở trong hàng-ngũ sĩ-phu và cũng không cần giữ tiết-tháo.

So-sánh như vậy càng tai-hại cho họ Tôn.

Còn nói Tôn-Thọ-Tường vì nghèo mà làm bậy, sao Đồ-Chiều, Cử Trị cũng nghèo lại không chịu làm bậy như ai?



Có người nói rằng ông Nguyễn-văn-Đính muốn nói tới tâm-sự của Tôn-Thọ-Tường để trút bầu tâm-sự của ông vì ông

đã đi kháng-chiến mà lại bỏ hàng ngũ trở về. Có lẽ vì thế mà ông cho in đầu-đề bài diễn-thuyết là «*Tâm-sự thi-sĩ miền Nam*» làm như ở miền Nam trong suốt 1 thế-kỷ chỉ có 2 nhà thi-sĩ là Tôn-Thọ-Tường và Nguyễn-văn-Đỉnh.

Diễn-thuyết có tranh-biến và cuộc tranh-biến sôi-nổi vô cùng.

Một ông già và nhiều bạn trẻ đã tỏ ra nghiêm-khắc đối với Tôn-Thọ-Tường và người biện-hộ cho ông. Một thanh-niên đã ôn-tồn lễ-phép thưa: «Về điểm này con «*đả-kích*» thầy». Danh-từ «*đả-kích*» đã làm cho diễn-giả nổi nóng và ông đã giảng cho thanh-niên một bài học luân-lý sâu cay. Nhưng ai cũng nhìn-nhận rằng người sanh-viên đã dùng trật danh-từ chứ không hề có thái-độ vô-lễ. Đáng lẽ diễn-giả chỉ nên lưu-ý tới nội-dung và không nên bắt bẻ vì hình-thức và danh-từ.

Mà nội-dung của bài diễn-thuyết là hồng hết nếu không có người «*đả-kích*» thì nó sẽ tai hại vô cùng, thứ nhất là đối với tâm hồn bạn trẻ.

Thân-Thế Tôn-Thọ-Tường không có gì đáng làm gương

Văn-thơ Tôn-Thọ-Tường không có gì đáng học-tập. Tôn-thọ-Tường chỉ có một điểm khả-dung là còn có đôi chút liêm-sĩ chứ không lên mặt thầy đời hay loa loa trắng trợn như nhiều kẻ đào-ngũ, phản dân mà còn huynh hoang tự-đắc.

Ta ghét Tôn-Thọ-Tường khi ông nói:

*Miệng cộp, hàm rồng chưa
dễ chọc,*

*Khuyên đoàn con trẻ chớ
thầy lay.*

Nhưng ta vẫn có thể tội nghiệp cho ông khi ông viết:

*Trâu ngựa đầu kêu chi cũng
chịu,*

*Thân còn chẳng kè, kè chi
danh.*

Song tội-nghiệp mà không thương yêu, nhứt là không kính-trọng.

Người mà ta thương yêu và kính-trọng phải là người có những lời thơ khí-khái như sau:

*Chưa trả thù nhà đến nợ
nước,*

Dám đầu mắt lấp lại tai nghe.

,

*Thân có ắt danh tua phải có,
Khuyên người ái-trọng cái
thân danh*

Tác giả những văn thơ trên chính là thi-sĩ Phan-văn-Trị.

Chánh-phủ đã làm một việc rất sáng suốt là lấy tên Phan-văn-Trị thay thế cho tên Tôn-Thọ-Tường ở trường học và đường phố.

Tôi đề-nghị nên bôi tên Tôn-Thọ-Tường luôn ở danh sách những tác giả phải giảng dạy ở các trường.

Đầu có bị bôi tên ông vẫn còn được nhắc nhở mỗi khi

đám thanh niên học sanh phải học thơ Cử Trị vì hai người kháng khít với nhau như hình với bóng, một đảng tiêu biểu cho tinh-thần bất khuất, một đảng đại diện cho bọn chủ-bại cầu-an.

Hai người đều được ghi vào lịch sử nhưng một đảng là gương để soi, một đảng là gương để tránh.

Mà những gương ở loại thứ hai chẳng bao giờ nên đề cao ở giảng đường Văn-khoa Đại-Học.

QUỐC-SĨ.

TIN MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của Bà Quả-phụ TẠ DIÊU, 6A Lương hữu Khánh Saigon, báo tin lễ thành hôn của trường-nam là cậu TẠ-KỶ, Giáo sư, sành duyên cùng cô NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG, thứ nữ của ông và Bà Nguyễn-văn-Từ, Vang-quới, Kiến-Hòa.

Chúng tôi xin thành thực vui mừng cùng hai họ TẠ-NGUYỄN, và mến chúc đôi tân-hôn trăm năm hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ — THƯ-LÂM
NGUYỄN — THU — MINH
CÔ BẠCH-YẾN



NA M-Mô A-Di-Đa-Phật,

Nhân ngày Phật-Đản, con đốt nén hương lòng, cầu xin đấng Từ-Bi độ trì cho một sinh linh nặng nghiệp, vô phước vô duyên, đang lặn lộn trong bến Mê, bề Khổ. Con đương mê mải với sinh hoạt trần gian cũng chỉ vì sinh sống; con khổ-sở phải lặn lộn với người đời vì con thấy họ còn khổ-sở hơn con.

Lắm lúc con cũng muốn vui với Hoa Đàm Đuốc Tuệ, nhưng con còn nặng nghiệp, nên chỉ biết niệm thuyết «Tự giác nhi giác tha» và cố noi gương vị tha cáo cả của đấng Chí Tôn trông câu nói: «Hễ trên thế gian này còn một người ngu si dốt nát, cực khổ làm than, thì Ta chưa muốn thành Phật vội; Ta còn muốn đem chút tài hèn trí mọn, phò độ chúng sinh».

★ **Bác-Sĩ NGŨ-QUANG-LÝ**

Con chẳng thể xuất gia hay quy y cửa Phật. Con chỉ biết «lấy Phật làm lòng» còn được «siêu thoát khỏi luân hồi» hay không, điều đó còn nhờ lượng Phật.

Hôm nay, giữa một đêm đầy sao sáng, ngồi nhìn ngọn trúc phơ phất do ngọn gió khuya, con ráng cảm truyền với Tạo-Hóa, nghĩ đến ngày Phật-Đản, con cố suy luận về cuộc đời của Đức Chí Tôn, rồi cố đem khoa học mà giảng giải một vài chi tiết tu hành, cốt thỏa mãn cái tò mò của riêng con, rồi nghĩ sao nói vậy. Nếu những dòng sau đây lỡ có «khẩu xà» nhưng xuất ra ở một «tâm Phật».

✱

Đức Phật đản sinh!

«Tinh thông nghìn mắt nghìn tai

ĂN CHAY

Cũng trong một đêm linh đài
hóa ra»

(KÍNH BÀ CHÚA BA)

thì ra Đức Phật cũng chỉ là một người, không thoát khỏi luật âm dương mà cũng chẳng gì là huyền bí. Phật cũng nhờ hai bầu sữa thiên nhiên của đấng từ mẫu mà sống, mà lớn, như mọi người đời. Có khác chăng là khối óc tinh thông, do cái nghiệp đã nhẹ nhàng, Người đi tìm và đã tới đường Chân lý.

Nhưng từ lúc ý niệm được cái khổ trần ai, Người muốn lấy khổ diệt khổ, mà đây ải tẩm thân, trí óc càng mịt mờ, thì Người tự biết là lầm, vì thân xác bị dầy vò thì tâm thần sao minh mẫn được. Phải có sự quân bình thể xác tinh-thần thì mới mong tìm ra con đường sáng— và Người đã thấy.

Như vậy dù ở phạm-vi nào, dinh dưỡng vẫn là vấn-đề quan-hệ. Nhưng sao lại có lệ ăn chay? Như trên tôi đã nói, tôi đặt câu hỏi cho tôi. Lý luận để thỏa mãn những thắc mắc riêng tôi, và viết ra cốt để nhờ sự chỉ dạy của những bậc cao minh trong Phật giới.

Nhưng thế nào là ăn chay? Tôi ráng tìm định nghĩa của hai chữ ấy. Dở cuốn Việt-Pháp tự-điền của Génibrel, tôi thấy ở trang 7, «ăn chay»: «Jeuner, có nghĩa nhịn ăn, kiêng ăn, cử ăn». «Nhưng theo ông Đào-Duy-Anh, trong Pháp-Việt tự-điền, Quan Hải Tùng Thư xuất bản, trang 891, «ăn chay: jeuner au pain et à l'eau: Ăn chay chỉ ăn bánh mì uống nước». Không được thỏa mãn, vì đây là lối ăn chay trong Công-giáo, tôi đi kiếm nghĩa ăn chay ở Việt-Nam Tự-Điền Khai-Trí Tiến-Đức — ở trang 9, cột một, tôi thấy: Ăn chay: «Không ăn thịt cá, chỉ ăn những thứ thanh đạm như rau dưa mà thôi (nói người đi tu). Nhưng Cụ Huỳnh Tịnh-Cửa, trong Đại-Nam Quốc Âm Tự Vĩ (1895), trang 9, cột 2, có lẽ định nghĩa gọn và đủ: «ăn chay: ăn đồ lợt; nhịn bữa ăn; kiêng thịt, cử thịt».

Như vậy ăn chay đâu phải là lối ăn riêng biệt của người đi tu, hay trong các gia-đình Phật tử. Trong Y-khoa, muốn thiết thực, Y-sĩ thường điều trị bằng cách ăn chay. Với những người già cả, mà bộ tiêu hóa đã mệt,

lá gan đã suy, khoa phòng ngừa thường khuyên những món ăn thanh đạm.

Nếu có người phải ăn chay vì bệnh hoạn, thì có người ăn chay kỳ, vì lòng trần chưa dứt mà chỉ sửa soạn đường tu, còn những người ăn chay trường là vì lý do tôn-giáo. Nhưng ta đừng quên những người ăn chay đời bữa, vì họ đã ngăn những mỹ vị cao-lương.

« Món cao-lương phong-lưu mà lợm,
Mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon.

Với các vị xuất gia, ăn chay là một qui luật, tuy chỉ có tương rau dưa muối, nhưng lại cả là một nghệ thuật nấu ăn, nên đã làm người ao ước ;

Muốn ăn đậu phụ tương
tầu
Mài dao đánh kéo gọt đầu
đi tu.

Nghệ thuật nấu ăn ở nhà chùa không phải ở các vị sư dù nam, dù nữ, mà là của người mộ đạo, công quả nhà chùa.

Thật vậy. Tôi đã được sư cụ Chùa Trấn-Quốc cho thụ một bữa cơm tương dưa đậu phụ, khi tôi còn là học-sinh Trường

Bưởi. Tương không vàng, không đậm. Nó mặn và ngọt một cách thích hợp với cái lưỡi con người. Dưa chua vàng ửng, đậu rán vàng phồng chấm với tương ấy, ăn với miếng cơm gạo già của nhà chùa, thú thật, tôi chẳng biết e lệ là gì, mà còn vừa và tới môi nó đã trôi vào thực quản.

Tôi đã được dùng bữa chay sáng ở nhà Bà Huyện S. Ông, Vũng-Liêm. Đây là bữa ăn chay trường giả. Bánh mì, bơ, pho mát, lại cả một đĩa trái cây Việt và ngoại quốc. Chẳng những tôi mà các bạn tôi đều có cảm tưởng, nếu được ăn mãi như thế, chúng tôi cũng muốn « ngả chay trường ».

Nhưng có ngồi vào những mâm cỗ chay nhà chùa, như Châu-Long, hay Chùa Am (riêng cho sư nữ) ngoài Hà-nội, hoặc chùa Lương-Xuyên Phật-học ở Trà-Vinh, thì chúng ta sẽ thấy những bữa tiệc ở Ngọc-Lan-Đình, Á-Đông, Đồng-Khánh, còn thua xa những món ăn tây, bào ngư, cơm nước dừa, của mâm cỗ chay ở đây đãi khách.

Đây là những trường hợp đặc biệt, mà tài nấu nướng đã

khéo thay thế những món thịt cá bằng những thực-phẩm ở cỏ cây.

★

Thường nhật, những ngọn rau muống, rau lang, những tàu rau cải, đậu, bắp, với tương, với chao, nói tóm là món chay, có thể cung-cấp đủ chẳng cho cơ thể con người những nhu cầu cần thiết?

Tôi xin thưa rằng đủ, nhưng với một hạng người, và một cách tương-đối.

Cứ theo sinh-lý-học đại-cương thì những thực-phẩm chúng ta đem vào cơ-thể, dù phức-tạp đến đâu, sau khi tiêu-hóa cũng chỉ là những thức ăn đơn gồm những chất hữu cơ, nói gọn là những chất hóa-học, những khoáng chất và đừng quên những sinh tố. Những chất hóa-học hay hóa chất là Đạm, Đường và Mỡ. Ba loại này cần phải có một quân bình, để cơ-năng con người khỏi xáo trộn. Đạm, để sinh trưởng, để bồi bổ những hao mòn, để hoán cải những gì đã già cỗi trong cơ-thể, nói tóm là để xây-dựng. Đường và Mỡ phát ra nhiệt-lượng cần cho sự sinh-hoạt của con người.

Với con người nhỏ thỏ, như người Việt-Nam, trung bình chúng ta cần 80gr Đạm, 70gr Mỡ và 400 tới 500gr Đường mỗi ngày, phát ra từ 2.800 tới 3.200 ca-lo-ri.

Theo vậy, thì chúng ta ăn chay, chúng ta cung-cấp đủ được những nhu cầu cho cơ-thể, nếu chúng ta biết điều hòa các thực phẩm. Lắm người thấy nói ăn chay, kiêng thịt, kiêng cá, tưởng rằng chỉ ăn toàn rau. Ăn toàn rau có hại thật. Nhưng trong việc ăn chay, ta còn tương, còn chao, còn dầu. Và phải phân biệt rau tươi, rau khô, tồ hợp khác nhau, mà đừng quên rằng trong những món ăn này, cũng có đạm, đường, mỡ.

Đề có một ý niệm, chúng tôi xin kê dưới đây tồ hợp của một vài thực phẩm, tính mỗi thứ 100gr :

Thịt (100gr)

Thịt bò phát ra 180 ca-lo-ri có 20gr Đạm, 10gr mỡ, 0gr Đường.

Thịt gà phát ra 188 ca-lo-ri có 20gr Đạm, 12gr mỡ, 0gr Đường.

Thịt heo phát ra 240 ca-lo-ri có 15gr Đạm, 20gr mỡ.

Sữa (100gr)

Sữa có đường 320c có 7g đạm, 9gr mỡ, 53gr Đường.

Sữa tươi 70c có 3,5g đạm, 1g mỡ, 5gr đường.

Phô mát (gruyère) 400c có 28gr đạm, 30gr mỡ, 4gr đường.

Trái cây (100gr)

Cam, chanh, bưởi phát ra 45c 0,7 Đạm, 0,2 mỡ, 10gr đường

Chuối phát ra 100c, 1,5 Đạm 0,5 mỡ, 22 đường.

Rau tươi (100gr)

Bí đao, dưa chuột 34c, 1gr đạm, 0,2gr mỡ 7gr đường

Đậu tươi xanh 35c, 2gr đạm 0,3gr mỡ, 6gr đường.

Cà chua 25c, 1gr đạm, 0,4gr mỡ, 4gr đường.

Rau khô, Bột (100gr)

Bột mì phát ra 340c có 10gr đạm 2gr mỡ 70gr đường.

Gạo phát ra 360c có 7 gr đạm 1gr mỡ 80gr đường.

Khoai tây phát ra 90c, có 2gr đạm, 0,1gr mỡ, 20gr đường.

Chúng tôi lựa ra như vậy để bà con đừng tưởng rằng chỉ ăn rau, thì không đạm, không mỡ. Trong tương tàu, tương ta, giá, đậu phụ, có rất nhiều chất đạm tạo ra chất đạm trong thực phẩm.

Nhưng tôi đã dùng 2 chữ tương đối. Vì thật ra nó chỉ đủ một phần nào và cho một cơ thể nào. Đẳng-lực-học của các thực phẩm dạy chúng tôi rằng, cần phải có một tỷ-lệ giữa những thực phẩm súc vật và thực vật. Nhưng trong việc ăn chay, còn có vấn đề «tạng người», còn có vấn đề «ý-chí» tôi không dám đề cập tới. Những người ăn chay trường có những lý lẽ của họ, những người ăn chay kỹ cũng vậy.

Riêng về các trẻ em đương tuổi phát-triển nghĩa là đương tuổi lớn, thì ta cũng nên tin ở khoa-học mà nhận thức rằng: Trẻ em này cần nhiều đạm, nó như gạch, như vôi để xây cất. Lượng số đạm của trẻ em cần gấp hai, gấp ba người trưởng thành. Điều rất nên đề ý là trong chất đạm còn nhiều yếu-tố cần-thiết là acides aminés, mà hai acides aminés cần cho sự sinh-trưởng của con trẻ: lysien và tryptophane, thì chỉ có ở đạm súc vật chứ không có trong đạm thực vật. Vì lẽ ấy, tôi đã nói việc ăn chay cung-cấp đủ nhu cầu cần-thiết, nhưng chỉ đối với một hạng người lớn. Trẻ em thì không, nếu ta không dùng thêm sữa và trứng.

Một quan-niệm về ăn chay

Tôi đã hỏi ý nhiều người về việc ăn chay. Phần đông là Phật-tử nên cho rằng ăn chay để khỏi phạm vào «ngũ giới» hay nói cho đúng là «tránh sát sinh».

Tôi rất thắc mắc về chữ «sinh» này. Để tránh sát sinh, kiêng thịt, kiêng cá, nhưng sao lại chỉ ăn rau? Như vậy thì các thực vật không có một đời sống sao? Nếu con trùng nhỏ nhỏ đến cực vi cũng là một sinh-vật mà khoa tự-nhiên-học đã dạy chúng tôi: «mỗi sinh vật trong đời đều ở một tế bào, duy nhất mà ra» thì cây cỏ cũng là một sinh vật vậy. Và chẳng ai chả biết «cây cỏ vô tri cũng hữu tình»? Cây trinh-nữ nếu đụng vào nó, nó còn biết «mắc cỡ» kia mà. Ta chặt một cây chuối, ta bẻ một nhánh xương rồng, nhựa cũng chảy ra. Phải chăng đó là nguồn sinh lực của nó, là «máu» nó? Tôi không tin rằng vì lẽ đó mà các Phật-tử áp-dụng thuyết ăn chay.

Tôi xin phép mượn một ý-tưởng của khoa học để suy luận về vấn đề. Chúng ta cần phải xét đoán, thì nhà tu hành cần phải tỉnh để ý-niệm những ý-

tưởng cao siêu. Đừng quên rằng trong lúc ấy các tế-bào thần kinh cũng bị nhiễm những chất độc gọi là chất độc tâm-hần. Đó là một chất độc nó có thể rối loạn tâm trí mà phát ra những ý kiến sai lầm. Đã có một nhiễm độc nội tâm mà lại còn đem vào cơ thể những độc chất ngoại lai thì khối óc làm sao được linh mẫn!

Thịt, cá có nhiều chất đạm. Khi biến thể trong cơ-quan, phát ra nhiều chất độc, thí dụ niếu tố, niếu toan mà trái thận cần bài tiết ra cho khỏi sinh bệnh hoạn.

Rau cỏ dù tươi dù khô đều sao cũng chứa ít chất đạm. Ăn chay cốt để đỡ gánh nặng cho lá gan, trái thận, bớt nhiễm độc vào tế bào thần kinh trong khối óc, cho tâm trí ta được nhẹ nhàng. Như vậy ăn chay thuộc vấn đề tiết-thực và tiết-dục hơn là đề «tránh sát sinh».



Nếu thật con Người thuở sơ khai ở tiên cảnh, rồi phải đẩy xuống phạm trần vì tội lỗi thì con Người ấy chỉ ăn toàn trái cây. Ăn trái trường sanh để thành bất tử! Và ai đã ăn trộm đào của Tây Vương Mẫu!

Ở phạm trần thì con người lúc đầu cũng chỉ ăn trái cây và mọi « thảo mộc mang mầm mống » sau này là ngũ cốc. Trong trận Đại Hồng Thủy, mọi cây cỏ đều bị tiêu diệt, nên con người mới phải ăn thịt. Thịt chỉ là một món ăn thay thế cho nhu cầu. Nó chỉ quý khi nào thực phẩm về thực vật thiếu thốn.

Giá trị của thịt cá là những chất dẫn nó chứa đựng. Tuy nó cần thiết trong sự sinh trưởng, trong việc bồi bổ cơ-thể con người, nhưng nếu quá lạm thì chỉ gây ra một gánh nặng cho lá gan phải biến chuyển những cặn bã, nhiễm vào máu, vào não, mà gây ra một suy yếu cho những cơ-quan bài tiết.

Con người khi được Tạo-Hóa sinh ra là một giống ăn trái, và cơ-thể có những năng-lực riêng khiến không cần đến món ăn súc vật. Trời kiến-tạo ra cơ-thể con người, nhất là bộ răng, cốt

để dùng vào năng-lực riêng ấy. Trước đây gần hai thế kỷ, Cuvier, người khởi ra môn cơ-thể-học đối chiếu và cổ sinh vật học, đã công nhận điều này.

Tôi thiết-tưởng khoa học có những lý lẽ chính đáng về nguyên tắc của việc ăn chay, dù trong Tôn-giáo hay trong trị liệu cũng không ngoài những lý lẽ ấy.

✱

Ông bà chúng tôi đã dạy tôi « Ăn mặn nói ngay, còn hơn ăn chay nói dối ». Noi gương Phật Tồ, tôi chỉ đề chữ Phật trong tâm.

Nhân ngày Phật Đản, tôi ngồi suy luận và xin nhắc lại, đề thỏa mãn tánh tò mò của riêng tôi, xin các Đạo-hữu noi gương đức Từ-Bi, hi xả cho tôi, nếu trong việc suy luận này, có điều gì không vừa lòng các bạn.

Nam Mô A Di Đà Phật.

B. S. NGÔ-QUANG-LÝ

(Ngày Phật Đản Nhâm Dần)



ĐÍNH CHÍNH

● Sung-sướng, chứ không phải sướng-sung !

Trong P.T. số 70, trong bài của B.S. Ngô-quang-Lý « Đời sung-sướng là đời giản-dị » trang 80. bạn ấn công vô-ý sắp lộn là « Đời sướng-sung... », bạn sửa bài cũng vô-ý, không thấy lỗi, thành ra câu vô nghĩa. Vậy nay xin đính-chính, và nhờ quý bạn vui lòng sửa lại giùm. Xin thành thật cảm ơn.

P.T.



Truyện dài tình-cảm thời-đại ● NGUYỄN - VỸ

(Tiếp theo Phê-Thông 79)

Chiều mát, ông Ngọc-Minh lái xe chậm chậm về đền Sài-gòn gần 8 giờ. Ông đề-nghị với Anh ghé lại dùng cơm tại một nhà hàng mát-mẻ trên bờ sông trước khi ông đưa Anh về Hòa-Hưng. Anh vui vẻ nhận lời. Giờ nầy nhà hàng rất đông khách, nhưng may mắn còn một bàn trống ở nơi góc xa. Ngọc Minh và Anh đến ngồi hai ghế đối diện, nhìn nhau tủm tỉm cười. Nhưng một người bồi cảm bút chì và sổ con đến lễ phép hỏi :

— Thưa ông bà dùng chi ?

Anh thẹn đỏ mặt, e lệ cúi xuống âm thầm đơn. Ông Ngọc Minh hiểu ý, liền bảo chiêu-dãi viên :

— Anh cho hai ly nước cam tươi trước đã.

Người bồi đi rồi ông mới nói với Anh :

— Anh dùng món chi, cứ gọi nhé.

— Dạ, món chi cũng được.

Sự thật, không phải là lần đầu tiên Anh đi ăn cơm ở nhà hàng. Anh thuộc về hạng người không có nhiều tiền cho lắm, mỗi tháng chỉ lãnh được số lương, thư ký khá nhứt là ba nghìn đồng, lại còn phải tiện-tận để dành tiền sang một căn nhà nhỏ ở ngoại-ô, nên không bao giờ dám ăn xài hoang-phai. Nhưng đã có nhiều cơ-hội Anh đi dự các tiệc cưới của các bạn đồng-nghiep, hoặc các

buổi lễ liên-hoan trong sở. anh chị em góp tiền nhau để tổ chức các bữa tiệc tại nhà-hàng. Tuy nhiên, Anh đâu có quen gọi các món ăn Tây, Tàu, và đây là lần đầu tiên Anh đi nhà hàng một mình với một người đàn ông, lại là một ông giáo sư sang-trọng. Anh bối-rối, ngượng nghịu, không biết gọi thế nào, nhìn vào các món ăn ghi trong thực-đơn, chẳng biết món nào ngon món nào dở.

Anh hỏi lại ông Ngọc-Minh :

— Thưa ông dùng chi, để em gọi?

Nhưng Anh không ngờ ông giáo-sư Văn-chương và Triết-học lại còn ngờ-ngẩn hơn Anh nữa. Đi ăn nhà hàng không biết mấy trăm lần mà ông tuyệt-nhiên không để ý đến món ăn nào cả. Ngó vào thực-đơn ông cũng mù-tịt, chỉ biết mỗi một món duy-nhất: « Bì cuốn » mà thôi. Anh cười:

— Em gọi « Bì cuốn » vậy nhé?

Ông Ngọc-Minh mỉm cười gật đầu,

Người bồi bưng đến hai ly nước cam tươi, rồi lại hỏi Anh :

— Thưa ông bà dùng chi?

Anh cố làm ra vẻ tự-nhiên :

— Anh cho 10 cái bì cuốn.

— Dạ, 10 cái bì cuốn, còn món chi nữa ạ?

— Thôi, cảm ơn, chốc nữa cần gì sẽ gọi thêm.

— Dạ.

Anh ngượng quá, vì chiều-đãi viên cứ gọi Anh bằng « Bà », ngượng với ông Ngọc-Minh, nhưng ông giáo-sư nói chuyện với Anh hình như không để ý đến chi-tiết nhỏ nhặt kia.

— Ở đây gió mát lạnh nhỉ!

— Dạ, cũng gần như ở Vũng-Tàu.

— Anh uống nước cam đi.

Anh nâng ly nước cam cũng một lúc với Ngọc-Minh, uống vài hớp rồi đặt ly xuống cũng một lúc với Ngọc-Minh.

Ngọc - Minh chậm điều thuốc hút rồi bảo :

— Cuộc đi chơi Vũng-Tàu hôm nay là một du-ngoạn hứng thú nhất trong đời tôi... Đẹp nhất trong đời tôi...

— Một ngày vừa qua, thoáng như một giấc mơ...

— Bao nhiêu kỷ niệm êm đềm...không thể nào quên được!

Anh mở bóp lấy nhè nhẹ ra mấy cánh hoa si tím của ông Ngọc-Minh hái tặng lúc chiều. Anh mơn trớn hoa với mấy ngón tay mím mím, khẽ bảo :

— Những hoa sim đẹp lạ!

— Hôm nay tôi muốn gọi cánh hoa sim này là cánh hoa Tim... cánh hoa Tim... tím!

Anh mỉm cười nhìn Ngọc Minh.

— Thi-sĩ lúc nào cũng có những chữ dầy thi-vị.

— May là tôi không phải Thi-sĩ, và tôi không muốn làm Thi-sĩ,

— Thưa ông, tại sao ạ?

— Thi sĩ là một kẻ luôn luôn bị người đời chê-nhạo. Đôi khi tôi nhìn thấy thi-sĩ hình như lơ-bịch... Phải thế không, Anh?

Anh mỉm cười :

— Em thấy ông là một người rất vui-vẻ và rất đứng-dắn... Ông như cánh hoa Sim, thanh-cao và khiêm-nhượng.

Người bồi bưng lên một đĩa bì-cuốn và nước mắm.

tôi, ớt...

Ngay lúc ấy, ở một bàn cách xa, lẩn lộn trong các bàn khác đông nghẹt khách, có một gia đình cũng đang ăn. Một đứa nhỏ khế cuối xuống sát vào má nó và bảo thăm bên tai :

— Má ơi, ai ngồi bàn ngoài kia, ở mé sông, giống cậu Hai quá, với chị Anh, má à.

Thiếu-phụ, chính là Minh Tú, em gái ông Ngọc Minh. Cô quay mặt ra tìm kiếm qua các bàn nhỏ những người ngồi ăn dưới ánh điện sáng lơ mờ xanh dịu.

Minh-Tú tái mặt, quay lại nói với chồng :

— Anh ngó ra phía mé sông, chỗ cái bàn nhỏ hai người, có phải anh Hai với con Anh đây không?

Người chồng trông thấy, gật đầu :

— Phải.

Minh Tú tức giận, toan đứng dậy đến nơi để « chộp mặt » con dầy-tố cũ với người anh ruột của cô. Nhưng chồng cô kéo tay bảo ngồi xuống :

— Em đừng làm thế giữa nơi công-cộng. Bật lịch-sự.

— Em không muốn thầy mặt con đi ngựa đó. Em muốn đèn đánh cho nó một tát tay!

— Em có quyền gì đánh người ta? Em định làm nhục Anh Hai giữa nơi đông người hả?

— Cho nhục! Ai biểu anh em con mặt thốt ấy chi?

— Im đi! Em không được hỗn với Anh Hai.

Bị chồng ngăn-cản, Minh-Tú nổi quạu:

— Em đi về đây.

Một đứa con của Minh-Tú, đứa nhỏ nhất, muốn chạy đến mừng cậu Hai của nó, mà nó rất yêu mến, thường nhắc đến tên luôn, nhưng Minh-Tú nín nó lại. Cô trừng mắt ngó con và la nó:

— Không có cậu cháu gì nữa hết... Sửa soạn đi về, con.

Bữa ăn chưa xong, còn dở-dang, nhưng Minh-Tú nhất-định bỏ đi về một mạch, lôi cả đứa nhỏ theo. Thấy Năm ngó ăn một mình, với đứa con lớn. Thấy rất bất mãn về thái-độ nóng-nảy và vô-lễ của vợ.

Ngọc-Minh và Ánh không hay biết chuyện gì cả. Ăn xong, Ngọc-Minh cùng Ánh ra về. Chỗ chật, phải len qua

các hàng ghế, ông nhường Ánh đi trước, ông đi sau, không dè có người em rể đang ngó nơi bàn xa ngó ông với Ánh, trong đám đông khách ăn uống và trò chuyện vui về náo nhiệt ấy.

Ngọc Minh và Ánh đã ra ngoài đường, Thấy Năm còn nhìn theo, ra về thông-âm và thích thú lắm. Đưa con Thấy hỏi:

— Sao cậu Hai đi với chị Ánh, hả Ba?

Thấy mỉm cười đáp:

— Không phải chị Ánh đâu. Mợ Hai của con đây.

Đứa bé tròn mắt ngó Ba nó, không hiểu sao cả.



Ngọc Minh lái xe đưa Ánh về đến gần chợ Hòa Hưng, đã quá 9 giờ. Ông đậu xe nơi ngõ hẻm vào nhà Ánh và mở cửa xe để Ánh xuống. Ánh niêm nở cảm ơn ông và bảo:

— Thưa ông, nhà em mới dọn, cách đây chừng mười căn phố, phía trái. Trước sân hẹp có rào cây sơn xanh. Cửa có treo bức màn dentelle. Hai bên cửa có trồng mấy bụi hoa. Vách tường mới quét vôi-

Em xin mời ông 6 giờ chiều chủ nhật tuần tới, đến dùng cơm tôi với em. Em mong ông nhận lời.

— Cảm ơn Ánh. Tôi sẽ đến.

Ánh có chơi hai cái hụi trong sở, hột chót được hai chục ngàn đồng, và nhờ tiền dành dụm trong mấy năm làm thư ký nhà in, với đời sống hết sức cần kiệm và giản dị, bây giờ Ánh sang được một căn phố năm chục ngàn đồng, đầy đủ tiện nghi. Tiền thuê mỗi tháng bảy trăm đồng; kể cả điện nước vào khoảng chín trăm. Mòn tiền ấy chi hết một phần năm số lương tháng của Ánh. Mẹ Ánh kêu quá nhiều, muốn Ánh mượn một căn nhà lá rẻ tiền hơn, nhưng Ánh cho là tiền mồ-hôi nước mắt mình kiếm ra được là để cải thiện đời sống của mình một phần nào, chứ đâu phải làm ra tiền để nó lệ đồng tiền và tự đẩy dọa tâm thân mình trong cảnh bần cùng thiếu thốn mãi.

Một căn nhà xinh xắn tuy hơi chật nhưng cũng được ba phòng, thêm một nhà bếp và một phòng tắm. Ánh sắp

đặt đề Mẹ ở riêng một phòng, Ánh một phòng, mỗi phòng kê một chiếc giường nhỏ vừa một người nằm, và một tủ đựng quần áo. Ánh bài trí phòng ngoài làm phòng khách là gian phòng rộng hơn cả. Trong cùng là Bàn Thờ Ba của Ánh, với bức ảnh của người đã nuôi Ánh ăn học từ thuở nhỏ. Như chúng ta còn nhớ, lúc sinh thời ông là dân lao-động làm thợ máy trong nhà máy điện Chợ-quán và chết vì tai-nạn lao-động. Trước bàn thờ, ngay giữa nhà, Ánh kê một bộ xa-lông đơn-giản, nhưng xinh-xắn, gồm một bàn con và ba ghế. Bên trái, là bàn ăn nhỏ và vuông. — trải tấm nấp trắng, và kê được bốn ghế. Bên phải, một bàn viết đặt sát vào cửa sổ ngó ra đường, cửa song sắt che một tấm màn xanh mỏng. Cạnh bàn viết Ánh có đóng một tủ sách đựng chừng một trăm quyển, phần nhiều là các tác-phẩm Văn-học và Sử-học Việt-nam thích hợp với tri-óc cần-học của Ánh, chín mươi quyển tiểu-thuyết và thơ có giá-trị nhất và Ánh yêu chuộng nhất, bốn năm quyển sách Pháp-ngữ về văn-học và khoa-học thường-thức, hai quyển sách

Tự học Anh - ngữ; và ba quyển Tự - điển Việt - Pháp - Anh, Pháp - Việt, và Anh - Việt. Ánh đã hy-sinh gần một tháng lương. — cứ mỗi tháng mỗi ít, lâu ngày thành nhiều — để tạo ra được một tủ sách quý và Ánh hạnh-diện đóng nó vào vách tường giữa bàn thờ của cha và bàn viết của Ánh.

Nền nhà lát gạch vuông, đỏ và trắng, chủ nhà trước để bàn thiêu. Ánh đã phải lây bột « Nab » chùi lau sạch - sẽ, mất cả một buổi trưa. Bây giờ thì nền gạch sáng suốt và láng-bóng như còn mới. Trên các bức tường, mà Ánh thuê quét màu xanh nhạt, Ánh không thích treo bừa bãi nhiều thứ như trong đa số các nhà Việt Nam. Chỉ mỗi một tấm lịch lớn có đủ ngày Việt ngày Tây treo cạnh bàn viết; một bức ảnh rọi lớn của Ánh, bức ảnh đẹp nhất chụp lúc còn đi học, treo trên tủ sách; một bức họa truyền thần Mã của Ánh, treo trên cửa thông vào nhà trong; và bên

bàn ăn một bức tranh thôn quê Việt Nam rộng lớn, đóng khung gỗ, do một người bạn họa sĩ làm việc trong nhà in vẽ tặng Ánh.

Má Ánh muốn dán lên tường một phụ bản Cô gái đẹp, — một nữ ca sĩ — của một số báo Xuân in ở nhà in nơi Ánh làm việc — do một ký-giả báo ấy tặng Ánh hôm Tết. Ký giả có nhã ý để mây giồng chữ trên phụ bản: « *Thân tặng cô Lê-thị-Ánh, người đẹp muôn thuở* ». Ánh mỉm cười cảm ơn với tất cả nhu mì khiêm tốn, nhưng khi Má Ánh muốn dán phụ bản lên tường, Ánh hỏi:

— Má định dán hình đó, chi vậy má?

— Ma thấy đẹp.

— Cái đẹp ấy không có ý nghĩa gì cả. Bây giờ Má dán lên, rồi sang năm má lại gỡ xuống, thêm bản vách tường.

Bà già thấy Ánh không thích, cũng vứt phụ-bản trong đồng nhật-trình cũ để gói đồ.

(còn nữa)

TIN MỪNG

Chúng tôi nhận được hồng-thiệp của Ông Bà Khru-Tùng, Chủ sự Phòng Vật-liệu Bộ Tư-Pháp, 39/18 Võ-Tánh Saigon. báo tin lễ thành hôn của cậu KHUU-NGOC-THIỆT kết duyên cùng cô PHẠM-THỊ MAI-HOA, bào muội của ông bà Nguyễn-văn-Anh, Thương-gia, 179-bis Hai Bà Trưng Saigon. Hôn lễ cử hành ngày 28-4-1 62. Chúng tôi vui mừng cùng Ông bà Khru-Tùng và thân-mến chúc đôi tân-hôn được muôn vàn hạnh-phúc.

NGUYỄN - VỸ

Nhắn tin riêng Bạn đọc

● Vì kỳ này nhiều bài mới, nên tạm gác các mục thường xuyên lại một kỳ. Số sau sẽ tiếp tục. Mong bạn đọc thông cảm. Đa tạ.

★

★ Bạn Trương Châu, 116 Duy-Tân Đalat.

Tòa soạn còn đủ các số báo bạn hỏi. Bạn có thể gọi về 70\$ bằng tem bưu-diện.

★ Ô. Trần hữu Phương Thành nội. Huế.

Tòa soạn còn những số ông hỏi. Ông có thể gọi 90\$ bằng tem bưu-diện, khỏi gửi bưu phiếu.

★ Ô. Phạm trọng Thủy, trường Công-giáo P. Kỳ-Lộc ninh.

— Trong bài « *Võ Tổng Tân Thánh đã hồ* », trang 10, chúng tôi không hiểu hai câu « Từ Saigon lên Bàu Lòng . . . rồi mới tới Bàu-Lòng » sai ở chỗ nào? xin ông chỉ rõ cho. Xin thành thật cảm ơn.

— Trang 88, đáp bài số X:

628 đổi ngược lại là 826. Thợ sắp lộn con 2 ra trước, con 6 vào giữa, nhưng bạn đọc tập-ý chắc đã thấy sự sai lầm, vì câu sau chúng tôi đã viết đúng rõ ràng: 826 — 628 = 198.

★ Cô bạn Ngọc Ánh, Ba xuyên.

Rất tiếc Diệu-Huyền không theo rồi cuộc « xỏ số Ủy-ban Xã-hội » tỉnh-Vĩnh long. Vậy bạn nên hỏi thẳng nơi tòa Hành chánh, hoặc Ngân-kho địa phương. Diệu-Huyền không biết bạn « có trúng xe hơi hay không », sao lại « bắt đền » Diệu-Huyền? Diệu-Huyền biết đền gì bây giờ? Cảm ơn mấy lời chúc khả-ái trong thư.

★ Cô Thiên-Mai, Sài Gòn.

Đây, một vài địa-chỉ Trường dạy vẽ theo lối hàm-thụ, ở Paris:

— École A C Dessin et Peinture, 12 rue Lincoln, Paris 8^e.

— Cours Grands Maitres du Dessin, 48, rue Mazarine, Paris 6^e.

★ Cô Suzanne Lang, B^d Anspach, Bruxelles.

Tập thơ « Hoang-Vu » của N.V. chưa xuất-bản. Khi nào xuất-bản, sẽ báo tin trong Phê-Thông. Thành thật cảm ơn thư cô.

★ Bạn Đỗ minh Thành, Trung học Cường-Đề, Qui nhơn.

Thành thật cảm ơn thư bạn. Thân mến.

★ **Danh sách những bạn đáp trúng bài đố của
Diệu-Huyền trong P. T. số 78 (L'Annemite
mère des langues)**

Tặng 1 năm báo *Phổ-Thông* :

— Lê-Công-Thiện Ty Tiểu học Phong-Dinh — Phạm-duy-Chánh 23, Bùi-hữu-Nghĩa, Gia-Dinh — Tạ-trung-Hiệp 5 kếp, 61 Nguyễn-văn-Lạc Thị-Nghê — Đặng-kim-Vui — 122 Lê-thành-Tôn Saigon — Trần-minh-Tiên, 269/20, Võ-Tánh Saigon — Hà-kim-Ngọc, 24, Trần-tấn Phát Saigon — Phạm-dinh-Thuận 316, Nguyễn Hoàng Cholon — Nguyễn-kim-Lương 3/5 Lê-thái-Tổ, P ong-Dinh, Lâm-văn-Lập, 150 Đinh-bộ-Lĩnh, Định -Tường , Chợ cũ — Nguyễn-lương Tri 85, Học-Lạc, Mỹ-Tho.

Danh sách những bạn đáp trúng cả 2 câu đố của Ba Tui, trong *Phổ-Thông* số 78. Tặng 1 số báo 80.

— Lưu-quý-Tân, Viện Khảo-cổ, Saigon — Nguyễn quốc-Toán 109/42 cư xá Lê-quốc-Hưng Khánh-Hội — Hoàng-Minh-Kiều box 39 Cần-thơ. — Nguyễn-văn-Ba, hẻm 553-4 tiểu khu 6 Trần-hưng-Đạo Saigon — Nguyễn-hữu-Dur 91, Nguyễn-tri-Phương Ba-nuyn (Khánh-Hưng) — Trung-Tiết hộp thư 39 Phong-Dinh.



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỔ
CHỐNG MỆT-MỎI THỀ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NGHIỆM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC

Nhà thuốc **YAN-XUAN**
Phát hành lại THUỐC BỔ:

HUYET-SON-DUONG

Sở tập Đại-lý và khách hàng tại

Nhà thuốc **YAN-XUAN**
Đường THUAN-KIEU CHOLON

CÁO PHÓ

Chúng tôi lấy làm đau đớn báo tin cùng Quý Cụ, quý Ông Bà, và thân bằng quyến thuộc hay :

Thân mẫu nhạc mẫu, nội tổ, ngoại tổ chúng tôi là Bà Quả-Phụ :

THÁI THƯỜNG TỰ KHANH CƯỜNG TRỰC PHU NHIÊN
nhũ danh : **NGUYỄN-THỊ-HỮU** pháp danh **NGUYỄN-THANH**
đã tạ thế tại Huế, ngày 4-5-62, hưởng thọ 76 tuổi.

Con trai : — Tráng-Đinh và vợ — Tráng-Giêng và vợ.

Con gái và rể : — Tôn-Nữ Như-Liên và Hoàng-văn-Bang
— Tôn-Nữ Như-Đạt và Trọng-Huyền.

Cháu nội : — Liên-Phú, Liên-Bảo, Liên-Đàm, Liên-Hiệp,
Liên-Nguyên, Liên-Minh, Tôn-Nữ Xuân-Lữ,
Tôn-Nữ Xuân-Huy.

Cháu ngoại : — Hoàng-thị-Bảo và chồng Vĩnh-Mạnh cùng các con
— Hoàng-thị-Huống và chồng Võ-Sum cùng các con
— Hoàng-công-Duyệt và vợ Bùi-thị Bạch-Cúc cùng các con.

— Hoàng-công-Lợi, Hoàng-công-Quyền, Hoàng-thị Tâm-Tín.

Tang gia khắp báo

Cáo phó này thay thiệp tang. Xin miễn đồ phúng điếu.

Trong dịp đau đớn này, chúng tôi rất cảm động chia buồn cùng bạn Tráng-Đinh và tôn-quyển, và thành kính cầu nguyện cho Vong-Linh Bác được tiêu-diêu miền Cực-Lạc.

NGUYỄN-VỸ



POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, Ề-OT, CHẠM MỘC RÀNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC

QUÝ ÔNG :
THƯƠNG GIA, KỸ NGHỆ GIA, NHÀ VẬN TẢI
XIN LƯU Ý :

« LE SECOURS »

Công ty nặc danh bảo hiểm và tái bảo hiểm
Vốn hội : 1.155.200 N. F.

Chi cuộc đặt tại tòa nhà của Công-ty
Số 16, đại-lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON, Điện-thoại: 20.461

Có đại lý và đại diện khắp các tỉnh ở VIỆT-NAM
Bảo hiểm các loại xe cộ, tai nạn, hỏa hoạn,
trộm cắp, hàng hóa và tất cả các rủi ro.

Trong mọi cuộc di chuyển hay du lịch, quý vị chớ
nên đi mà không có bảo hiểm đặc biệt về du lịch nơi
Công-ty « LE SECOURS ».

Loại bảo hiểm này rất rẻ mà làm cho quý vị được yên lòng.
Khi cần đến hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ớ CHUA - BUỒN NÔN-ỢI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CO RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

BỊNH ĐAU THÂN CÓ THỂ SUY NHƯỢC

1 iệt dương bất lực, thân hình ốm yếu, lưng đau, đầu nhức, mắt mờ,
bểng ăn mất ngủ, hết muốn hoạt động vì lý do phỉ sức thức đêm, ỉa dục
quá độ sauh ra mọng mị di tinh, muốn dứt bệnh Đau Thân uống thuốc
CƯỜNG THẬN TINH QUẢNG AN HÒA tráng dương bổ thận
tăng cường sinh lực, ăn ngon ngủ được khoẻ, mạnh.

Đồng dược sĩ : LÝ - TRÁC

Phát hành : Nhà thuốc bắc : QUẢNG-AN-HÒA

169, Lê-văn-Duyệt — Saigon, có bán khắp nơi

Quý Bà muốn khỏi lo bị chứ g : Kinh nguyệt vô chừng, có bạch đới,
đau tử cung, kém sức, ít ăn ngủ, da méo, mặt đầy mụn, uế oải mệt nhọc
Quý Bà dùng ngay thuốc :

NỮ - KIM - CAO QUẢNG AN HÒA

giúp quý bà quý cô bá luận già trẻ bổ huyết điều kinh bồi dưỡng sức lực,
ăn ngon ngủ được, tươi khỏe hồng hào (Có bán khắp nơi)

Đồng Dược sĩ : LÝ - TRÁC

QUẢNG AN HÒA, 169, Lê-văn-Duyệt — Saigon

Mỗi hộp 2 viên giá 20\$. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán.

Gửi đến các bạn quân-nhân, công-tư chức, giáo giới, sinh-viên, học-sinh :

- Các bạn ít có thì giờ, hay luân chuyển luôn !
- Các bạn không hân hạnh được đến Trường học như mọi người !
- Các bạn đang cư-ngụ tại Đô-Thành hay tại miền quê hẻo lánh !
- Nay vì thời-dại, vì sinh-kế hàng ngày bắt buộc các bạn phải biết một ngoại ngữ, nếu không các bạn sẽ bị sa-thải bởi sự tiến-hóa không ngừng của nhân-loại.
- Các bạn cần học gấp rút để gây căn-bản !
- Với tinh-thần hiếu học sẵn có, một ý chí bền vững và một sức khỏe dồi dào, các bạn cũng có thể thành-công như hàng ngàn học-viên khác của :

TRƯỜNG HÀM-THỤ SINH-NGŨ PHƯƠNG-MAI

22B, đường Ông-Ích-Khiêm — ĐÀ-NẴNG

- Một Trường chuyên dạy Anh-văn và Pháp-văn bằng lối gửi thư và mặt THỰC-HÀNH CẤP-TỐC và BỒ-TÚC LUYỆN THI, đầy đủ mọi lớp từ Đệ-Thất (vở lòng) đến Đệ-Nhất. Bài vở soạn thảo công phu, giảng giải linh-dộng, rõ ràng, dễ hiểu dễ học và gửi đúng kỳ hạn. Trình-dộ nào cũng có thể ghi tên theo học được. Có phiên-âm ra Việt-ngữ rất rõ ràng và đầy đủ. Học-phí hạ nhất. Cấp chứng chỉ giá-trị khi mãn khóa. Hãy gấp rút viết thư xin bản thể-lệ tại Nhà Trường theo địa-chỉ trên.

100 món thuốc...

TRỊ 300 BỆNH



Giảng giải rõ hơn trong sách « **NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI DÙNG THUỐC ĐÔNG-Y** » do nhà thuốc KIM-ĐIỀN xuất bản, in kỳ II, có biểu tại 361, Phan-dinh-Phùng — Saigon. Ở xa, gởi có 3\$, sẽ có sách gởi đến tận nhà.

TRONG MỌI GIA-ĐÌNH

XÁ-XỊ

HỎA-TIẾN

Được mọi
người ưa
ch chuộng

NƯỚC NGỌT "CON CỎ" ĐẬU
ĐÂY LÀ KHỎE, MẠNH, SỐNG LÂU,
YÊU ĐỜI



Tinh chế với rễ cây xá xị chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XỊ HỎA TIẾN** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xị, không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguên được mọi được tính căn bản quý giá của rễ cây xá xị, như : giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, trừ tiêu chảy, chống bệnh suy nhược, lại thêm tính chất thơm ngon, tinh khiết, **XÁ XỊ HỎA TIẾN** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia-đình.

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BAN KHAP CÁC NHÀ THUỐC AU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

4 Dược phẩm của Bác sĩ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

Tất cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (*Hypertension artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22.774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité irritable), hay lo âu, hồi hộp, tim đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v...* »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »

Ngoài ra đối với những học-sinh cần thêm sáng dạ thì thuốc này còn có công-dụng huyền-diệu không thuốc nào bằng. (B. s. Đặng văn Hồ).

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này bệnh *Ho Gà* chỉ trong 2 tuần lễ có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm. *Coqueluchine* trị *Ho Gà* theo một nguyên tắc hoàn toàn mới là một thứ thuốc tiên-phong trong cách trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Trị chứng thổ huyết rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khản huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan-y.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và các Dépôts

Bán sỉ tại 246 đường Công-Quỳnh Saigon.

COQUELUCHE ★ HEMOPTYSOL ★

Asphétyne

Đặc biệt trị:
SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

LÂM HẾT NỖNG NỢC

Cách dùng : 1 muỗng
cá-phê từ 2 lần đến 4 lần
trong 24 giờ trong lúc lên
cơn và xa bữa ăn

Viện Bảo-Chế KIM-QUAN
Số 1, Chợ Bến Thành
SAIGON

**PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON**

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn